



Hứng dừa (tranh Đông Hồ)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|---------------------------|-------------------|
| 1 | Nam Quan khổ ải | Nguyễn Ngọc Giao |
| 4 | Tin / Thời sự | |
| 10 | Về biên giới Việt-Trung | Lê Công Phụng |
| 12 | Một trải nghiệm thú vị | Nguyễn Dừa (e)Cột |
| 13 | Vụ Enron phá sản | Vũ Quang Việt |
| 15 | Từ Davos đến Porto Alegre | Nguyễn Quang |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|--------------------------------|---------------------------------|
| 17 | Văn hoá trong cách xưng hô | Cao Xuân Hạo |
| 19 | Tân mạn về tranh ngựa | Văn Ngọc |
| 22 | Năm Ngọ nói chuyện ngựa | Đặng Tiến |
| 23 | Đời tư của Karl Marx | Nguyễn Văn Tuấn |
| 26 | Đứa trẻ... (truyện ngắn) | Phong Điệp |
| 28 | Phong cách Phong Điệp | Nguyễn Văn Thọ |
| 30 | Trang thơ | Phan Huyền Thư, Tân Văn, Thi Êm |
| 31 | Tiết Cương phá thiết khâu phân | Hoàng Tiến |

Về hai hiệp định biên giới Việt-Trung

Nam Quan khổ ải

NGUYỄN NGỌC GIAO

Sau nhiều năm đàm phán, Hiệp định về biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được kí kết từ cuối năm 1999 và (sau khi quốc hội hai nước bỏ phiếu thông qua) có hiệu lực kể từ ngày 7.6.2000 (xem *Diễn Đàn* số 114 và 115). Văn kiện quan trọng này hầu như không được dư luận quan tâm, cho đến cuối tháng 12.2001 vừa qua, khi chính quyền hai nước bắt đầu tiến hành cắm các cột mốc ở biên giới (việc này sẽ kéo dài vài năm), đồng thời kí kết bản Hiệp định về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ (ngày 25.12.2001).

Khởi đầu là những bức thư từ Hà Nội, phản đối của một số nhà cách mạng lão thành và trí thức, tiêu biểu là bản kiến nghị của 20 người (trong đó có các ông Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Hoàng Tiến, Nguyễn Thanh Giang...). Các bài viết này khẳng định (hoặc nhắc lại những thông tin không rõ xuất xứ) rằng với bản hiệp định về biên giới trên đất liền, nước ta mất đi 700 km² đất đai (trong đó có Thác Bản Giốc và Mực Nam Quan), và với bản hiệp định phân ranh Vịnh Bắc Bộ vừa kí kết, thì so với hiệp định Pháp-Thanh (1887 và 1895), ta mất đi 10 % diện tích Vịnh Bắc Bộ.

Qua mạng lưới internet, các bài viết nói trên nhanh chóng được phổ biến trong cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài. Dư luận xao xuyến và thắc mắc, thậm chí phẫn nộ. Đó là những tình cảm chính đáng vì lãnh thổ và lãnh hải là những điều thiêng liêng đối với mọi dân tộc, đặc biệt đối với một dân tộc đã phải trả bằng sự hi sinh của nhiều thế hệ để giành lại độc lập và thống nhất. Nếu Bản Giốc và Nam Quan trước hết là những biểu tượng tình cảm (nếu không nói là tâm linh), thì Vịnh Bắc Bộ lại có một ý nghĩa chiến lược sống còn và giá trị kinh tế to lớn (về thủy sản cũng như về dầu khí). Và xa hơn Vịnh Bắc Bộ là Biển Đông. Thua thiệt ở đây sẽ dẫn tới những hậu quả thế nào về Hoàng Sa, Trường Sa, về cả vùng biển nằm giữa Đông Nam Á mà Trung Quốc khẳng khái nói là của mình ?

Dư luận càng thắc mắc hơn nữa khi chính quyền Việt Nam không công khai trả lời các kháng thư, không công bố văn bản các hiệp định và các bản đồ đính kèm. Sự im lặng này càng làm tăng độ tin cậy của những thông tin truyền miệng về vùng đất và vùng biển bị mất đi.

(xem tiếp trang 11)

sinh hoạt nghệ thuật

Phim MÙA ỚI của ĐẶNG NHẬT MINH

sẽ ra mắt công chúng Pháp từ ngày 24.4.2002.

Chương trình lưu diễn của NGUYỄN LÊ

Tháng 3 : Nguyễn Lê Trio (KZ, Michel Alibo) trình tấu ngày tại 1 Einbeck, 2 Berlin ; song tấu với Furio di Castri ngày 7 tại Pavia ; với Hương Thanh (Dragonfly) ngày 9 tại Koln, 22 tại Fachtumesnil ; với Maghreb & Friends ngày 16 gần Berlin ; 29 tại Commercy (Nguyễn Lê trio).

Tháng 4 : Nguyễn Lê Trio trình tấu ngày 5 tại Romans, 6 St Claude ; với Terri Lynne Carrington/G Thomas/Rachel Z/Matt Garisson : 8 Heidelberg, 9 Hamburg, 10 Hannover, 11 Basel, 12 Paris New Morning, 13 Dortmund, 14 Zurich, 17 Berlin ; 18-21 : Houston Festival ; 22-25, Los Angeles (recording Hendrix CD).

ĐẶNG THÁI SƠN tại Aix-en-Provence

trình tấu cùng Dàn nhạc giao hưởng Baden Baden ngày 24.3 tại

Bạn đọc và Diễn Đàn

Thiên ôm

Tôi đã nhận được báo Diễn Đàn số Xuân. Tờ báo nội dung rất phong phú, hấp dẫn. Đọc bài ấn tượng một chuyến về của Kiến Văn, tôi có một ý kiến nhỏ muốn bổ sung.

Bài của anh Kiến Văn viết hay quá làm tôi cũng thêm ăn lại những món ăn quê hương. Hy vọng trong một bài sau, anh sẽ bật mí cho chúng ta biết ở Sài Gòn, Hà Nội có những tiệm nào ngon và ngon món gì. Về nước nhiều lần nhưng thực sự chẳng biết đi ăn ở đâu cho đạt. Trong bài anh câu cuối cùng, anh có đề cập đến “ thiên ôm ”, lại đặt gần những từ “ bia ôm, tẩm ôm...” không mấy đẹp nên tôi muốn bổ sung để khỏi hiểu lầm. Thiên ôm là một phương pháp do thầy Nhất Hạnh sáng tạo nhằm chủ yếu để xây dựng lại sự truyền thông trong gia đình, giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái vì chúng ta có thể sống chung với nhau, gặp nhau hàng ngày nhưng ít khi để ý sự có mặt của nhau. Và do đó trong những ngày giỗ ông bà, trong dịp sinh nhật... thầy Nhất Hạnh khuyến khích cha mẹ, con cái nên ôm nhau trong chánh niệm để biết người kia còn đang sống, để trân quý những giờ phút còn sống bên nhau. Dĩ nhiên cũng có một số thiên sinh Tây phương hơi lạm dụng thiên ôm, nhưng đó lại là chuyện khác.

Trần Quang Ngọc (Stuttgart, Đức)

☞ Cảm ơn anh đã cho biết rõ lai lịch quan niệm Thiên ôm của thiền sư Nhất Hạnh. Tôi chỉ nghe nói tới chuyện này qua lời kể của một ni cô Sài Gòn, trong một dịp sang Mỹ đã được “ thiên ôm ” và vẫn “ hơi bị ” kinh hoàng.

Kiến Văn

Sinh con rồi mới sinh cha

Trong Diễn Đàn số 115 :

* Trang 12, (bài của tác giả Vĩnh Sinh), cột 1 dòng 16, viết : Tân Thủy Hoàng bị Triệu Cao giết (Thật ra là Tân Nhị Thế bị Triệu Cao giết, chứ không phải là Tân Thủy Hoàng).

* Trang 49, (bài của tác giả Nguyễn Tường Bách) cột 1, dòng 18, viết : Trước công nguyên tại vùng này đã xảy ra cuộc Hán Sở tranh hùng, cuối cùng Hạng Vũ thua, tự tử tại Cai Hạ trên bờ Dương Tử. Về sau Phù Sai cũng bị Việt vương Câu Tiễn tiêu diệt nơi đây. (Thật ra, Hán Sở tranh hùng là sau khi Tân Thủy Hoàng chết. Mà Câu Tiễn diệt Phù Sai là trước khi Tân Thủy Hoàng thống nhất nước Tàu). Như vậy cũng tựa như là :

Sinh con rồi mới sinh cha,

Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông.

Cho nên xin hỏi thăm Ban biên tập xem đó là do các tác giả lơ đãng, hay là người đánh máy gõ nhầm ?

Kể thêm chuyện lơ đãng. Trong tạp chí Xưa và Nay, số 99, trang 12, cột 3, bài phỏng vấn cụ Trần Văn Giàu, lúc trả lời về câu hỏi về [tài cầm quân của] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, có câu (nguyên văn) : “ Sử gia có thể ‘đánh giá’ Napoléon, Frederic, Mạnh Đức Tư Cưu (tức Montesquieu), Tôn tử để dàng vì các nhân vật ấy hoàn toàn tự quyết định chiến lược,

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông *Ôô Thành Nghĩa*

đã từ trần ngày 18.2.2002, thọ 78 tuổi. Lễ tang cử hành ngày 22.2.2002 tại nghĩa trang Père Lachaise, Paris.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Sylviane, Catherine Kim Mai và toàn thể tang quyến.

Chúng tôi được tin

Ông *Đào Tương*

đã từ trần ngày 23.2.2002 tại Paris.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Liễu, anh Lai và toàn thể tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

—

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

chiến thuật của mình ”. Tôi chưa nghe thấy nói Montesquieu cầm quân bao giờ. Chắc là lơ đãng khi muốn nói Thành Cát Tư Hãn ? Điều lạ là Ban biên tập của tờ tạp chí Sử học này giữ nguyên văn không sửa, một điều hiếm trong báo chí Việt Nam hay thích sửa câu chữ của các tác giả !

N.V. (Paris, Pháp)

 Tác giả xin nhận sai sót và cảm ơn sự chú ý của ông. Về mặt lịch sử, Phù Sai chết năm 496 trước công nguyên, Hạng Vũ chết năm 202 trước công nguyên, cách nhau khoảng gần 300 năm. Vì thế câu “ Về sau Ngô Phù Sai cũng bị Việt Vương Câu Tiễn tiêu diệt nơi đây ” phải được sửa thành “ Trước đó, Ngô Phù Sai...” . **Mùi Hương Trầm** trong lần xuất bản tới sẽ được điều chỉnh. Xin nói thêm là nếu độc giả nào cũng chú ý như ông thì thật đáng quý cho các cuốn sách, để sách được hoàn chỉnh hơn.

Nguyễn Tường Bách

 Đúng như anh/chị N.V. đã góp ý, hoạn quan Triệu Cao không giết Tần Thủy Hoàng (còn đọc là Tần Thủy Hoàng, tức “ Hoàng đế đầu tiên ”), nhưng đã sát hại con trưởng của Thủy Hoàng là Thái tử Phù Tô nhằm lập thứ tử là Hồ Hợi lên ngôi – tức Nhị Thế Hoàng đế (“ Hoàng đế đời thứ hai ”). Cuối cùng Nhị Thế cũng bị Triệu Cao giết hại. Khi tóm tắt để giới thiệu lại những ý tưởng chính của Phan Châu Trinh về chế độ quân chủ ở Đông Á, tôi đã sơ suất, không ghi thêm chú thích để nói rõ là Phan đã nhớ lầm về chi tiết này. Trong hai bài diễn văn “ Đạo đức và luân lý đông Tây ” và “ Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa ” (đọc vào tháng 11, 1925 tại nhà Hội Thanh niên Sài Gòn), ngoài chi tiết trên, Phan cũng đã nhớ lầm một số chi tiết khác mà chúng tôi đã cố gắng nêu lên trong phần chú thích trong bài viết.

Xin nói thêm là Phan đã viết 2 bài diễn văn này khi vừa mới hồi hương sau gần 14 năm cư ngụ tại Pháp và bệnh tình (bệnh phổi và bệnh kiết lỵ) của Phan ngày càng trở nên trầm trọng. Dĩ nhiên vào thời điểm đó, khi viết Phan chỉ hoàn toàn dựa vào trí nhớ của mình. Bởi vậy, những lẫn lộn nho nhỏ trong 2 bài diễn văn trên không những đã không làm mất giá trị hai bài diễn văn bất hủ này, mà như chỉ khiến ta liên tưởng đến “ bộ nhớ ” khủng khiếp của sĩ phu nước ngày trước (khi dịch Phan Bội Châu niên biểu từ nguyên văn chữ Hán sang chữ Anh, chúng tôi cũng đã cảm thấy điều đó), và quan trọng hơn cả, là những lập luận hùng hồn, đầy sức thuyết phục và nặng lòng ưu ái dân tộc của Phan Châu Trinh.

Xin cảm ơn anh/chị N.V. và thành thật xin lỗi bạn đọc về sơ xuất của tôi.

Vinh Sính

 Khi lên khuôn, người đánh máy cũng phát hiện ra trình tự thời gian đảo ngược giữa Hạng Vũ và Phù Sai, nhưng liên lạc với tác giả bằng điện thoại và email không được. Lẽ ra có thể mạn phép chú thích, nhưng anh chị em toà soạn cho rằng thế nào cũng nhận được thư độc giả “ nhặt sạn ” giùm. Sai lầm của chúng tôi là đã... đoán nhầm tên độc giả. Xin cảm ơn anh N.V. đã cho chúng tôi thêm một kiểm nghiệm về chất lượng và sự quan tâm của độc giả Diễn Đàn.

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu €

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 € ; Châu

Âu ngoài Pháp : 45 € ; Các nước ngoài châu Âu : 50 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 12 € lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70 CAD đề tên ông DUNG TRAN và gửi về Mr TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, Quebec H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15 \$ US xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank: SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85 - Numer Konta : 22 55 95 51 85 - Pesel : 480 91 64 10 10.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Úc và các nước khác : gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn.

TIN TỨC

Việc hồi hương của những người Thượng đang tị nạn ở Cam-pu-chia

Ngày 19.2, Cao uỷ Liên hiệp quốc về người tị nạn (viết tắt : UNHCR, hay gọn hơn, HCR) đã đưa 15 người Thượng đang tị nạn ở Cam-pu-chia về nước. Đây là những người đầu tiên hồi hương dưới sự giúp đỡ của HCR, theo một thoả thuận ba bên Việt Nam - Cam-pu-chia - HCR được thông qua ngày 21.1.2002 tại Phnom Penh. Theo thoả thuận này, những người Thượng đã chạy sang Cam-pu-chia sau các vụ biểu tình bạo động - đàn áp ở Tây Nguyên năm ngoái (xem ĐĐ các số 105, 106, 107), sẽ được ‘tư vấn thích hợp’ để trở về Việt Nam và nhà nước VN bảo đảm họ “*sẽ được tiếp nhận an toàn và sẽ không bị trừng phạt hoặc phân biệt đối xử với những lý do liên quan đến việc ra đi của họ*”. Việt Nam cũng chấp nhận yêu cầu của HCR được đến thăm các gia đình và quê hương của những người Thượng nói trên, và điều kiện “*chuyến thăm đó phải có hiệu quả và đáng tin cậy*”.

Một cuộc họp tháng 7 năm trước ở Hà Nội đã thất bại vì yêu cầu này bị khước từ.

Tuy nhiên, mặc dù HCR đã khẳng định là trong số hơn 1000 người tị nạn đang sống ở các trại do HCR quản lý ở biên giới VN-CPC, phần lớn muốn trở về nước, sự việc không diễn ra suôn sẻ. Ngày 13.2, sau hai chuyến đi Tây Nguyên (ngày 31.1 và 12-13.2), phỏng vấn 28 gia đình có người vượt biên, HCR thông báo chuyến hồi hương đầu tiên sẽ được tổ chức vào ngày 16.2, và cho biết đã có 109 người ghi tên về nước. Ông Nikola Mihajlovic, trưởng phòng đại diện HCR ở CPC cũng nói rõ là “*tuy vậy, HCR chưa biết chắc bao nhiêu trong số này sẽ về, vì họ tự do quyết định*”. Nhưng ngay sau thông báo, tổ chức Human Rights Watch và chính phủ Mỹ đã tích cực can thiệp chống lại việc hồi hương này, khiến cho HCR đã phải hoãn lại chuyến đầu tiên, 3 ngày sau mới thực hiện. Đại sứ Mỹ tại Phnom Penh Kent Wiedemann trách HCR đã hành động ‘hấp tấp’, không có đủ bảo đảm cho sự an toàn của những người trở về, và tuyên bố Mỹ sẽ nhận cho tất cả hơn 1000 người Thượng đang ở các trại tị nạn CPC được sang Mỹ định cư (năm ngoái, Mỹ đã nhận tất cả 28 người sang định cư, và sau đó để những người còn lại sống với trợ cấp của HCR trong các trại ở biên giới VN-CPC !).

Trả lời câu hỏi của hãng thông tấn AP ngày 21.2 về lời hứa hẹn này, bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao VN đã đánh giá rằng đó là một “*sự can thiệp rất trắng trợn*” (very brazen interference), đe dọa nghiêm trọng quá trình đưa người hồi hương. Phản ứng mạnh của Hà Nội đã buộc Mỹ phải lùi một bước. Ngày hôm sau, trả lời phỏng vấn qua điện thoại của AP, ông Wiedemann đã chỉnh lại là Mỹ không muốn mở

van cho những người tị nạn sang Mỹ định cư, ngược lại mong mỗi họ có thể trở về quê hương, nhưng phải bảo đảm an toàn cho họ. Một quan chức sứ quán Mỹ tại Hà Nội, không chịu cho AP nêu tên, nói rằng sứ quán ‘không quen lắm’ (not familiar with, mấy chữ này được để trong ngoặc kép trong tin điện của AP) với lời hứa của ông Wiedemann !

Trước đó, ngày 19.2, trong một tuyên bố chính thức, bà Thanh đã trách cứ HCR đã không thực hiện đúng lời hẹn tổ chức chuyến hồi hương đầu tiên vào ngày 16.2 và cho rằng “*UNHCR cần độc lập trong hành động theo tôn chỉ, mục đích của mình, không nên để một số thế lực bên ngoài chi phối, thực hiện nghiêm túc thoả thuận ba bên ngày 21-1-2002, nhanh chóng thu xếp để số đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đã vượt biên trái phép sang Cam-pu-chia được sớm trở về đoàn tụ với gia đình, phù hợp với nguyện vọng của bản thân họ và thân nhân của họ ở Việt Nam*.” Bản tuyên bố cũng nhắc lại VN đã cùng với HCR thực hiện tốt chương trình “Hành động toàn diện” (CPA) trong giai đoạn 1989-1996. Chương trình hành động này đã đưa hơn 100 000 người vượt biên phải sống dài hạn ở các trại tị nạn ở Hồng Kông và các nước Đông Nam Á trở về nước.

Về phần mình, ông Kris Janowski, một người phát ngôn của HCR ở trụ sở Genève (Thụy Sĩ) đã bảo vệ quyết định của HCR. Theo ông, các nhân viên HCR đã rất tích cực hoạt động cho chương trình này, và HCR sẽ theo dõi sát tình hình. Ông Janowski nhắc lại, theo thoả thuận ngày 21.2, HCR có quyền đến thăm nơi ở của những người hồi hương “*trước, trong khi và sau khi họ đã trở về*”.

* Bên lề cuộc tranh cãi về việc đưa những người Thượng tị nạn hồi hương, Hà Nội đã tổ chức cho một đoàn nhà báo nước ngoài đi thăm (có hướng dẫn !) tỉnh Gia Lai vào ngày 19.2. Có mặt đủ bộ bá quan : Tân Hoa xã, Prensa Latina (Cuba), Reuters, BBC, Financial Times, AP, Nikkei và Kyodo (Nhật), Novosti (Nga)... Chỉ thiếu AFP không được dự vì “*nộp đơn quá hạn ngày 1.2*”. Nhưng phóng viên của AFP tại Hà Nội cho biết ông đã nộp đơn xin đi thăm vùng này trước khi chuyến đi được thông báo vào ngày 30.1, và cũng đã cùng với các đồng nghiệp ghi tên cho chuyến đi này trước thời hạn chốt là ngày 5.2 ! (theo tin AFP 21.1, 18.2, Reuters 13.2 và 19.2, DPA 19.2, Nhân Dân 19.2 và AP 21, 22.2.2002)

Cam Ranh mở cửa ?

Ngày 1-2, trong cuộc tiếp đò đốc Dennis Blair, tổng tư lệnh Bộ chỉ huy Thái Bình Dương của Mỹ sang thăm Việt Nam, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng khẳng định : Chính phủ Việt Nam thực hiện nhất quán quan điểm đối ngoại là đa phương hóa, đa dạng hóa, muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới, vì mục tiêu hòa bình, ổn định và phát triển. Trên cơ sở đó quân đội hai nước có thể hợp tác với nhau trên tinh thần tôn trọng, không can thiệp công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi; đồng thời hợp tác trong lĩnh vực chống ma túy, rà soát, tháo gỡ bom mìn ở Việt Nam và chống khủng bố, nhằm loại bỏ khủng bố ra khỏi đời sống xã hội.

Trong cuộc họp báo sau đó, đô đốc Dennis Blair nói rõ hơn là Washington đã bắt đầu quá trình thảo luận với Hà Nội về việc về việc thuê căn cứ hải quân Cam Ranh sau khi Nga hết

thời hạn thuê năm 2004. Ông Blair nói : “ Chúng tôi đang tìm kiếm những địa điểm để tàu chúng tôi có thể qua lại. Vịnh Cam Ranh hết sức quan trọng với chúng tôi trong khu vực này ”. Tuy nhiên, ông khẳng định, Washington không có ý định thiết lập một căn cứ quân sự vĩnh viễn tại đây hay bất kỳ nơi nào tại Đông Nam Á. “ Những gì chúng tôi tìm kiếm là hàng loạt những thoả thuận linh hoạt để chúng tôi có thể hợp tác với các nước trong khu vực và có thể tiến hành công việc khi cần thiết ”.

Đại sứ Mỹ tại Việt Nam, ông Raymond Burghardt cho biết, một khả năng để ngõ là Cam Ranh có thể mở cửa trở thành cảng ghé đối với tàu chiến của Mỹ.

Tuy vậy, những tin tức về chuyến đi của ông Blair có vẻ đã gieo lo ngại về khả năng Mỹ trở lại Cam Ranh thay Nga, khiến cho ngày 9-2, người phát ngôn bộ Ngoại giao Việt Nam, bà Phan Thúy Thanh đã phải ra tuyên bố : “ Cam Ranh là cảng

của Việt Nam. Việt Nam sẽ không ký với nước nào về việc sử dụng cảng Cam Ranh vào mục đích quân sự. Việt Nam sẽ khai thác tiềm năng, lợi thế của cảng Cam Ranh để phục vụ mục tiêu phát triển.” (Theo AFP 1.2, International Herald Tribune 8.2 và Nhân Dân điện tử 10.2.2002)

Kê khai tài sản

Hơn ba năm thi hành nghị định số 64/1998/NĐ-CP ngày 17.8.1998, buộc cán bộ, đảng viên phải kê khai tài sản, nhằm ‘góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực ‘ (xem DD số 77, tháng 9.98), chính phủ đã ra một nghị định ‘Sửa đổi, bổ sung một số điều’ của nghị định này. Tài sản phải kê khai bao gồm nhà đất (kể cả nhà đất được thuê, được thừa kế, được tặng, cho, nhà mua, nhà tự xây cất...) ; các loại cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp đầu tư vào doanh nghiệp, cơ sở, sản xuất, kinh doanh ; những tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên như: ô-tô, tàu, thuyền,v.v... Một mẫu kê khai được ban hành theo nghị định,

Độc báo trong nước

Rửa tiền

Nguyễn Văn Phú

Rửa tiền là một khái niệm du nhập từ nước ngoài, ngay cả ở cách cấu tạo từ hoàn toàn theo nghĩa đen (money laundering: giặt tiền). Tuy nhiên khi vào VN rồi, khái niệm rửa tiền hoàn toàn mang nghĩa khác, ít nhất trong giai đoạn vừa qua, trước lúc rộ lên chuyện xã hội đen (*chỉ các nhóm tội phạm mafia, hoạt động có bề thế, nhiều mặt như sông bãi, nhà điểm... - chú thích của Diễn Đàn*).

Vì có nạn rửa tiền nên ở nhiều nước, chuyển dịch tiền từ tài khoản này sang tài khoản khác giá trị từ 10 000 USD là được giới ngân hàng chú ý kỹ vì họ phải làm báo cáo.

Ở nước ta, nhu cầu rửa tiền xuất hiện khi nạn tham nhũng phát triển. Với thu nhập bình thường của một quan chức, khó lòng biện minh cho những ngôi nhà xây theo kiểu biệt thự đồ sộ hay những món hàng đắt tiền - từ đó mới có khái niệm rửa tiền hiểu theo nghĩa làm sao công khai hóa các khoản tài sản bất minh thường có được nhờ tham nhũng. Kiểu có tiền chôn giấu trong nhà trong khi bề ngoài vẫn giữ mức thanh đạm xưa quá rồi, vì ngày nay ít quan chức tham nhũng nào lại nín lòng không muốn hưởng thụ.

Chuyện rửa tiền ở nước ta theo nhu cầu nói ở trên cũng đi từ chỗ thô sơ đến tinh vi. Thoạt tiên cách làm khá phổ biến là đi mua vé số trúng giải đặc biệt. Có một thời người bình thường trúng số nếu may mắn còn có thể bán lại chiếc vé trúng thưởng với giá cao hơn cả giải ghi trên vé. Một quan chức nào đó có nhu cầu rửa tiền chạy tìm mua loại vé này, đóng một màn kịch đơn giản đi lĩnh tiền và yên tâm xây nhà, mua xe.

Sau này, nhờ thị trường nhà đất biến động, nhiều vị giàu lên nhờ đất không nói làm gì nhưng cũng có những vị nhờ đất để hợp thức hóa các khoản giàu bất chính khác, như thế đất là chiếc đũa thần giải quyết thắc mắc : ở đâu ra mà chóng giàu thế ?

Rửa tiền lúc này mang nghĩa làm sao nhận tiền hối lộ nhưng kín đáo, khó bị lộ hay khó bị truy nguyên nguồn gốc. Như vậy rửa tiền ở đây không có nghĩa có tiền rồi đem đi rửa mà rửa trước khi nhận. Thế là có những học bổng trị giá cả trăm ngàn đô la cấp cho con các quan chức, những chuyến đi tham quan nước ngoài.

Con đi học, không những khỏi lo gửi tiền mà còn có thể dùng tài khoản của con ở nước ngoài để chuyển tiền cho kín đáo. Có thể người không biết sẽ ngạc nhiên vì sao hệ thống chuyển tiền ngoài luồng từ nước ngoài về VN thu phí rất thấp. Thậm chí không thu phí, họ cũng sẵn sàng chuyển tiền cho bạn vì như vậy họ đã có nguồn đối ứng ở nước ngoài để tiện việc đào hối, tức là chuyển ngân lậu từ trong nước ngược ra nước ngoài.

Trong nước với nhau, người ta thường sử dụng những hình thức tinh vi hơn như góp vốn thành lập công ty cổ phần, mở nhà khách, hùn vốn xây khách sạn, dĩ nhiên ai đương chức khó lòng đứng tên nhưng vợ con thì được. Chuyện rửa tiền ở đây là ở chỗ phần góp vốn không phải bằng tiền mặt hay hiện vật mà bằng trao đổi quyền lực.

Cùng với làn sóng cổ phần hóa, quyền mua chứng khoán giá ưu đãi cũng là cách những quan chức tham nhũng rửa tiền.

Có lẽ sắp tới khi Chính phủ áp dụng nghiêm chuyện kê khai tài sản cán bộ, sẽ còn nhiều hình thức rửa tiền tinh vi xuất hiện. Sẽ có những công ty được thành lập, sản xuất hàng giá thành cao nhưng bán thấp để hợp thức hóa tiền bất chính.

Nghĩ cũng buồn cười, một hình thức rửa tiền phổ biến ở nước ta lại ít ai nghĩ đó là chuyện rửa tiền liên quan đến hóa đơn tài chính. Chuyện này phổ biến và đa dạng đến mức khó khái quát - nói chung là dùng tờ hóa đơn tài chính để hợp thức hóa những khoản bòn rút từ ngân sách nhà nước, từ chuyện nhỏ như công tác phí hay những khoản mua sắm vật tư với giá khai khống. Đây chính là hoạt động rửa tiền quá chứ gì nữa !

Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 20.1.02

và bản kê khai được “ quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ cán bộ ” (điều 17.2). Theo điều 12, những người sau đây phải kê khai tài sản:

1. Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội Nhân dân ; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và chuyên môn kỹ thuật trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an Nhân dân.

3. Những người được bầu cử, bổ nhiệm vào chức vụ theo nhiệm kỳ, những người được tuyển dụng vào các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước, gồm: tổng giám đốc, phó tổng giám đốc; giám đốc, phó giám đốc; chủ tịch, phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, kế toán trưởng, thành viên ban Kiểm soát, trưởng, phó các phòng, ban nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước ; những người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn nhà nước.

5. Cán bộ xã, phường, thị trấn gồm : bí thư, phó bí thư đảng uỷ ; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân ; chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên uỷ ban nhân dân và các chức danh chuyên môn.

☞ Người ta có thể hiểu là cán bộ xã, phường không thuộc diện “ Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước ” (điểm 1) như cán bộ các cấp trên (huyện, tỉnh, trung ương), hay là các cấp trên đó không phải kê khai ?

Có lẽ không phải như vậy, nhưng khi đọc danh sách liệt kê này của nghị định, người ta không tránh khỏi cái cảm giác có điều gì không ổn. Chỉ xin nêu ra hai điểm nhỏ :

→ Như vậy, toàn bộ những người phải kê khai tài sản nói trên chắc chắn phải vượt qua con số vài triệu. Bao nhiêu giấy tờ, thì giờ phí phạm đối với đại đa số những cán bộ mà, do lương không đủ sống, ngoài giờ đi làm ở công sở còn phải chạy vạy, vật lộn với bao nhiêu nghiênt ngã của cuộc đời để chỉ đủ nuôi sống bản thân và gia đình. Và ai, cơ quan nào có đủ năng lực xử lý khối dữ kiện đồ sộ đó ?

→ Ngoài sự phí phạm ấy, phải chăng việc bắt buộc kê khai tràn lan ấy còn nhằm mục đích dựng lên một hàng rào hoả mù bao che cho những người có thực quyền của bộ máy, vô hiệu hoá những đòi hỏi công khai, minh bạch trong đời sống kinh tế, xã hội ? Nhất là khi báo chí, phương tiện truyền thông, công luận hoàn toàn không có quyền ‘nghiên cứu, khai thác’ các bản kê khai trong những cuộc điều tra của mình về các hành vi tham nhũng, khi những người muốn lập ra một hội nhân dân chống tham nhũng bị coi là vi phạm pháp luật. Ba năm thi hành nghị định ngày 17.8.1998 đã chẳng góp phần nào vào việc ngăn chặn tham nhũng trở thành một quốc nạn ngày càng trầm trọng, nghị định sửa đổi này liệu có tác dụng hơn ?

Luật doanh nghiệp : khi chính phủ vô chính phủ

Xác lập quyền tự do của người dân “ kinh doanh những gì pháp luật không cấm ”, luật doanh nghiệp đã đi vào cuộc sống

vào đầu năm 2000 và đã tạo ngay một sự bùng nổ các doanh nghiệp Việt Nam. Trong hai năm, trên 32 ngàn doanh nghiệp mới đã ra đời (chưa kể hơn 15 ngàn doanh nghiệp đang hoạt động đã mở rộng phạm vi kinh doanh), gần bằng tổng số doanh nghiệp thành lập trong chín năm từ 1991 đến 1999 (45 ngàn đơn vị). Tổng số vốn đăng ký đạt tương đương 4 tỉ USD. Tổng số công ăn việc làm tạo lên đến gần một triệu lao động. Một thành viên của Ban nghiên cứu của thủ tướng chính phủ, ông Vũ Quốc Tuấn, không ngần ngại so sánh luật doanh nghiệp năm 2000 với nghị quyết số 10 của bộ chính trị đảng cộng sản về khoán trong nông nghiệp năm 1988. Ông cho rằng luật doanh nghiệp đối với cư dân thành thị không khác nào nghị quyết 10 đối với đối với nông dân : “ *thực chất, cũng là trả lại quyền kinh doanh của công dân, công nhận kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể trước đây bị cấm đoán, cải tạo* ”.

Song, những thông tin có được không mấy gì lạc quan. Việc bãi bỏ những “giấy phép con” do các bộ, ngành ban hành đã chững lại từ gần nửa năm nay. Qua hai quyết định trước đây, chính phủ đã xoá bỏ hơn 160 giấy phép con. Nhưng từ tháng 8.2001, đề xuất bãi bỏ thêm 29 giấy đó là đối tượng tranh cãi dai dẳng, bất phân thắng bại giữa một bên là Tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp của chính phủ và bên kia là các bộ, ngành nhất quyết kháng cự để giữ lại quyền cấp giấy phép. Các bộ, ngành lập luận rằng bỏ giấy phép con sẽ không còn công cụ quản lý doanh nghiệp và tiêu cực sẽ phát sinh. Tổ công tác đáp lại rằng cách quản lý bằng giấy phép vừa tốn kém, vừa hành các doanh nhân mà không đạt hiệu quả cuối cùng trong quản lý. Thật ra, như dư luận thường nhận xét, những cán bộ quản lý ở bộ, ngành coi doanh nghiệp như những “ chùm khế ngọt ” để “ trèo hái mỗi ngày ”, bỏ giấy phép còn đâu “ khế ngọt ” ?

Được biết rằng hiện nay còn đến khoảng 400 văn bản pháp luật có những qui định trái với tinh thần của luật doanh nghiệp. Tình trạng bế tắc trong việc bãi bỏ giấy phép con, theo nhận định của Thời báo Kinh tế Sài Gòn, là do “ không có ai phân xử ” : các bộ, ngành đều trực thuộc chính phủ, Tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp cũng thuộc chính phủ, những cơ quan thẩm định việc bãi bỏ giấy phép như bộ tư pháp cũng là của chính phủ. Cho nên, tạp chí kinh tế đặt thủ tướng Phan Văn Khải trước trách nhiệm của ông : “ *Chỉ có thủ tướng chính phủ mới có thể giải quyết bế tắc hiện tại* ”. Qua lời chấp vấn gián tiếp này, dư luận hiểu rằng, hiện nay, thủ tướng không có điều kiện đóng vai trò phân xử đó.

Nghiêm trọng hơn, trong thời gian vừa qua, nhiều bộ đã lập lại dưới hình thức trá hình nhiều giấy phép con bị chính phủ bãi bỏ. Bộ xây dựng đã phục hồi dưới dạng khác các chứng chỉ hành nghề xây dựng và hành nghề tư vấn xây dựng. Bộ giao thông vận tải phục hồi những qui định hành nghề liên quan đến bến xe hành khách, đến vận tải hành khách, đến taxi. Điều đáng nói nữa là không chỉ các văn bản dưới luật mà ngay cả một số đạo luật được ban hành gần đây cũng chứa đựng những nội dung trái với luật doanh nghiệp như : pháp lệnh luật sư, luật bảo hiểm, luật giáo dục, luật doanh nghiệp nhà nước. Theo bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá, luật doanh nghiệp đang bị “ găm nhăm ” bởi các luật chuyên ngành. Trong khi đó, những cơ quan có chức năng giám sát luật, như Bộ tư pháp và uỷ ban thường vụ quốc hội, vẫn bình chân như vại.

Bản thân thủ tướng Phan Văn Khải đã phải lên tiếng : “ Không thể để cho những chính sách đúng đắn của đảng và nhà nước bị biến dạng và méo mó qua nhiều tầng nấc trung gian, bị những công chức do kém năng lực hoặc vụ lợi làm cho sai lệch ”. Ông còn cho rằng : “ Các bộ, ngành phải xử lý mọi việc theo đúng trách nhiệm của mình. Nếu bộ trưởng nào ký sai, bộ trưởng đó phải chịu trách nhiệm của mình. Thủ tướng ký sai, thủ tướng chịu trách nhiệm ”. Song, tất cả vấn đề, ở đây, là thủ tướng có khả năng bắt những bộ trưởng trong chính phủ của ông phải chịu trách nhiệm về hành vi của họ hay không ? Theo ông Vũ Quốc Tuấn, số phận của luật doanh nghiệp tùy thuộc, trước hết, vào “ việc lập lại kỷ luật, kỷ cương trong công tác chỉ đạo, điều hành của chính phủ ” : ‘ lập lại ’ tức là hiện nay không có ! [Thời báo Kinh tế Sài Gòn 10.1 và 7.2 ; Tuổi Trẻ 24.1 và 1.2.02]

Bóng đá : thị trường sôi động !

Ngành bóng đá Việt Nam đã đi thêm một bước trên con đường chuyên nghiệp hoá với việc chuyển giao những đội bóng, trước đây đều thuộc cơ quan nhà nước, sang cho các doanh nghiệp. Trong thời gian vừa qua, đội Tổng cục đường sắt đã trở thành đội Á Châu, thuộc ngân hàng Á Châu ; đội Long An trở thành đội Gạch Đồng Tâm, thuộc doanh nghiệp gạch Đồng Tâm ; đội Công an Thành phố Hồ Chí Minh thành đội Đông Á, thuộc ngân hàng Đông Á, một doanh nghiệp của Ban tài chính quản trị Thành uỷ đảng cộng sản TPHCM.

Khá điển hình là trường của công ty Hoàng Anh đã ‘ tiếp nhận ’, thực chất là mua lại, đội bóng đá Pleiku. Chủ công ty là ông Đoàn Nguyên Đức, người tỉnh Bình Định đến lập nghiệp ở Gia Lai đã 14 năm, nay đứng đầu một doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ có hơn hai ngàn nhân công với doanh số hàng năm là 200 tỉ đồng (80% sản phẩm được xuất khẩu). Từ bốn nhà máy gỗ, Hoàng Anh đang mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang trang trí nội thất, xây dựng và cả du lịch. Ông Đức không

giấu giếm những lợi ích mà ông chờ đợi bóng đá sẽ mang lại cho Hoàng Anh. “ Không ai ném tiền qua cửa sổ ” hoặc “ biết bỏ đồng tiền ra thì cũng phải biết thu lại ”, hay “ bóng đá không chỉ làm ra tiền nuôi lấy nó mà còn phải sinh lợi ”... là những phát biểu thường nghe thấy ở các chủ doanh nghiệp đầu tư vào bóng đá như ông Đức.

Chuyên nghiệp hoá bóng đá còn thể hiện qua việc các đội bóng đua nhau thuê mua cầu thủ nước ngoài. Theo Liên đoàn bóng đá, có đến 85 cầu thủ nước ngoài đang đá dưới màu cờ sắc áo của những đội banh ở Việt Nam. Vừa qua, làm chấn động dư luận là quyết định của Hoàng Anh chuộc ngôi sao bóng đá Thái Lan Kiatisak (từng được xem là tiền đạo số một của Đông Nam Á) để đá ở Gia Lai. Mức lương của Kiatisak được giữ kín nhưng không dưới 10 000 USD/tháng (nếu kể cả nhà, xe và vé máy bay) - trong khi, đến nay, các cầu thủ ngoại có mức lương từ 200 đến 400 USD/tháng.

Sự kiện lãnh đạo tỉnh Bình Định vừa mới tuyên bố tìm cho đội bóng đá những cầu thủ có giá từ 1000 đến 2000 USD/tháng cho thấy sự lạm phát lương cầu thủ ngoại đã bắt đầu. Theo các chủ đội bóng, sự hiện diện của những cầu thủ đắt giá lôi kéo khán giả đến sân nhiều nhiều hơn và “ chỉ riêng tiền vé đã đủ trả lương cầu thủ ”. Tại một thành phố như Quy Nhơn, mỗi khi đội bóng Bình Định ra quân, số khán giả không dưới 14 ngàn người và đã lên đến 20 ngàn người.

Nếu thị trường bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam đang sôi động lên thì dường như những tiêu cực lem nhem cố hữu không giảm đi. Thủ tướng Phan Văn Khải đã phải ra chỉ thị đẩy mạnh hoạt động “ chống tiêu cực ” trong thể dục thể thao, đặc biệt là ngành bóng đá : ông Khải nêu những hành vi mua bán độ, dàn xếp tỉ số, lãng mạ trọng tài, gian lận tuổi, đánh tráo người... Thủ tướng cũng chỉ thị cho bộ công an nhập cuộc để tiến hành điều tra, truy tố những sai phạm. [Thời báo Kinh tế Sài Gòn 31.1 ; Tuổi Trẻ 1 và 3.2.02]

Vui, buồn toà án

Sân pháp đình năm 2001 tiếp tục ghi lại lời ăn tiếng nói, ứng xử ở mức vừa cười vừa đau của những người tham gia và tiến hành tố tụng. Điểm mặt cây hài có đủ : thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, luật sư, bị cáo.

Trong phiên tòa hình sự từ ngày 20 đến ngày 23/3/2001 tại TAND tỉnh Long An, chủ tọa phiên tòa gọi các bị cáo nguyên là quan chức cấp tỉnh : “ Kính thưa anh bị cáo ”. Còn tại phiên tòa của TAND tỉnh Hòa Bình, giám đốc kho bạc tỉnh ra tòa vì nhận hối lộ được đại diện VKS gọi bằng “ đồng chí ”. Trong khi đó, tại phiên tòa do TAND TP HCM tổ chức, bị cáo - một chàng đực rựa móng tay móng chân... đồ chót - cứ một mực gọi chủ tọa “ chị ơi ”, xưng “ em ” ngọt lịm. Ở tỉnh Long An, luật sư của bên nguyên trong phiên tòa ngày 13/3 đã cung kính gọi luật sư bên kia : “ Kính thưa luật sư đàn anh ”.

Một phiên tòa ở Quy Nhơn, Bình Định, bị cáo “ bướng ” quá, một mực kêu oan. Lý lẽ mãi không được, công tố viên quay sang luật sư cầu cứu : “ Kêu nó nhận tội rồi tôi giảm án cho ”... Ngược lại, luật sư bảo vệ cho bị cáo M., ở TAND tỉnh Đắk Lắk, lại nhiệt tình giúp đỡ bên công tố : “ Ta cất cổ gà chừng 5-6 con đã thấy run tay, vậy mà bị cáo nhẩn tâm

cầm dao chém 17 người. Vậy cần loại trừ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi xã hội ”.

“ Alô, chờ một tí, tớ đang bận ngồi tòa ”, vị hội thẩm thẩm thì sau một hồi chuông điện thoại di động. Vậy là lúc sau, thẩm phán chủ tọa tuyên bố : “ Cho phép tòa tạm nghỉ ”. Phiên tòa dân sự sơ thẩm sáng 6/11/2001 tại TAND TP HCM đã diễn ra như vậy. Cũng tại tòa này, sáng 24/10/2001, công tố viên điểm nhiên đọc báo trong khi chủ tọa tuyên án một bị cáo tội giết người !

Ngay trong biên bản nghị án ngày 28/2/2001 của TAND thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, có điểm treo ngoe : đầu biên bản, thẩm phán là ông H., đến cuối thì bà L. thế chân. Còn tại phiên xử dân sự ngày 19/6/2001 của TAND thị xã Tuy Hòa, hội thẩm là Dương Thế Đương, nhưng trong bản án gửi đương sự, hội thẩm đã... đổi giới tính thành bà Nguyễn Thị Im Tường. Hai chuyện trên còn nhỏ so với bản án của TAND thị xã Tuy Hòa, được ký trước khi xử hai ngày : Biết thế nào ông Trịnh Văn Lộc ở An Giang cũng kiện hành chính lên tòa, tòa tỉnh đã kịp thời ra công văn bác đơn 2 ngày trước khi ông gửi đơn...

(Trích Pháp Luật TP HCM, theo VnExpress 12/2/2002,

Tai nạn những ngày Tết

Chỉ trong mấy ngày Tết, số vụ đốt pháo, chất nổ tại TP HCM đã tăng gấp 5 lần so với năm ngoái. 404 người phải cấp cứu, trong đó 4 người tử vong. Ban quản lý thị trường thành phố đã thu giữ khoảng 54.300 cây pháo nổ được bày bán tại các cửa hàng, siêu thị. Ở Hà Nội, một công ty 'điện, lạnh' đã tàng trữ hơn 14.200 cây "hoa lễ hội tạo vui bằng giấy" (một trong những biến tướng của pháo). Đây là loại đồ chơi do Trung Quốc sản xuất, được kích nổ bằng khí nén, gây tiếng nổ lớn và tung ra những dây hoa bằng giấy, thường được dùng trong các lễ hội, đám cưới...

Theo thống kê chưa đầy đủ của lực lượng cảnh sát giao thông (bộ Công an), trong sáu ngày 9 đến 14-2 (từ 28 tháng Chạp đến mùng 3 Tết) xảy ra 835 vụ tai nạn giao thông, trong đó chủ yếu là tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 274 người, bị thương 1.153 người. Nguyên nhân, chủ yếu do người điều khiển phương tiện giao thông là xe máy vi phạm luật giao thông, uống rượu, bia say gây ra.

Cũng trong 6 ngày Tết này, đã xảy ra 43 vụ cháy ở các địa phương Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Giang, Bến Tre, Bình Thuận, Cần Thơ, Cà Mau, Kiên Giang, Kon Tum, Lào Cai, Long An, Quảng Ngãi, Sơn La, Trà Vinh, Phú Thọ, Yên Bái và Thanh Hóa. Hậu quả làm chết một người, bị thương sáu người, thiệt hại tài sản trị giá hơn 1,2 tỷ đồng. Nguyên nhân của các vụ cháy đều do bất cẩn trong thắp hương thờ cúng và sử dụng lửa gây cháy, một số vụ do chập điện. Một số địa phương xảy ra cháy nhiều là thành phố Hồ Chí Minh, tám vụ ; Hà Nội, Sơn La mỗi nơi năm vụ ; Cà Mau bốn vụ ; Yên Bái ba vụ ; Kiên Giang, Lào Cai, Phú Thọ mỗi nơi hai vụ...

Cũng vào dịp này, cả nước có hơn 1.000 người phải cấp cứu vì bị ngộ độc thức ăn, tăng 77% so với năm 2001. ở tỉnh Vĩnh Phúc, xảy ra 3 vụ ngộ độc lớn do ăn ô mai, tiết canh và bún. (Theo Tuổi Trẻ và Nhân Dân)

"Số đỏ" được phát hành ở Mỹ

Vào tháng 6 tới, cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Vũ Trọng Phụng sẽ phát hành rộng rãi tại Mỹ, do Đại học Michigan ấn hành. Cặp vợ chồng Giáo sư Sử học Perter Zinoman và Nguyễn Nguyệt Cẩm phải mất 5 năm để chuyển thể tác phẩm này sang tiếng Anh.

Bằng niềm say mê dịch thuật, đôi vợ chồng Việt-Mỹ lao tâm khổ tứ suốt một thời gian dài. Tâm sự về những khó khăn khi dịch tác phẩm này, Peter nói: "Có đoạn tôi không thể dịch nổi, vì khó có thể phân biệt được đâu là tiếng cười nhạo của nhân vật, đâu là tiếng cười giễu nhại chính bản thân người đọc và cao hơn cả là th ông qua tiếng cười để thanh lọc tâm hồn con người ta".

Ngôn ngữ trong Số đỏ rất bụi, rất đời thường với hàng loạt những tiếng lóng ở các đầu đường xó chợ như: nước mẹ gì, em chã... Việc dịch sát nghĩa của bản gốc quả là công việc gay cấn. Peter và Nguyệt Cẩm đã chọn giải pháp là những đoạn khó, hai người dịch riêng rẽ, sau đó đem ra so sánh, đối chiếu xem câu dịch nào sát hơn, đắt hơn, mới lựa chọn.

Theo Peter, tác giả là nhà văn hiện đại đầu tiên của Việt Nam bị ám ảnh về tâm lý tính dục. Cái bản năng bất trị của con người đã được ông thể hiện khá sâu sắc dưới nhãn quan của các học thuyết mới nhất thời đó. Như vậy ông đã đứng ngang hàng với những nhà văn xuất sắc trên thế giới".

Peter cho biết hiện cuốn sách đã có tên trên mạng quảng cáo của hai tiệm sách Barnes và Noble. Anh hy vọng Số đỏ sẽ chinh phục được công chúng Mỹ. Nếu lần này thành công, Nguyệt Cẩm và Peter sẽ bắt tay vào dịch tiếp cuốn Lục Xi. (Theo Nông Thôn Ngày Nay, VnExpress 18.2.2002)

Một người Đức làm thơ tiếng Việt

Frank Gerke, sinh năm 1965 tại Bremen, Đức. Năm 1992 anh tốt nghiệp khoa Hán học với môn phụ là ngữ văn VN tại Đại học Tổng hợp Bonn. Trong hai năm 1993-1994, anh sang VN nghiên cứu văn học hiện đại. Để có thể trở lại VN lâu dài hơn, anh đã nhận làm phiên dịch kiêm chuyên gia cho "Dự án phát triển làng cà phê Ban Ma Thuật-Đắc Lắc" (một dự án của CHLB Đức trước đây, nay tiếp tục được thực hiện). Frank Gerke lấy tên VN là Việt Long, vì anh sinh năm Thìn. Vừa làm việc, vừa học thêm ngữ văn VN, Frank Gerke viết tiểu luận về thơ mới và thơ Nguyễn Bính, về âm nhạc Trịnh Công Sơn, về truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng và dịch thơ Nguyễn Duy sang tiếng Đức. Hiện nay, Frank Gerke là giảng viên khoa Đông Nam Á học tại Đại học Bonn. Anh đang làm luận án tiến sĩ về "Văn học Trung Quốc và VN thời đổi mới và mở cửa". Với vốn liếng tiếng Việt khá sành sỏi cả nói lẫn viết, anh đã viết báo, làm thơ và viết truyện ngắn bằng tiếng Việt (trong tập sách *Trịnh Công Sơn, người du ca qua nhiều thế hệ*, NXB Trẻ). Trong TTCN, ngày 7-2-2002, thi sĩ Nguyễn Duy đã giới thiệu một chùm thơ tiếng Việt của Frank Gerke. (TTCN 7-2-2002)

Những nhà thư pháp trẻ

Trong Văn miếu Quốc tử giám, vào những ngày chuẩn bị khai mạc Triển lãm thư pháp mùa xuân, những "thầy đồ" trẻ tuổi đi lại trong không gian tĩnh lặng của nhà Thái học, miệng lầm nhảm ngâm những câu thơ Hán - Nôm. Thứ "từ ngữ" này vẫn có khả năng "bỏ bùa" khá nhiều "kẻ đầu xanh tuổi trẻ mặc đồ tây"! Có khoảng 600 tác phẩm của 105 nhà thư pháp từ khắp nơi gửi đến, trong số đó 60% là những người chưa quá 30 tuổi. Giải nhất về thư pháp thuộc về Nguyễn Tiến Hạnh, 26 tuổi, tốt nghiệp khoa tiếng Anh trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Trong số 5 người đoạt giải có một đại diện nữ: Vũ Thuỳ Trang, 24 tuổi, giải ba, đã chọn thể chữ *lệ* để thể hiện nét riêng của mình... (TTCN, 7-2-2002)

Tin Ngắn

* Năm qua, Việt Nam đã phát triển mới được trên 1 triệu **máy điện thoại**, tăng 29,76 % so với năm 2000. Tổng số máy điện thoại trong nước đã đạt 4,3 triệu máy, đạt mật độ 5,44 máy/100 dân.

Hiện nay, cả nước đã có 39 tỉnh, thành phố đạt 100% xã có điện thoại, tăng 13% so với năm 2000 ; mạng di động đã mở rộng dung lượng lên gần 1 triệu số và thực hiện khai thác chuyển vùng quốc tế với 40 nước.

* Sáng 14/2, tỉnh Đồng Nai đã khánh thành công trình trùng tu **văn miếu Trấn Biên**, nằm trong quần thể khu di tích danh thắng Bửu Long (Biên Hòa). Nơi đây được xác định là vị trí của văn miếu xưa (xây dựng từ năm 1715). Tổng diện tích của văn miếu khoảng 2 ha, kinh phí xây dựng là 7 tỷ đồng. Công trình được khởi công từ cuối năm 1998.

* Trong quá trình điều tra thảm thực vật tại hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum, các nhà khoa học thuộc Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Viện Điều tra quy hoạch rừng đã phát hiện một chi cây gỗ mới với loài duy nhất có tên khoa học là **Trigonobalanus Verticillata Farman** tại các vùng núi Ngọc Linh, Kon Ka Kinh và Kon Hà Nừng ở độ cao từ 900m đến trên 2.000m. Đây là cây gỗ to, cao 30m, đường kính ngang ngực 0,7m với nhiều đặc điểm khác lạ. Trên thế giới, đến nay mới xác định được chi này hiện chỉ có ba loài, phân bố ở Đông - Nam á và Nam Mỹ. Các nhà khoa học cho rằng, đây là loài gỗ quý hiếm và đề nghị được xếp vào Sách Đỏ Việt Nam.

* Theo TTXVN, tại Bangkok, nhân dịp Tết Nhâm Ngọ, một người Việt sinh sống tại Thái Lan từ hơn nửa thế kỷ qua, bác Nguyễn Văn Minh, 72 tuổi, đã làm một chiếc **giò lụa dài 9m**, đường kính 0,72m, với 3 tấn thịt nạc, theo đề nghị của “Hội nghị thương mại toàn Thái Lan” được tổ chức ở tỉnh Ubon Ratchathani. Để đưa “cân” giò này ra trưng bày, người ta phải dùng một xe ô tô vận tải 18 bánh.

* Ngày 2-2-2002, **trung tâm thương mại Trảng Tiền Piazza** đã chính thức khai trương. Sau tám năm bị khoanh hàng rào, phủ vải bạt, toà nhà Godard - Bách hoá tổng hợp cũ đã nhường chỗ cho một trung tâm thương mại mới, kiến trúc “tân cổ điển”, với tổng diện tích sử dụng 5 000 m², 5 tầng lầu, có thang cuốn (escalators), tổng kinh phí đầu tư hơn 9 triệu USD. Ngày khai trương, hơn 10 000 dân Hà Nội đã vào đây để... đi thang cuốn miễn phí.

* Bộ phim **Mê Thảo, thời vang bóng**, của nữ đạo diễn Việt Linh đã kết thúc phần quay hình ảnh và đang bước vào giai đoạn lồng tiếng, chọn nhạc và hậu kỳ. Phim đã được hội đồng duyệt thông qua phần hình ảnh và đánh giá là công phu, nghiêm túc, thể hiện được tinh thần tác phẩm *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuấn.

* Ngày 3.3, hệ thống **cáp treo lên Yên Tử** sẽ chính thức hoạt động. Hệ thống này sẽ có 19 cabin, mỗi khoang có thể chở 6 người. Ngồi cáp, đường lên đỉnh sẽ chỉ dài 2.000 m thay cho hơn 4.000 m đường bộ và mất khoảng 7 phút.

* Ty thông tin - văn hoá Nha Trang đã ra lệnh tịch thu những chiếc **áo thun** (T-shirt) mang hình trùm khùng bố **Bin Laden** được bán trong một cửa hàng ở thành phố. Những chiếc áo này được bán với giá 70 000 đồng/chiếc (khoảng 4,6 USD). Người chủ tiệm cho biết ông ta đã mua những hàng này ở thành phố HCM. Chính quyền đã mở cuộc điều tra để tìm xuất xứ của mặt hàng này.

* Theo Vietnam News, một **hội nghị khoa học Việt - Mỹ** về những tác hại của **chất da cam** sẽ được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 3.3 tới, với sự bảo trợ của các Viện nghiên cứu quốc gia Mỹ về môi trường và sức khoẻ (National Institutes of Environment and of Health Science). Ngày 3.7 năm ngoái, hai nước đã thoả thuận cùng nghiên cứu về ảnh hưởng của thứ hóa

chất này đối với môi trường và sức khỏe con người. Hội nghị tới nay được coi như bước khởi đầu của cuộc nghiên cứu lâu dài và phức tạp này.

* Theo một kết quả nghiên cứu của Viện khoa học thể dục thể thao, **thể lực của thanh thiếu niên Việt Nam** tăng chậm so với những người Trung Quốc cùng lứa tuổi. Tính từ 1975, chiều cao trung bình của thanh niên nam 20 tuổi chỉ thêm được 5cm, đạt 1,63m, cân nặng chỉ thêm được 6,3kg, đạt 53,3kg. Những chỉ số tương đương cho thanh nữ là 1,54m chiều cao và 47 kg cân nặng. Bác sĩ Dương Nghiệp Chí, viện trưởng viện này cho rằng dinh dưỡng yếu kém và hoạt động thể dục ít là những nguyên do của các chỉ số thấp nói trên.

* Theo VNA, một nhóm 6 nhà nghiên cứu Việt Nam và quốc tế (Mỹ, Úc) đã khám phá một loại **cây bách vàng** (yellow cypress) hoàn toàn mới ở vùng núi phía bắc, thuộc tỉnh Hà Giang. Cây này cao khoảng 10 m, đường kính từ 30 đến 40 cm. Những cây được khám phá có độ tuổi khoảng 30-40 năm. Các nhà nghiên cứu đã thấy loại cây này năm 1997, nhưng sau nhiều cuộc phân tích DNA tới nay mới khẳng định được là một loại cây chưa bao giờ thấy ở Việt Nam.

Giao thừa ở phố cổ Hội An

Tết đến, phố Hội lúc nào cũng đầy đủ hương sắc xuân tươi, nhưng vào thời khắc đón giao thừa thiêng liêng Hội An mang một nét rất riêng của phố cổ. Trong phút chuyển giao năm cũ sang năm mới ấy nhà nào cũng bày mâm cúng tạ đất trời. Ánh nến lung linh. Khói nhang hoà quyện. Hương giáng, hương trầm thoang thoảng mùi thơm dịu dạt lòng người. Những mâm cỗ kết thành một chuỗi dài dọc theo mấy dãy phố hẹp. Và trong cái se lạnh của trời đất sang xuân, những ngôi nhà cổ trầm mặc như ẩn như hiện sau màn sương khói nhuộm màu tâm linh, huyền hoặc.

Năm nay, cùng với việc tổ chức các lễ hội, các đêm phố cổ, vào những ngày giáp tết người Hội An lại chăm chút trang trí những chiếc lồng đèn đẹp nhất, mới nhất trước hiên nhà, trước hội quán, đình, chùa... để dành cho đêm trừ tịch.

Trước lúc giao thừa, nhiều gia đình đến những tụ điểm vui xuân. Đặc biệt là chương trình đón xuân mới nào của Hội An cũng có bài *Xuân và tuổi trẻ*, ca khúc được viết ngay trên mảnh đất Hội An, quê hương của cố nhạc sĩ La Hối, và đã sống mãi cùng năm tháng và trong tâm thức của những cư dân phố Hội. Khi chương trình ca nhạc đón xuân kết thúc cũng là lúc giao thừa đã cận kề. Mọi người cùng thả bộ dọc những con phố nhỏ để hít thở không khí ấm áp, thiêng liêng của giao thừa Hội An. Các bạn trẻ thì có cách đón giao thừa riêng của mình : họ nối kết thành đoàn vài chục hay cả trăm chiếc xe, rồi “trôi” từng vòng quanh phố mà không hề đưa xe, đánh vòng. Sau đó, mọi người cùng tụ hội về nhà, mấy thế hệ quây quần trong ngôi nhà cổ ấm cúng chúc phúc, chúc xuân, chúc thượng thọ ông bà cha mẹ... Có gia đình còn trân trọng mời các du khách nước ngoài cùng đến đón. Nhiều du khách xem đó là hạnh phúc không dễ có trong suốt cuộc đời của họ.

(Hoàng Duy, TTCN, 7-2-2002)

Về biên giới Việt-Trung

Diễn Đàn số 115 đã trích đăng bài của ông Vũ Khoan về biên giới trên đất liền, và bài của ông Lê Công Phụng về phân định vịnh Bắc Bộ [toàn văn hai bài trên mạng internet, địa chỉ : www.cpv.org.vn/tccs]. Ngày 28.1 vừa qua, trong cuộc phỏng vấn dành cho trạm internet VASC Orient, ông Lê Công Phụng (thứ trưởng ngoại giao, trưởng đoàn đàm phán hai hiệp định biên giới với Trung Quốc) đã đề cập một số luận điểm cụ thể của những người phản đối việc ký kết 2 hiệp định Việt-Trung, theo đó, trên đất liền Việt Nam đã “mất 700 km² (có người nói 900 km²)” (trong đó có hai địa điểm cụ thể được nêu ra : ải Nam Quan và thác Bản Giốc), và ở vịnh Bắc Bộ, so với Hiệp ước Pháp-Thanh, Việt Nam “mất đi 10 000 km²”. Toàn văn bài phỏng vấn được công bố trên mạng internet, ở địa chỉ : [http://www.vnn.vn/pls/news/cate\\$.htpview\(1.41868\)](http://www.vnn.vn/pls/news/cate$.htpview(1.41868))

Dưới đây, chúng tôi trích đăng một số đoạn chính liên quan tới đường biên giới trên đất liền :

“ Có lẽ là dư luận rất quan tâm, ngay cả những người nói là ‘Việt Nam bán đất, người Việt Nam cắt đất cho Trung Quốc’ thì phần nào cũng thể hiện sự quan tâm của họ đối với đất nước, với Việt Nam. Nhưng trong đó cũng không ít người có ý xấu, kích động tinh thần dân tộc, gây phức tạp cho quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

“ Về biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, mọi người đều biết là thực dân Pháp và triều đình nhà Thanh đã hoạch định và phân giới cắm mốc theo 2 thỏa ước cách đây hơn 100 năm, tức là vào các năm 1887 và 1895. Theo 2 công ước đó, biên giới Việt Nam và Trung Quốc đã được phân định toàn bộ từ Tây sang Đông trên chiều dài trên dưới 1.300 cây số, và đã cắm trên 300 cột mốc. Trong hơn 100 năm qua, đã diễn ra rất nhiều biến thiên về con người, của thiên nhiên, của các sự kiện chính trị, và vì vậy đường biên giới không còn nguyên vẹn như lúc nhà Thanh và thực dân Pháp phân định một thế kỷ trước. Trong tình hình như vậy, nước CHXHCN Việt Nam chúng ta và nước CHND Trung Hoa có nhu cầu cùng xác định lại đường biên giới, để làm sao mà thực hiện quản lý, làm sao mà duy trì được ổn định nhằm phát triển kinh tế và quan trọng hơn là nhằm xây dựng một mối quan hệ hữu nghị láng giềng hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc, vì chúng ta ngày nay và vì thế hệ sau này.

□ Đàm phán lại lần này thì căn cứ để phân định đường biên giới là dựa chủ yếu vào các công ước đã được ký cách đây 100 năm. Và khi chúng ta và Trung Quốc đưa ra bản đồ chủ trương của mình (có nghĩa là theo chúng ta đường biên giới chỗ nào là đúng, theo Trung Quốc đường biên giới chỗ nào là đúng), hai bên chênh nhau 227 km² tại 164 điểm. Và 227 km² đó nằm trên quãng 400 cây số. Còn 900 cây số chiều dài còn lại thì hai bên nhất trí với nhau theo phân định của bản đồ Pháp - Thanh.

“ Trong 227 km² đó, chúng ta đàm phán với Trung Quốc từ năm 1993, đi đến ký kết ngày 30/12/1999. Chúng ta được khoảng trên dưới 113 km² và Trung Quốc được trên dưới 114 km². Như vậy có thể nói, qua cuộc đàm phán thương lượng đi đến ký kết Hiệp định trên bộ, chúng ta và Trung Quốc đã đạt kết quả được công bằng và thỏa đáng.

“ (...) Chúng ta cũng cần khẳng định một điều nữa là trong chuyện phân định biên giới như thế này, không thể có thắng hay thua được. Chúng ta không hề có ý định nhằm giành chiến thắng trong phân định biên giới với Trung Quốc và chắc chắn chúng ta cũng không chấp nhận phía Trung Quốc giành thắng lợi trong phân định biên giới với chúng ta.” (...)

Thác Bản Giốc

“ Về thác Bản Giốc, thì đây là điều rất phức tạp. Chúng tôi cũng rất lạ là trong sách sử của chúng ta và Trung Quốc từ năm 1960 đến nay, không ai nói thác Bản Giốc có phần là của Trung Quốc. Ngay Trung Quốc cũng không nói đấy là của Trung Quốc. Còn đối với chúng ta, thác này đã đi vào sử sách, nhất là sách giáo khoa của học sinh, thành di tích, điểm du lịch được nhiều người ưa chuộng.

□ Đây là điều mà chúng tôi rất khó hiểu, bởi lẽ trong công ước giữa nhà Thanh và Pháp, thác Bản Giốc chỉ thuộc về chúng ta có 1/3 thôi ; và theo thực trạng cột mốc được cắm từ thời nhà Thanh, thì chúng ta cũng chỉ được 1/3 thác ”.

– Tức là cột mốc đang tồn tại đã được cắm từ thời Thanh ?

“ Đúng vậy. Cột mốc đang tồn tại đã được cắm từ thời Thanh, xác định chỉ có chưa được một nửa thác Bản Giốc là ở bên phía ta. Theo quy định quốc tế, khi phân giới cắm mốc thì thác được coi như 1 dòng sông, 1 dòng suối. Đã là sông suối thì đường biên giới đi qua luồng chính, tức là chỗ tàu thuyền đi lại được. Còn đối với sông suối nơi tàu thuyền không đi lại được, thì đường biên giới phải đi theo rãnh sâu nhất.”

– Chẳng nhẽ tất cả các khách du lịch, trong đó có những người có trách nhiệm, đi thăm thác Bản Giốc mà không phát hiện ra cột mốc nằm đó hay sao ?

“ Cột mốc không nằm sát Bản Giốc. Khi chúng tôi khảo sát thì mới thấy cột mốc nằm trên một cồn nhỏ ở giữa suối, cách đấy khoảng mấy trăm mét. Vì vậy nên cũng không mấy ai quan tâm đến cột mốc ở thác Bản Giốc.

“ Trước tình hình như vậy, chúng tôi nghĩ rằng trong đàm phán phải hợp lý, thỏa đáng phù hợp với mặt pháp lý. Chúng ta phải căn cứ vào những thỏa thuận pháp lý Thanh-Pháp, căn cứ vào biểu đồ, căn cứ vào cột mốc hiện có mà dân địa phương nói là cột mốc đó từ xưa đến nay chưa ai thay đổi cả. Cuối cùng, lãnh đạo chúng ta cũng nhất trí trong tất cả các điều kiện ấy, không thể đòi hỏi thác Bản Giốc phải là của chúng ta hoàn toàn được.

“ Lẽ ra theo thực tiễn thì chúng ta chỉ được 1/3. Nhưng sau đàm phán, chúng ta và bạn đã thỏa thuận thác Bản Giốc được chia đôi, mỗi bên được 50 %. Hiện nay cả 2 bên đang tiến hành khai thác du lịch phía bên mình.

□ Ở chỗ này, nếu nói chúng ta bán đất thì hoàn toàn vô lý. Pháp lý lẫn thực tiễn đều không cho phép chúng ta giữ chủ quyền trên toàn bộ thác Bản Giốc.

Nam Quan khổ ải

(tiếp theo trang 1)

Trong bối cảnh đó, dễ hiểu là từ hai tháng nay, tiếp theo những kháng thư xuất phát từ trong nước, mạng lưới internet đã tràn ngập những “ thông tin ”, rồi “ tuyên ngôn ”, “ tuyên cáo ”, “ hịch ” tố cáo “ Việt Cộng bán nước, dâng đất cho Trung Cộng ”... của nhiều hội đoàn Việt Nam ở nước ngoài. Trong những bản văn đó, không thiếu những ý kiến và tình cảm chân thực, nói lên sự quan tâm đối với đất nước, dân tộc. Và cũng lạm phát những điệp khúc “ cải lương ”, “ phường tuồng ” đến mức người đọc nhiều khi không tin nổi tai và mắt của chính mình, song dầu sao cũng phải khâm phục lòng ái quốc của các tác giả. Muộn còn hơn không...

Bèo bọt trôi đi, còn lại hai vấn đề thực chất : sự thật về vấn đề biên giới trên đất liền và ngoài khơi Bắc Bộ ; thái độ của chính quyền.

Dường như đã ý thức phần nào mối quan tâm của dư luận trong nước và ngoài nước, chính quyền đã công bố trên mạng internet bài trả lời phỏng vấn của thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng là người đã trực tiếp thương lượng hai bản hiệp định (xem bài trang bên). Bài trả lời nhiều chỗ còn lúng túng, thiếu minh bạch, song trên một số điểm cụ thể, ông Phụng đã khẳng định dứt khoát. Thí dụ : hoàn toàn không có vấn đề Việt Nam nhượng cho Trung Quốc 700 km², diện tích tổng cộng các vùng tranh chấp là 227 km², sau khi thương lượng đi tới thoả thuận phần Việt Nam khoảng 113 km², phần Trung Quốc 114 km² ; Thác Bản Giốc chia đôi (như thác Niagara một nửa thuộc Hoa Kỳ, một nửa thuộc Canada).

Câu hỏi đặt ra là : giữa lời tuyên bố của ông thứ trưởng và những thông tin đưa ra trong các thư phản kháng từ trong nước, đâu là sự thật ? Tất nhiên, ngày nào chính quyền chưa công bố văn bản hiệp định và bản đồ, chúng ta chưa thể trả lời dứt khoát. Và đương nhiên, công khai hoá là đòi hỏi mà chính quyền phải đáp ứng nghiêm chỉnh, càng sớm càng tốt.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi đã cố gắng điều tra để mang lại một số thông tin cho phép đưa ra một số nhận định tạm thời :

* Tướng Trần Độ, trong cuộc nói chuyện qua điện thoại sáng ngày 22.2.02, cho chúng tôi biết : cuối tháng 12.01, ông đã kí bản kiến nghị (nói ở đầu bài) sau khi nghe truyền miệng những thông tin về đất đai và vùng biển bị mất, song từ đó đến nay, ông đã kiểm tra lại, thấy đó là những thông tin sai lệch.

Mục Nam Quan

– Còn về mục Nam Quan. Đi bộ từ Hữu nghị quan tới cột mốc số 0 đến vài trăm mét. Thực tế sự sai lệch này là như thế nào ?

“ Trong sử sách, trong văn thơ đều nói đất của chúng ta kéo dài từ mục Nam Quan đến mũi Cà Mau. Mục Nam Quan ở đây nếu nói là cái cổng thì cũng là một cách, nhưng nếu nói là khu vực thì cũng là một cách nói. Giống như đại đa số các cửa khẩu biên giới, ‘ cửa khẩu ’ theo nghĩa rộng thường bao gồm hai cửa khẩu.”

– Và thường chúng thường cách nhau bao nhiêu mét ?

“ Ví dụ như ở Bắc Luân thì hai cửa khẩu cách nhau khoảng 100m. Còn các khu vực trên đất liền, sát với sông suối,

Căn cứ vào những thông tin đã kiểm tra, tướng Trần Độ cho rằng những điểm cụ thể mà ông Lê Công Phụng nói là đúng.

* Chúng tôi hỏi ông dựa trên nguồn tin mới nào, tướng Trần Độ đơn cử đại tá Lê Minh Nghĩa, nguyên Trưởng ban biên giới, là người đã tham gia tất cả các vòng đàm phán. Đại tá Nghĩa, theo lời tướng Trần Độ, xác nhận con số 227 km² đất đai tranh chấp và sự phân chia mà ông Phụng tuyên bố. Chúng tôi đã có dịp gặp đại tá Lê Minh Nghĩa tại New York mùa hè năm 1998 nhân dịp Hội thảo về Biển Đông tại trường NYU và hỏi chuyện ông nhiều lần trong một tuần lễ ở đó. Ông đã bị bắt giam không xét xử 6 năm và quản chế 3 năm (1967-1976) trong vụ “ xét lại chống đảng ”. “ Tôi bây giờ không muốn nghĩ đến điều gì khác, chỉ tâm niệm một điều là : gìn giữ từng tấc đất và tấc biển của Tổ quốc ”, tôi còn nhớ rõ lời tâm sự đó của ông. Đối với tôi, Lê Minh Nghĩa là một chứng nhân đáng tin : nói như Malraux, đó là một chứng nhân đã “ bị cắt cổ ”.

* Trong những chứng từ khá trái ngược về cây số 0 ở khu vực Mục Nam Quan, xin đơn cử hai chứng từ. Một, người viết bài này đã có dịp đến đây cuối tháng 8.1970 và tháng 7.1978, thấy cổng ấy (như tên gọi của nó) thuộc phần đất Trung Quốc, ở phía bắc cây số 0. Hai, theo một người trong nước vừa đi thăm Đồng Đăng trong mấy ngày tết Nhâm Ngọ, sát bên cây số 0, giếng Phi Khanh còn đó.

* Ramses Amer, chuyên gia về các vấn đề an ninh, tranh chấp và hợp tác trong khu vực Đông Nam Á & Thái Bình Dương, giáo sư Trường đại học Uppsala, Thụy Điển, trong một nghiên cứu sắp công bố (*The Sino-Vietnamese Approach to Managing Border Disputes*, Maritime Briefing, vol. 3, n° 5, Durham : International Boundaries Research Unit, University of Durham, 2002), đã cung cấp những thông tin và nhận định nghiêm túc. Riêng về Vịnh Bắc Bộ, ông nhấn mạnh Hiệp ước Pháp-Thanh (phân chia các đảo) không có giá trị pháp lý quốc tế nào, vì các khái niệm vùng kinh tế và thềm lục địa chưa hề có hồi cuối thế kỉ 19. Theo ông, Hiệp định về Vịnh Bắc Bộ sẽ giúp Việt Nam bảo vệ thủy sản (hiện nay ngư thuyền Trung Quốc đang chiếm thế áp đảo, vơ vét tự do) và yên tâm tiến hành thăm dò và khai thác dầu khí tại vùng biển của mình.

Bất luận thế nào, chính quyền Việt Nam cần phải công bố Hiệp định đã thi hành, quốc hội phải thảo luận nghiêm chỉnh bản Hiệp định vừa kí. Công khai, trong suốt và sự đồng thuận của công luận là điều kiện tối thiểu cho mọi quyết định trọng đại như vấn đề đất đai và vùng biển.

Nguyễn Ngọc Giao

thì tùy địa hình của từng bên. Chúng ta cũng biết là ải Nam Quan là cuối khúc sông. Nếu chúng ta bắt đầu tính biên giới từ chân tường hoặc chia đôi của mục Nam Quan thì cũng không được. Còn cột mốc số không - nhân dân Lạng Sơn báo cáo với Trung ương, Chính phủ và các nhà đàm phán rằng cột mốc có từ khi những người già còn chửa ra đời. Chúng ta tôn trọng cơ sở pháp lý đã có, tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy. Cho nên hiện nay chúng ta công nhận mục Nam Quan là của Trung Quốc, cách cột mốc số 0 trên 200 m.

“ Tính cột mốc số 0 trở về phía Nam là lãnh thổ của Việt Nam. Từ cột mốc số 0 trở về phía Bắc là của Trung Quốc.”

Chuyện lẩn thẩn

Một trải nghiệm thú vị

Chuyện biên giới, dâng đất, nhượng đất, ... đang rôm rả, gây xúc động (thật và không hẳn là thật) tràn lan ... Ít ra là trên Internet. Chuyện này, sẽ đi vào kho tàng “ lịch sử ” (!) - xin lỗi những vị xem lịch sử là vấn đề nghiêm chỉnh - nằm cùng ngăn tủ với những chuyện có kích thước “ bảo vệ từng thước đất ” của quê cha đất tổ “ hơn ” bốn ngàn năm. Nói gọn, chuyện lớn. Rất lớn. Với hiểu biết lổm bổm, dựa vào thông tin nhỏ giọt của giới thẩm quyền, và thông tin ô ạt (đa phần do lập lại) của giới “ chống thẩm quyền ”, tôi sẽ không dám bàn tán vào chuyện lớn, chỉ nhân đây có vài suy nghĩ lẩn thẩn về Internet.

Thứ nhất, thông tin toàn cầu kiểu Việt Nam : đối với một số người VN trong nước, Internet đã giúp cho Bolsa, San José, Paris, Pra-ha, Berlin,... gần hơn Hà Nội. Đây là một điều thú vị (nói cho sang, mang tính thời đại). Tác nhân tạo nên tình trạng này có thể là nhiều, nhưng hình như cung cách xử lý thông tin (trao đổi và phổ biến) của những người cầm quyền VN góp phần quan trọng lắm. Tôi được đọc đâu đó, đã lâu : Khi nguồn tin chính thức bị tắc tị, thì luồng tin đồn (gồm cả information, mis-information và dis-information) sẽ lên ngôi.

Thứ hai, Internet là vô tư : Internet cung ứng một dòng chảy rộng lớn, cao tốc và tương đối tin cậy (chuyên chở trung thành từ điểm đi đến điểm tới – không hàm ý về phẩm chất sử dụng của thông tin trên ấy). Vô tư ở đây có nghĩa, trên dòng chảy đó, mọi thứ đều có cơ hội lưu thông không duyệt xét. Từ đó, truyền thông đại chúng mang bộ mặt mới. Các chế độ vẫn quen “ độc quyền ” thông tin, nếu còn ngủ yên trong ảo tưởng cũ sẽ bị bỏ lại đằng sau dư luận. Hiện trạng bộ Ngoại giao VN phải chạy đuổi hệt hơi để mong giải độc dư luận là một biểu hiện. Lại vẫn chuyện rất nhảm : Hoặc là anh dẫn đường, hoặc là anh theo đuôi.

Thứ ba, Internet mang bộ mặt dân chủ và bình đẳng : Đây là một ưu điểm đáng ca ngợi của Internet. Điều kiện để một người, một nhóm người làm ra một Website thì gần như là không đáng kể. Giá bèo, anh ơi ! Vì vậy, các “ nguồn ” thông tin có khả năng tăng lên vô hạn định. Một cơ quan quốc tế, một nhà nước, hay một cá nhân nào đó đều có thể hiện diện – trông như bình đẳng – trên WWW. Nếu đảng CSVN có nhân danh “ toàn dân VN ”, thì không ai cấm một bản kiến nghị nào đó luân lưu trên WWW, gởi một ông tây bà đầm nào đó, cũng nhân danh “ toàn dân Việt Nam ”. Xin hô to : Tự do và bình đẳng muôn năm. Công nghệ thông tin muôn năm !!!!

[Ở đây, tôi giả vờ bỏ qua vấn đề trách nhiệm và “ cái giá phải trả ” có thể rất khác nhau giữa các “ chủ Web ”. Tôi không cho rằng có sự bình đẳng trong thực tế. Nhưng, đó là một vấn đề hơi bị ... quan trọng. Vì quan trọng nên tạm giả vờ ... bỏ qua. Một Joe Blow nói gì, post gì và một Clinton, một W Bush, một Nông Đức Mạnh nói gì, post gì có thể... khác. Lại đã từng có người nói : Coi dzậy mà hông phải dzậy.

Cho nên...]

Thứ tư, trách nhiệm của người đọc : Internet trao trả lại cho

người đọc trách nhiệm tối hậu trong việc đánh giá và nhận thức về điều mình đọc. Theo tôi, đây là biểu hiện [và đòi hỏi] cao nhất về quyền con người của người đọc. Đã đến lúc, Internet không còn (và thường khi không nên) có một chức năng chế tài nào về sự chính xác, liêm chính, đạo lý,... đối với nội dung thông tin của các Website (Các tổ chức, cơ quan watchdog trên Internet/Web có vai trò khá giới hạn của nó – Chỉ cần theo dõi cuộc “ đấu đá ” giữa các watchdogs và nền đại kỹ nghệ PORNO, nhiều tỉ USD, là đủ biết).

Chỉ đôi điều (còn rất sơ sài, thiếu cận như trên), ta thấy ngay các nhà cầm quyền, vẫn còn vận hành theo lối đóng kín, hoặc tin vào khả năng ban phát thông tin theo mô thức cà-phê phin, của mình – như thẩm quyền hiện hành ở VN – đang phải đối mặt với một cuộc trải nghiệm rất lớn, để họ có thể phần nào nắm được vai chủ động trong chính việc truyền thông có liên quan đến bản thân chế độ. Đối với họ, đây là cơ hội nghiệm sinh thú vị về cách cùng tồn tại (hoà bình?) với Internet.

Nhưng, có lẽ thử thách còn tế nhị hơn đối với những người VN may mắn có được trong tầm tay mình cái nút bấm mở cửa vào Internet. Tôi nói tế nhị vì hình như, riêng ở khía cạnh này, các nhà cầm quyền, do cái “ hoạ ” đối với họ là khá lớn và hiển nhiên, lại dễ nhận ra thử thách cho mình hơn một người đọc “ bình thường ”. Tôi lại xin nói riêng về người Việt Nam, vì các lí do tình thế – lại nói điếu, lịch sử – bước nhảy vọt vào Internet/WWW là một bước nhảy mang độ lớn thế kỉ. Hình như, ngón tay làm bước nhảy dễ dàng hơn nhiều so với bộ óc.

Xin ơn trên Internet phù hộ cho cả hai nhóm đối tượng trên. Không gian xi-be của một “ ngày mai ca hát ”, của thế giới đại đồng đang chờ đón cả hai phía. Lắm người vẫn khoái nói về tính dân chủ của xã hội thông tin. Mong được thế !

Nguyễn Dừa e-Cột (2002)

Lời bàn của Tám câu đố : *Cái anh họ Nguyễn này thật đúng là lẩn thẩn, đã tự nhận là “dừa e-cột mà e-nghe”, thế mà lại còn nói. Hay là chỉ e e-nói mà không e nói chẳng ? Hỏi chàng, thì chàng bảo : Khốn nạn, đứng dựa cột mà lại bị ruồi bu, kiến cắn thì cũng phải bậm gan mà ứ ố chứ sao ? Dám đầu cả gan vừa gãi vừa hét tướng lên : “Ông thì giết... cái đồ... ”. Quan viên tưởng lắm mình mắng họ, có đường một gong !*

Khổ thật, cứ phải e-nghe mà không e-nói nên phải hét tướng lên... với cái đầu gối. Không chừng đã ít nhiều tâm thần... mà hình như bệnh tâm thần là cái virus truyền bá trên mạng nhanh hơn cả “I love you”. Vì cái biên giới mù mờ cứ như vết mực mù mờ trong trải nghiệm phân tâm học, có cái phép làm cho người ta kêu gào... những ẩn ức của chính mình. Kể ra như thế cũng tốt, vì ai đó được nói cho xả hơi, và ai đó khác thì được nghe cho... đáng kiếp.

Mà nói ‘ai đó’ là ai đó ? xin thưa, trong cõi mơ hồ của thế giới ảo, ảo ảnh và ảo thuật ba bề bốn bên, nào ai biết ai là ai ? Thế vận hội lần này tại Trung Quốc, sau khi biên giới yên ả rồi, ta nên đề nghị với thiên triều thêm vào môn thể thao... ném đá giấu tay, nhất định An Nam ta đạt huy chương vàng.

Nhưng có lẽ nên chữa cái bệnh mù mờ này thì hơn. Ông Gọt Bá Chớp ở xứ Nga La Tư ngày trước có liều thuốc hay lắm, gọi là Glastnost. Dân chủ, trước hết là dân chủ thông tin.

Việc công ty Enron phá sản và tư bản lũng đoạn

Vũ Quang Việt

Toàn cầu hoá là điều không thể tránh khỏi vì nó mang lại lợi ích kinh tế cho các nước, nhưng quá trình toàn cầu hoá này đã được Mỹ, nước vác ngọn cờ đầu đẩy mạnh bằng cách tìm mọi cách xoá bỏ các định chế kiểm soát mà họ cho là kìm hãm sự phát triển của các hoạt động “kinh tế mới” trong nước họ đồng thời trên phạm vi toàn thế giới mà không để ý gì đến những nguy hại mà tư bản lũng đoạn có thể mang tới. Bài viết này nhằm mục đích duyệt qua một số những hiện tượng tài chính kiểu “ngựa không cương” trong nền kinh tế mới này, thể hiện rõ nhất qua sự phá sản của các công ty Enron và Global Crossing. Bài viết chỉ điểm qua những vấn đề định chế, và bỏ qua các vấn đề không liên quan khác như khai gian, phá hủy tài liệu khi bị kiểm tra, dùng tiền đóng góp vào các cuộc chạy đua bầu cử để tạo ảnh hưởng đối với những người làm chính sách.

Thế nào là kinh tế mới ?

Nhiều người cho rằng việc sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin là kinh tế mới. Điều đó đúng một phần nhỏ vì nó chỉ phản ánh tính chất kỹ thuật sản xuất. Phần quan trọng hơn là những thay đổi về công cụ và thể chế tài chính. Và đây chính là vấn đề có thể đưa các nền kinh tế đến chỗ sụp đổ nhanh chóng dù khả năng kỹ thuật sản xuất không có vấn đề. Đây là điều đã xảy ra ở các nước Á châu trong cuộc khủng hoảng tài chính 1997 mà cho đến hôm nay nền kinh tế của họ vẫn chưa đứng dậy nổi. Khi các nước này gặp khủng hoảng trong cán cân thanh toán do sai lầm của họ về chính sách tỷ giá, việc Mỹ và IMF lợi dụng cơ hội áp lực họ mở rộng thị trường vốn đã tạo nên cuộc tháo chạy kiểu đàn lữ của tư bản tài chính nước ngoài (ngoại tệ, cổ phiếu) khiến các nước này rơi vào cuộc đình đốn kinh tế, và không có khả năng gì để đối phó lại. Số tiền mà IMF có thể cho mượn, sau khi đã phải chấp nhận đủ các điều kiện bất chấp đời sống của người dân trong nước, cũng chỉ là muối bỏ biển đối với tư bản lũng đoạn trên thị trường.

Kinh tế mới, đối với một số không nhỏ người cổ vũ cho tư bản kiểu mới, đồng nghĩa với việc xoá bỏ mọi can thiệp vào thị trường để trở lại thời kỳ tư bản trước khủng hoảng năm 1930. Kể từ đầu những năm 1980 việc xoá bỏ định chế tài chính nhằm tạo ra cạnh tranh đã được cổ vũ và đẩy tới cao điểm vào những năm 1990 khi chính quyền Clinton, đại diện cho giới cấp tiến, cũng đã chấp nhận suy nghĩ của giới bảo thủ. Sự hỗ trợ về công nghệ thông tin được Phố Wall cổ động nồng nhiệt. Kết quả là việc lên giá cổ phiếu như điều gặp gió. Chính kết quả này đã làm cho những câu hỏi về nguy cơ của việc

không có định chế kiểm soát đã không được đặt ra, hoặc nếu có đặt ra thì cũng chỉ là tiếng kêu trong sa mạc.

Chúng ta cần để ý đến đặc điểm tạo ra sự khác biệt giữa một nền kinh tế cũ (như Đức hiện nay và Mỹ ngày trước) và một nền kinh tế mới kiểu Mỹ hiện nay. Đặc điểm của các công ty trong nền kinh tế cũ là vốn đầu tư mới dựa chủ yếu vào việc vay ngân hàng. Ngược lại vốn đầu tư mới của các công ty kiểu mới dựa chủ yếu vào việc phát hành cổ phiếu. Do đó trong nền kinh tế cũ, vai trò của hệ thống ngân hàng thương mại là cực kỳ quan trọng và nhà nước có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính thông qua các quyết sách của ngân hàng trung ương (hay ở Mỹ gọi là Cục Dự Trữ Liên bang). Các công ty cũng có thể gây vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu, nhưng phải thông qua các công ty đánh giá và phát hành cổ phiếu được gọi là ngân hàng đầu tư (investment banks) mặc dù thực tế chúng không phải là ngân hàng. Người mua cổ phiếu sẽ thông qua các công ty buôn bán cổ phiếu và trả tiền cho dịch vụ cố vấn đầu tư. Ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, và công ty buôn bán cổ phiếu bị giới hạn hoạt động vào phần việc của mình, có khách hàng riêng do đó họ có thể kiểm tra lẫn nhau qua việc đánh giá cùng một công ty.

Công nghệ thông tin do tính chất phiêu lưu của nó, khó lòng lập hãng bằng cách vay mượn ngân hàng, đã phải dựa vào vốn cổ phiếu của những người có tiền sẵn sàng chấp nhận phiêu lưu để được lãi lớn nếu như công ty thành công. Những thành công bước đầu quá lớn đã đẩy tới sự bành trướng của ngân hàng đầu tư, sự tăng trưởng vốn đầu tư vào thị trường cổ phiếu, sự xuất hiện hàng hà sa số các công ty dot.com. Ngân hàng thương mại mất khách, do đó đưa đến yêu cầu xoá bỏ biên giới giữa ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và công ty buôn bán chứng khoán. Việc xoá bỏ ranh giới là do qui luật cạnh tranh đưa đến mà không một chính phủ nào có thể cưỡng lại được. Nhưng tai hại là những cường chế rất cần thiết để bảo vệ người đầu tư mua cổ phiếu đã không được giữ lại, hoặc sửa chữa cho phù hợp mà cũng biến mất theo.

Những định chế bị xoá bỏ này là gì ?

- Không còn sự phân biệt đại diện công ty phát hành cổ phiếu (tức là làm nhiệm vụ ngân hàng đầu tư trước đây) và đại diện người mua cổ phiếu (công ty tư vấn mua bán cổ phiếu) vì một công ty có thể làm cả hai chức năng. Tức là người đá bóng cũng lại là người thổi còi. Điều này đưa đến việc là các công ty tài chính chỉ hù hào mua cổ phiếu vì họ được lợi cả hai đằng : phát hành cổ phiếu cũng có lời mà tư vấn người mua cũng có lời và giá cổ phiếu càng lên nhanh càng có lời nhiều do đó càng cần “bóc thơm”. Theo điều tra của báo chí, khi thị trường chứng khoán đã rõ ràng trên đà suy sụp, hầu như không có nhà tư vấn nào tư vấn khách hàng bán cổ phiếu đi.

- Vai trò của ngân hàng trung ương ngày càng giảm, chính sách giảm lãi suất chiết khấu không còn tác dụng quan trọng đến lãi suất dài hạn của ngân hàng và cũng mất dần tác dụng với đầu tư.

- Các công ty kiểm toán được phép vừa làm kiểm toán (đại diện cổ phần viên) vừa làm tư vấn kế toán (đại diện quản lý), cũng là hình thức vừa đá bóng vừa thổi còi. Đây là lý do công

ty kiểm toán Anderson vừa làm nhiệm vụ kiểm toán công ty Enron, lại vừa cố vấn họ tìm lỗ hổng về kế toán để che dấu thực chất tình hình tài chính công ty, biến lỗ thành lời, biến nợ thành thu nhập. Theo tài liệu của Investor Responsibility Research Center, doanh thu của các công ty kiểm toán ở Mỹ là 5,6 tỷ năm 2001 thì chỉ có 30% là từ kiểm toán, còn 70% là từ tư vấn kế toán. Năm 2001 công ty Anderson nhận từ công ty Enron 25 triệu về kiểm toán và 27 triệu về tư vấn kế toán.

Những định chế không theo kịp với phát triển của thị trường

Chế tài hay chuẩn về kế toán ở Mỹ là do FASB (Hội đồng Chuẩn Kế Toán) quyết định. Hội đồng này không có tính cách nhà nước mà tài chính hoạt động là do các công ty tư nhân ở Mỹ đóng góp, do đó khi các chuyển biến mới trong nền kinh tế đòi hỏi việc thiết lập chuẩn mực mới thì Hội đồng này thường đại diện các công ty chống lại. Khác với các nước khác, chuẩn mực kế toán ở Mỹ không có tính pháp luật mà chỉ là khuyến cáo cho nên có thể biến thiên tùy theo dư luận, trừ một vài định chế có trong luật hoặc do SEC (Ủy ban Kiểm soát Chứng khoán) quyết định. Trong kế toán có hai mục quan trọng là doanh thu để tính lời lãi và tài khoản vốn để tính tích sản (assets) - cái đang có và tiêu sản (liability) - cái phải trả ra, để biết tình trạng nợ nần. Do sự ra đời của các công cụ mới, kế toán cũ đã dần mất khả năng xử lý. Sau đây là vài điển hình kế toán ghi tăng doanh thu, lợi nhuận, nhằm đẩy giá cổ phiếu trên thị trường:

- Thị trường về hàng hoá (commodity market) nhằm điều hoà cung ứng và giá cả đã ra đời từ lâu. Thị trường này cũng như thị trường cổ phiếu có định chế nghiêm ngặt nhằm hạn chế lũng đoạn và bảo vệ các hợp đồng về mua bán tương lai và quyền mua bán (future, options) những loại hàng hoá có thể đo lường về chất và lượng dễ dàng như lúa mì, cà phê, dầu lửa v.v. Nhưng sự ra đời của buôn bán hợp đồng về cung cấp điện, khí đốt, đường dây tải thông tin (sáng kiến của công ty Enron và làm nó trở nên bề thế) là hàng hoá mới do đó hoàn toàn không bị chế tài. Doanh thu thay vì là phí trung gian, tức là sự khác biệt giữa giá mua vào và giá bán ra thì lại ghi theo giá bán ra (chẳng hạn như với người buôn cà phê thì doanh thu là giá bán ra trừ đi giá mua vào hoặc với công ty bán cổ phiếu thì chỉ ghi là giá dịch vụ phí) do đó công ty Enron đã ghi là có doanh thu 70 tỷ US để trở thành công ty có doanh thu đứng thứ 7 nước Mỹ, nhưng thực chất nếu ghi đúng thì chỉ khoảng 20 tỷ. Người bình thường và ngay cả giới chuyên gia nếu không đi vào phân tích chi li thì không thể biết công ty Enron đã dùng lỗ hổng về chế tài kế toán để nhanh chóng biến mình thành một công ty có doanh thu tăng rất nhanh. Thí dụ Enron tăng doanh thu từ 40 tỷ năm 1999 lên 101 tỷ năm 2000.

- Hợp đồng bán ra trong 10 năm tới chẳng hạn thay vì chia đều cho 10 để tính doanh thu hàng năm thì Enron (và nhiều công ty khác) tính thành cả doanh thu cho năm ký hợp đồng. Trong trường hợp họ chưa có hợp đồng mua vào để cung ứng cho khách hàng trong tương lai thì họ được phép tính tùy ý ghi chi phí, nhằm mục đích duy nhất là ghi có lợi nhuận lớn mà thực chất là chưa có gì.

- Biến các trao đổi về vốn hay nợ thành doanh thu cũng là

điều các công ty này làm. Chẳng hạn hai công ty đều có đường dây tải thông tin mà không có khách hàng, công ty A hợp đồng chuyển đường dây tải cho công ty B, công ty B ngược lại cũng làm như vậy. Thế là hai công ty đều ghi là có doanh thu, mặc dù thực chất chỉ là trao đổi công cụ vốn. Để che mắt B có thể ký cho A một tờ séc vài trăm triệu, vài tháng sau A lại ký lại cho B một tờ séc tương tự. Công ty Global Crossing và công ty Enron đã trao đổi như thế với nhau.

- Để làm giảm giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận ghi trong kế toán, các công ty đặc biệt là công ty dot.com trả lương và hưu trí bằng cổ phiếu chưa bán ra thị trường. Lương trả kiểu này không bị ghi là trả lương (do là công cụ mới được phép sử dụng nhưng chuẩn kế toán chưa tính tới, Bộ Tài chính Mỹ muốn thu thuế lương cũng không được mà phải đợi đến ngày người nhận lương kiểu đó bán ra cổ phiếu). Tiền hưu trí chỉ là cổ phiếu không được phép bán đi, do đó khi công ty Enron phá sản, công nhân công ty coi như mất sạch. Thế nhưng tiền hưu trí trả bằng giấy lộn như vậy thì ngược lại được trừ thuế vì coi là chi phí do quyết định của Tổng thống Bush 4 tuần sau khi công ty Enron phá sản (New York Times, 17 Feb. 2002.)

- Để làm giảm phần nợ trong tiêu sản, công ty Enron đã tổ chức ra 3000 công ty trách nhiệm hữu hạn con đăng ký ở những nước không bị kiểm toán. Theo chuẩn kế toán hiện hành, nếu người ngoài công ty mẹ nắm ít nhất 3% cổ phần thì không phải tính chung vào kế toán của công ty mẹ. Do đó, 3000 công ty con này không bị ghi là thuộc công ty Enron, do đó công ty Enron khi cần tiền thì họ chuyển cổ phiếu công ty (giấy lộn) cho công ty con, công ty con dùng cổ phiếu này làm thế chấp vay ngân hàng, chuyển cho công ty mẹ qua một hợp đồng tương lai. Công ty Enron như vậy có thể ghi vào doanh thu, tăng lời, đồng thời không có nợ vì kế toán của công ty con không được tổng hợp vào công ty mẹ.

Nói tóm lại là qua các thủ thuật kế toán, công ty Enron đã bỏ qua không ghi 27 tỷ đồng tiền nợ trong số 60 tỷ đồng tích sản vì chuyển cho công ty con. Nhưng trò ảo thuật này chỉ tiếp tục khi thị trường chứng khoán tiếp tục lên hoặc giữ giá. Khi giá cổ phiếu xuống, thế chấp bằng cổ phiếu mất giá, chủ nợ đòi các công ty con chống tiền thế chấp nhằm bù đắp sự mất giá của cổ phiếu thế chấp, các công ty con mất khả năng thanh toán đưa đến việc mất khả năng thanh toán của Enron. Những người biết trước vấn đề của công ty là những người nắm cổ phần chủ chốt, và họ đã bán tháo cổ phần chạy trước trong khi đó lại hô hào công nhân và thị trường tiếp tục mua vào. Kenneth Lay chủ tịch công ty bán ra 100 triệu trong năm 2001, trước khi tuyên bố công ty phá sản. Ông ta làm được như thế vì chuẩn kế toán đã thay đổi, thay vì trước đây việc bán cổ phiếu của nhân viên hội đồng quản trị phải báo cáo với SEC (Ủy ban Kiểm soát Chứng khoán) trong vòng một tháng thì hiện nay được thả lỏng trong vòng một năm. Điều này được báo New York Times phanh phui vào 16/2/02, hai tháng rưỡi sau khi công ty phá sản. Có thể nói các định chế bảo vệ người mua cổ phiếu đang biến dần hoặc mất hiệu lực. Người mua phải dựa vào các nhà phân tích để tìm hiểu thực chất tài chính công ty. Nhưng các nhà phân tích lại nằm trong các công ty

Xem tiếp trang 16

(Phản) toàn cầu hoá

Từ Davos đến Porto Alegre

NGUYỄN QUANG

Tháng giêng 2002, đã diễn ra song đôi hai diễn đàn quốc tế trên cùng một lục địa nhưng khác bán cầu, tiêu biểu cho hai dòng tư tưởng đối kháng : một bên là Diễn đàn Kinh tế Thế giới lần thứ 32 (World Economic Forum, WEF) họp tại New York thay vì Davos như thường lệ, nên lần này còn được gọi là hội nghị Davos trên bờ sông Hudson, với sự tham gia của ba nghìn “ nhà quyết định ” (cộng thêm vài khách mời “ siêu sao ”) ăn mặc chỉnh tề để nghiêm nghị suy nghĩ về sự “ lãnh đạo trong thời buổi cam go ” ; và bên kia, gần như cùng một tuần lễ, Diễn đàn Xã hội Thế giới lần thứ 2 (World Social Forum, WSF) tập hợp tại Porto Alegre (Brasil) sáu chục nghìn người thuộc 120 nước, trong đó 10 000 người là đại diện cho các tổ chức phi chính quyền (NGO), các công đoàn và hội đoàn đa dạng, với khẩu hiệu duy nhất “ *Có thể xây dựng một thế giới khác* ”.

Cuộc giao tranh của những biểu tượng

Thế là đã diễn ra từ hai đầu của lục địa Mỹ cuộc giao đấu giữa hai thế giới quan, và lạ thay, lần này, ngọn gió Lịch sử

đường như không thổi từ phương bắc. Cũng nên nhắc lại là diễn đàn WEF đã mở ra ở Davos từ hơn ba chục năm nay, một thứ câu lạc bộ thượng thặng (niên liễm 25 000 USD/người) tập trung những “ nhà lãnh đạo hoàn cầu ”, những chính khách và “ nhà tư tưởng ” thời thượng. Theo dòng thời gian, Davos đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa tân liberal ngự trị thế giới như “ tư duy duy nhất ”, thể hiện sự ngạo mạn của những kẻ tự phong là “ chúa tể thế giới ”. Chính là để chống lại Davos và các thứ hội nghị G7, G8, WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới)... sau khi đã làm thất bại hội nghị Seattle hồi tháng 11-1999 (*) mà các tổ chức chống toàn cầu hoá đã đề ra nguyên tắc : từ nay, mỗi lần có những cuộc họp quan trọng của các cơ chế đa phương, họ sẽ tổ chức biểu tình hay mở ra những “ phản diễn đàn ”. Nói như nhà báo G. Luneau, “ đối ứng với mưu toan biến thế giới thành hàng hoá, công dân thế giới sẽ phát minh ra những cuộc biểu tình ‘ đại diện ’ ”. Năm ngoái, Porto Alegre I đã có tình “ chiếm đoạt ” thời sự bằng cách chọn đúng ngày khai mạc Davos 2001 để họp. Năm nay, diễn đàn đã “ cẩn thận hoãn ngày họp và dời địa điểm hội nghị sang New York, nhưng tôi công : báo chí và các media đều đồng thanh mô tả không khí ảm đạm của cuộc hội nghị, các nhân vật quyền thế giam mình trong một khách sạn sang trọng biến thành một thứ boongke kín mít (4 000 cảnh sát được huy động để chống lại 6 000 người biểu tình), các bài diễn văn được tân trang bằng một lớp sơn “ xã hội ” và “ bình đẳng ” (xem khung kèm bên). Nhật báo Wall Street Journal đưa tít trang nhất : “ *Thời đại của đối thay đã bao trùm lên trên Diễn đàn Kinh tế* ”. Bóng ma của Porto Alegre đã dạo bộ trong các hành lang của Davos/Hudson. Năm 2002 này, rõ ràng phong trào phản toàn

Vài đề nghị nhằm “ tháo dỡ toàn cầu hoá ”

Tuy Porto Alegre không đi tới một “ cương lĩnh ” – đó không phải là mục tiêu của Diễn đàn Xã hội này – song 7 ngày thảo luận và 26 cuộc hội nghị (mỗi hội nghị tập trung bàn một chủ đề phê phán cuộc toàn cầu hoá theo chủ nghĩa liberal) đã nêu ra một số đề nghị vạch ra một “ phản mô hình ”. Dưới đây xin đơn cử một vài đề nghị đó :

* **Đánh thuế dòng chảy tư bản** vừa để chống đầu cơ vừa để tạo thêm tài nguyên mới cho các nước đang phát triển : ngoài loại thuế Tobin đánh vào thị trường mậu dịch, đề nghị đánh thuế vào những đầu tư ngoại quốc thuộc loại “ phá giá xã hội ” theo hệ số từng nước do Tổ chức quốc tế lao động quy định nhằm tôn trọng các quyền cơ bản của người lao động ; một loại thuế thứ 3 đánh vào lợi nhuận của các công ti đa quốc.

* **Bãi bỏ các “ thiên đường trốn thuế ”** : ta còn nhớ, trước ngày 11.9.01, chính quyền Hoa Kỳ phủ quyết mọi sáng kiến quốc tế theo chiều hướng này ; sau biến cố 11.9, Mỹ thay đổi lập trường và lớn tiếng tố cáo đường dây kinh tài của các tổ chức khủng bố ; rồi sau khi chiến thắng quân sự ở Afghanistan, chính auyễn Bush lại giữ im lặng.

* **Xoá nợ cho các nước đang phát triển** : người ta ước tính

tổng số nợ của các nước đang phát triển là 2 000 tỉ \$ (trong khi riêng nước Mỹ nợ 5 000 tỉ \$).

* **Xác lập một hệ thống mới chính quyền thế giới** trên cơ sở Hiến chương Liên hiệp quốc về các quyền con người. Trong tinh thần ấy, tỉ trọng của các tổ chức quốc tế phải được điều chỉnh, cụ thể là tăng quyền hạn của Tổ chức quốc tế lao động, Tổ chức y tế thế giới, giảm bớt quyền hạn của những tổ chức kinh tế như IMF, WB, WTO...

* **cải tổ sản xuất nông nghiệp**, coi trọng nguyên tắc “ chủ quyền lương thực ”, khái niệm này đi xa hơn nguyên tắc “ an toàn lương thực ” (tự túc và độc lập về cung cấp lương thực), để mỗi nước có quyền quyết định về chiến lược sản xuất. Thí dụ chính sách của Nhật Bản nhằm bảo vệ thị trường gạo của mình, chống lại sức ép ghê gớm của Mỹ. Đừng nhầm với chính sách trợ cấp để xuất khẩu nông sản (vốn bị cấm).

* **tái sinh nền dân chủ đại diện** nhằm tăng cường sự tham gia đời sống chính trị của công dân (mà Porto Alegre là một điển hình). Hội nghị Porto Alegre, cố nhiên. Và cả thành phố Porto Alegre nữa : 20 % ngân sách xã hội của thành phố này được thảo luận tại các uỷ ban công dân.

cầu hoá là người chiến thắng trong cuộc giao tranh biểu tượng.

Cuộc giao tranh ý tưởng

Còn cuộc giao tranh ý tưởng thì sao ? Từ trong “ khối hỗn mang sáng tạo ” (chữ dùng của một thành viên) ở Porto Alegre (700 cuộc họp tổ, 26 hội nghị toàn thể), người ta có thể rút ra một số đề nghị nhằm “ tháo dỡ cuộc toàn cầu hoá ” (*déconstruire la mondialisation*, xem khung kèm bên), song các đề nghị này không có giá trị như một cương lĩnh, bởi vì phong trào e ngại mọi cấu trúc chính trị. Diễn đàn Xã hội (và các diễn đàn tiếp theo) được quan niệm như là một cỗ máy sản xuất những ý tưởng nhằm thay thế “ tư duy duy nhất ”. Sự thiếu vắng một tập hợp quyết định ở quy mô hành tinh là một nguy cơ thực sự vì quyền lực đối trọng là yếu tố cần thiết nhưng không đủ. Song người ta có thể hình dung đại khái ra một “ tập hợp quyết định toàn cầu và dân chủ ” trên cơ sở những định chế hiện tồn như Phòng quốc tế lao động, Tổ chức y tế thế giới, Tổ chức lương nông, và ngay cả Tổ chức thương mại thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế sau khi hai cơ quan này được cải tổ. Điều chắc chắn là, với “ trọng khối tới hạn ” (*masse critique*) đặt được ở Porto Alegre, WSF đã giành được tính chất chính đáng mà WEF vẫn hoài công đeo đuổi từ ba chục năm nay. Tính chính đáng thể hiện ở tính chất đại diện : không những Porto Alegre đã tập hợp được 60 000 người đến từ 120 quốc gia (trong đó có 400 người đến từ Hoa Kỳ), mà còn có sự tham gia (lần đầu tiên) của đại diện các tổ chức lớn (Greenpeace, Amnesty International, Y sĩ không biên giới MSF...) và các công đoàn lớn (đặc biệt Liên đoàn Âu châu các Công đoàn, mà 3 công đoàn Pháp CGT, CFDT và FO đều là thành viên). Nó còn thể hiện trong công luận : từng bước, tư tưởng “ phản toàn cầu hoá ” đã quảng bá trong xã hội, không những thế, đã thâm nhập cả “ giới quyết định ” vốn là một môi trường khép kín. Nguyên nhân của tình trạng này trước tiên xuất phát từ những tiếm lạm và buông thả của một quá trình toàn cầu hoá quá mức : cuộc khủng hoảng tài chính Á châu năm 1997, rồi các cuộc khủng hoảng ở Brasil và Nga năm 1998, và bây giờ là cuộc khủng hoảng ở Argentina ; những bê bối vì quản lý tồi tệ (vụ Swissair) hay biển lận (Enron) ; tính chất tàn nhẫn của các vụ “ sa thải vì thị trường chứng khoán ” (Michelin, Danone...) ; sự bóc lột người lao động ở các nước phương Nam, kẻ bóc lột có khi là chính quyền của những nước đó (nạn trẻ em phải lao động ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh) ; nạn tàn phá môi trường ngày càng nhãn tiền... Tất cả những điều ấy hợp lại đã làm rung động tư duy tân liberal độc tôn. Cái tư duy “ duy nhất ” mà trong một lúc cao hứng, tổng thống Bush (tại hội nghị G8 năm 2001 ở Genoa) đã tóm tắt xanh rờn trong một câu : “ Kẻ thù của tự do mậu dịch là kẻ thù của người nghèo... ”. Ngón từ kĩ phiệt theo kiểu IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế) hay WB (Ngân hàng Thế giới) : “ *Mậu dịch tự do không rào cản sẽ làm cho của cải thế giới giàu thêm khoảng 2 800 tỉ \$ và nhờ đó 320 triệu người sẽ thoát khỏi kiếp nghèo khổ* ” (thông cáo của WB tại Hội nghị tối cao Doha, tháng 11.2001) ngày nay chỉ làm cho người ta nhún vai, và Bernard Cassen, chủ tịch tổ chức Attac, có lí khi ông nói : “ *Chúng ta*

đang chuyển dịch con chạy (curseur) của sinh hoạt chính trị về phía các ý tưởng của chúng ta ”. Cho dù những ý tưởng ấy chưa thật minh bạch, song rõ ràng là “ con chạy ” đã di chuyển theo chiều hướng ấy, và có lẽ các sử gia tương lai sẽ đặt nó trong viễn cảnh của một trào lưu tư tưởng bao quát hơn, song song với trào lưu, từ thế kỉ XIX, nhằm “ khai hoá chủ nghĩa tư bản man rợ ”, nghĩa là quá trình lịch sử (các cuộc đấu tranh xã hội lúc đầu tự phát, tiến tới thành lập và định chế hoá các công đoàn, và nhờ tương quan lực lượng mới, lập pháp hoá các quyền lợi xã hội) dẫn tới sự đồng thuận tại các Nhà nước ban phát (Etat providence). Cuối thế kỉ XX, cuộc khủng hoảng của Nhà nước dân tộc đã gây ra tình trạng mất cân đối giữa hai về kinh tế và xã hội. Trong cuộc chơi toàn cầu mới, các Nhà nước dân tộc không thể giữ trong khuôn khổ quốc gia sự lưu chuyển của tư bản cũng như các hình thái bóc lột lao động, đồng thời chúng cũng không thể ngăn chặn được các lực lượng đối lập và đề kháng. Bước sang thế kỉ XXI, cuộc đấu tranh chống toàn cầu hoá chỉ có thể tồn tại và triển khai nếu nó trở thành toàn cầu. Và chúng ta đang chứng kiến sự ra đời của cuộc kháng chiến toàn cầu đó.

NGUYỄN QUANG

(*) Xem Diễn Đàn số 92 (tháng 1.2000).

Công ti ENRON

(tiếp theo trang 14)

vừa cố vấn người mua vừa cố vấn công ty phát hành cổ phiếu đã không còn tính độc lập.

Enron chỉ là một trong hàng hà sa số các công ty hiện nay dùng các thủ thuật mới trên. Và sự lo ngại của người dân Mỹ về các công ty loại Enron cũng như sự mất niềm tin của họ đối với các hệ thống định chế tài chính của Mỹ đã trở thành tin tức bao trùm hệ thống thông tin của nước Mỹ, làm lu mờ một phần tin tức chống khủng bố.

Nếu như ở một nước khác, câu chuyện Enron có thể gây khủng hoảng tài chính trầm trọng, nhưng Mỹ có cái may mắn là nguồn đầu tư vào thị trường cổ phiếu hiện nay rất lớn, và so với lãi suất quá thấp của ngân hàng, thì người đầu tư chưa đến lúc quyết định tháo chạy kiểu đàn lũ nhất là khi kinh tế Mỹ vẫn được coi là ít bệnh tật hơn các nền kinh tế khác. Nhưng chắc chắn nó đòi hỏi cải cách. Cải cách chắc cũng chỉ giới hạn vì khủng hoảng tài chính chưa xảy ra, số người bị thiệt hại nhỏ, do đó ảnh hưởng áp lực xã hội chưa phải là lớn, các nhà chính khách Mỹ có thể vẫn bình chân như vại.

Đó là nói về nước Mỹ. Còn đối với thị trường tài chính thế giới, nó là một thị trường hoàn toàn tự do gần như không có định chế. WTO chỉ là tổ chức lập nên nhằm bảo đảm là thị trường các nước thành viên phải mở cửa cho toàn cầu hoá. Chuyện gì xảy ra cho nền kinh tế các nước yếu kém khi bắt buộc phải mở cửa không phải là trách nhiệm của họ.

New York, 19/02/2002

Vũ Quang Việt

Văn hoá trong cách xưng hô

Ai nấy đều biết rằng tiếng Việt không có một đại từ nhân xưng (hay hồi chỉ) trung hoà. Không phải tiếng Việt không có những đại từ nhân xưng chính danh. *Tao, mày, nó, hắn* (chúng *tao, chúng mày, chúng nó*) và *họ*, có thể coi là những đại từ nhân xưng và hồi chỉ chính danh. Nhưng trừ *họ* (đại từ hồi chỉ ngôi thứ ba số phức) ra, tất cả các đại từ này đều được cảm thụ như không được lễ độ, và không thể dùng trong khi giao tiếp với người dung trong khuôn khổ xã giao bình thường, và ngay cả *họ* cũng không phải lúc nào cũng dùng được (chẳng hạn không thể dùng thay cho cha mẹ hay người thân tộc ở bậc trên so với người nói).

Tất cả các từ thường được dùng để xưng hô trong những điều kiện giao tiếp bình thường đều là những danh từ, trước hết là những thuật ngữ chỉ quan hệ thân tộc (trừ *dâu, rể, vợ chồng, ông nhạc, bà nhạc*, v.v. (1)) rồi đến những thuật ngữ chỉ những chức vụ hay cương vị có ít nhiều màu sắc tôn vinh như *thầy, giáo sư, chủ tịch, bác sĩ, bộ trưởng, sư ông, sư cụ, thủ trưởng, sếp*, rồi các cấp bậc quân đội, - nếu không kể một vài trường hợp dùng danh từ chỉ người nhà như *vú*.

Ngày nay có thể coi một vài danh từ như *tôi* đã trở thành một “đại từ” gần như trung hoà, có thể dùng với bất cứ người nào không có quan hệ thân tộc với người nói. Ít nhất cái sắc thái khiêm tốn do nghĩa gốc (“tôi tớ”, “tôi đòi”, “bê tôi”) để lại thì kể cho đến nay gần như đã mất hẳn, nhất là khi *tôi* hầu như không bao giờ dùng một mình như một danh từ nữa, mà chỉ dùng trong những ngữ đoạn (đẳng kết như *tôi tớ*, hay chính phụ như *bê tôi*). Trong khi đó, chữ *tớ*, vốn đồng nghĩa với *tôi*, lại phải được dùng trong những điều kiện khác hẳn, và có những sắc thái tuyệt nhiên không thích hợp với những cuộc giao tiếp với người dung.

Cũng cần phải nêu rõ rằng các từ thân tộc chỉ dùng để xưng hô, nghĩa là để chỉ ngôi thứ nhất hay ngôi thứ hai, chứ không bao giờ được dùng như đại từ hồi chỉ, nghĩa là để chỉ ngôi thứ ba thay cho danh ngữ, như một vài tác giả trước đây đã từng ngộ nhận. Điều này có thể thấy rõ qua cách đánh trọng âm của các từ hữu quan khi được dùng như danh từ và khi được dùng như đại từ: khi được dùng như đại từ (ngôi thứ nhất hay ngôi thứ hai), những từ này bao giờ cũng mất cái trọng âm mà nó có thể có khi được dùng như danh từ. Chúng tôi đã thực nghiệm điều này trong nhiều lớp tiểu học qua những trò chơi đố các em đoán ra ai là người nói những câu có mẹ, con, bố như “*Con nhớ ử com cho nóng để mẹ về mẹ ăn*” hay “*Đừng nghịch máy tính, không bố về bố mắng cho đấy*”: nhờ trọng âm, học sinh lớp 1 không bao giờ nhầm khi người làm thí nghiệm đố các em biết “ai là người nói câu ấy” (được những diễn viên kịch nói thu vào băng ghi âm).

Như vậy, có thể tin rằng đã hình thành một hệ thống đại

từ nhân xưng, hay ít nhất là đã có một quá trình ngữ pháp hoá các đại từ tương tự như quá trình ngữ pháp hoá (hư hoá) các danh từ chỉ “phía” *trên, dưới, trong, ngoài* thành những giới từ đánh dấu vai định vị (locative) và quá trình ngữ pháp hoá các vị từ có ý nghĩa di chuyển như *lên, xuống, ra, vào, qua, sang, đi, về, lại, đến, tới* thành những giới từ chỉ đích (target hay goal), cũng được khu biệt với các thực từ gốc bằng tiêu chí “mất trọng âm” – một phương tiện chung của tiếng Việt để khu biệt hư từ với thực từ.

Thế nhưng, khác với các vị từ (“động từ”) khi chuyển thành giới từ chẳng hạn, các danh từ chỉ quan hệ thân tộc khi chuyển thành đại từ nhân xưng không có dấu hiệu gì mất nghĩa từ vựng một cách đáng kể như khi vị từ *cho* chuyển thành giới từ *cho* mà ta có thể quan sát khi so sánh hai câu *Lấy tiền cho bạn* [0111] Có nghĩa là “lấy tiền để biếu bạn” (*cho* là vị từ hành động) và *Lấy tiền cho bạn* [0101] có nghĩa là “lấy tiền giùm bạn” (*cho* là giới từ chỉ vai “người hưởng lợi” / beneficiary). Sự thay đổi về nghĩa ở đây không đưa đến một sự chuyển hoá về từ loại làm cho cấu trúc cú pháp của câu khác hẳn đi như trong hai câu trên, mà chỉ tương đương với một sự chuyển đổi từ “nghĩa đen” sang “nghĩa bóng” (nghĩa ẩn dụ) của chính những danh từ ấy: từ chỗ biểu thị một quan hệ thân tộc đích thực, danh từ ấy biểu thị một mối quan hệ mà người nói dường như coi là “gần giống” với quan hệ thân tộc. Nghĩa là người nói làm như thế người nghe (hay người được nói đến), tuy theo lứa tuổi tương đối so với người nói, được mình coi như có quan hệ thân tộc với mình. Rốt cục, như nhiều nhà văn hoá học đã nêu lên, người Việt trong khi giao tiếp làm như thể họ coi nhau là người có quan hệ thân tộc.

Tôi đã được nghe nhiều diễn giả ca ngợi cách xưng hô này của người Việt, cho thấy một mối thâm tình gắn bó toàn dân lại thành một gia đình. Và mặt khác, trong một cuộc hội nghị quốc tế về các giá trị văn hoá phương Đông, tôi cũng đã chứng kiến sự thích thú vô hạn của những nhà văn hoá học ngoại quốc khi tôi miêu tả những tình huống khác nhau có thể diễn ra khi một người con trai chuyển từ cách xưng hô *tôi/cô* với một bạn gái cùng cơ quan (một cách xưng hô gần như trung hoà giữa những người lạ cùng một lứa tuổi) sang cách xưng hô anh-em mà tôi thuyết minh như một mưu toan thay đổi (an attempt at a change) mối quan hệ giữa hai người về phía thân mật hơn (vì đó là cách xưng hô của những đôi tình nhân hay những đôi vợ chồng), và trong những điều kiện nhất định có thể có giá trị như một lời tỏ tình không úp mở, và những cách phản ứng đa dạng mà người con gái có thể có, với những ý nghĩa có rất nhiều sắc thái khác nhau của nó. Mặt khác, khi một người chồng thay cách xưng hô thường ngày (*anh/em*) bằng cách gọi vợ là *cô* và tự xưng là *tôi*, ta có thể thấy ở người chồng ấy một thái độ không bình thường. Nếu đó không phải là một cách nói có sắc thái đùa bỡn, thì thường thường đó là dấu hiệu của một sự rạn nứt nào đó trong quan hệ gia đình.

Tôi cũng có viết và nói một số bài về cái mà tôi coi là một tệ nạn khi một nhà báo chỉ vì lớn tuổi hơn người được phỏng vấn (một chiến sĩ hải đảo, một ngôi sao bóng đá, một hoa hậu, một nghệ sĩ lỗi lạc vừa được tặng một giải thưởng quốc tế đáng tự hào cho bất cứ dân tộc nào) mà tự thấy mình có quyền gọi người ấy bằng “*em*” hay bằng “*cháu*”. Và, lạ thay, người

ấy cũng vui lòng chấp nhận cách xưng hô ấy và xưng *em*, xưng *cháu* với nhà báo, không hề nhớ mình là ai (2). Tôi cũng đã tự hỏi xem liệu cách xưng hô “gia tộc chủ nghĩa” như thế có còn để lại một khe hở nào cho một quan hệ có tính chất dân chủ trong các cơ quan nữa không. Dù sao cũng không thể nào chấp nhận được thái độ kẻ cả của một người tự cho mình hơn người ta mười mấy tuổi. Ngay trong nhà trường trung học (cấp hai) thời Pháp thuộc, tôi cũng chưa thấy một giáo viên nào dùng *tu, toi* (ngôi thứ hai số đơn) để gọi học sinh. Bao giờ giáo viên cũng gọi học sinh bằng *vous* (ngôi thứ hai số phức) như với người lớn. Thế mà ngày nay, ngay cả trong trường chuyên khoa (cấp ba) và cả trường đại học nữa, phần nhiều các giảng viên gọi học sinh, sinh viên bằng *em*. Cách xưng hô này không thể không đi đôi với một quan hệ bất bình đẳng và một thái độ bất nạt có thể bị lạm dụng trong nhà trường, nơi lẽ ra có nhiệm vụ giáo dục ý thức công dân cho các thế hệ sau.

Rốt cuộc tôi thấy cách xưng hô này rõ ràng là có hai mặt trái nhau, trong đó mặt tiêu cực khó lòng có thể thua kém mặt tích cực về tỷ trọng: một mặt, nó có thể làm cho những người đứng nhích lại gần nhau hơn; còn một mặt khác, nó đưa đến một không khí gia tộc hoàn toàn nhân tạo trong những môi trường không cần đến không khí gia tộc, thậm chí không thể chấp nhận thứ không khí này, vì nó quá thuận lợi cho chủ nghĩa con cháu (nepotism) và cho những thái độ kẻ cả của người này và thái độ khúm núm, nịnh bợ của người kia.

Về phương diện lịch sử, người ta dễ có xu hướng giải thích hiện tượng này bằng cái dĩ vãng phong kiến của dân tộc ta. Nhưng chế độ phong kiến đã từng tồn tại ở Trung Quốc, ở Nhật Bản và ở nhiều nước khác trong một thời gian dài hơn ở ta nhiều, mà sao trong ngôn ngữ của các nước này vẫn có được những cách xưng hô không bao hàm một mối quan hệ thân tộc nào, và do đó cũng không bao hàm một sự bất bình đẳng nào? Hay đó là một phản ánh của một xã hội mà tế bào cơ bản là thị tộc? Tôi không đủ thẩm năng để phán đoán về vấn đề này. Dù sao cách xưng hô “không có đại từ trung hoà” này không phải không để ra những vấn đề nan giải.

Tôi trước đây đã từng làm phiên dịch trong một thời gian khá dài, và trong khi dịch những tác phẩm văn học cỡ lớn vẫn phải dành khá nhiều thì giờ (có nhiều hơn cả thì giờ dành cho việc chuyển nghĩa) để nghĩ cách dùng đại từ sao cho khỏi rơi vào tình trạng lố bịch, và rốt cục phải thú nhận rằng trong rất nhiều trường hợp mình đã thất bại thảm hại. Quả nhiên khi viết bằng tiếng Việt không có cách gì có được một thái độ khách quan, trung lập đối với các nhân vật, nhất là trong những văn bản đòi hỏi một thái độ như thế. Chẳng hạn trong khi dịch *Chiến tranh và Hòa bình*, tập thể dịch giả đã phân vân rất nhiều trong khi đi tìm một đại từ hồi chỉ (“ngôi thứ ba”) thích hợp cho nhân vật Napoléon Bonaparte, vốn bị tác giả khinh miệt và chế giễu ra mặt. Tôi còn nhớ là giáo sư Đào Duy Anh cách đây 50 năm khi viết và giảng trên lớp giáo trình

lịch sử Việt Nam đã thử dùng đại từ ngôi thứ ba *nghe* cho tất cả các nhân vật lịch sử, dù đó là Trần Hưng Đạo hay Toa Đô. Nhưng tôi và các bạn học hình như không ai thấy ổn, và cuối cùng hình như chính giáo sư cũng đành từ bỏ cuộc thí nghiệm.

Trong Hội nghị quốc tế về các giá trị văn hóa phương Đông ở Hà Nội năm 1999, sau khi nghe báo cáo của tôi, một nữ giáo sư đã quở trách tôi không có được một thái độ dứt khoát đối với một hiện tượng mà bà (cũng như tôi) coi là một tệ nạn xã hội. Đạo ấy tôi nhân danh sự thận trọng của người làm ngôn ngữ học để không can thiệp vào những sự kiện tự nhiên của ngôn ngữ, vốn thuộc thẩm quyền của số đông những người bản ngữ: như trong câu cách ngôn nổi tiếng của một nhà ngữ học Mỹ, “*Người bản ngữ, cũng giống như người khách hàng, bao giờ cũng đúng*” (“The native speaker, like the customer, is always right”). Nay tôi nghĩ rằng Nhà nước vẫn có thể quy định một nguyên tắc chung về cách xưng hô dùng trong giờ hành chính ở các cơ quan của Nhà nước (3), nhất là về cách xưng hô của các đại diện của cơ quan truyền thông đại chúng với những người được phỏng vấn. Còn trong sinh hoạt bình thường, tôi e rằng không có cách gì can thiệp vào đây được. May ra cũng chỉ có thể hy vọng vào ý thức của những người cấp trên như thủ trưởng cơ quan, giảng viên hay huấn luyện viên thể thao, cố ý xưng hô với người “dưới” đã đủ tuổi công dân, dù người đó là học trò hay thuộc hạ của mình, bằng những đại từ nêu rõ quan hệ bình quyền giữa các công dân với nhau và từ đó giáo dục ý thức tự trọng của lớp trẻ.

Và có lẽ phải đợi vài ba thế kỷ nữa mới có thể thấy trong các đại từ nhân xưng xuất hiện những từ trung hoà, không có những sắc thái phân biệt thân/sơ và trên/dưới như hiện nay.

Cao Xuân Hạo

(1) Chúng tôi không hiểu tại sao những từ này không bao giờ dùng làm đại từ nhân xưng như các danh từ chỉ quan hệ thân tộc khác, cũng không bao giờ dùng làm hồ ngữ hay làm “loại từ” đặt trước tên riêng (người ta nói *bác ơi, bác Ba, Chị ơi, chị Ba* thậm chí *thầy, vú, bác sĩ*, tuy không phải là danh từ chỉ thân tộc cũng có thể dùng như thế (*vú ơi, thầy Ba*), nhưng không thể nói *chồng ơi, chồng Ba* được. Câu trả lời nghe rất có lý mà nhà ngữ học Nguyễn Đức Dương mách cho tôi cách đây hai mươi năm (“*Vợ, chồng, dẫu, về không phải là người cùng huyết tộc, chỉ do hôn nhân mà thành*”) không đứng vững được, vì *thím, dượng* cũng hết như thế nhưng lại có thể nói *thím ơi, dượng Ba* được. Cho đến nay chúng tôi chưa biết có ai giải đáp được vấn đề hóc búa này.

(2) Một lệ ngoại hiếm hoi là Đặng Thái Sơn, trong khi trả lời một ông giám đốc đài truyền hình gọi anh bằng “*cháu*” và tự xưng là “*bác*”, nghệ sĩ này một mực tự xưng là “*tôi*” và gọi ông giám đốc là “*ông*”, chứ không hưởng ứng cách xưng hô kẻ cả mà ông giám đốc, vì quen thân với gia đình Đặng Thái Sơn, tự thấy mình có quyền dùng, quên mất rằng trước công chúng xem truyền hình mình chỉ là một cán bộ đại diện của đài đóng vai trò trung gian giữa người được phỏng vấn với công chúng.

(3) Sau Cách mạng Tháng Tám, cán bộ ta đã bắt đầu quen với cách gọi nhau bằng “đồng chí”. Tôi không hiểu tại sao cách xưng hô này dần dần ra khỏi tập quán của cán bộ công chức. Có lẽ vì cách xưng hô này có phần quá trang trọng hay quá đậm màu chính trị chăng? Có người còn nói rằng khi trong cơ quan người ta sắp “thịt” nhau thì mới gọi nhau bằng “đồng chí”. Tại sao tình hình lại có thể đi đến nông nổi ấy?

Bài này là báo cáo đọc tại *Hội nghị về Các vấn đề Văn hoá Việt Nam* tại TP. Hồ Chí Minh (tháng 8.2000), in trong cuốn sách của tác giả, **Tiếng Việt Văn Việt Người Việt**, nxb Trẻ, 2001, 384 trang.

Tản mạn về Tranh Ngựa



Ngựa quan và mã phu, tranh khắc gỗ dân gian V.N.

Văn Ngọc

Tết đến, thấy bạn hữu ở xung quanh lùng tìm tranh ngựa, tôi thấy cũng vui vui, bèn nảy ra ý định đi tìm một tranh Ngựa Việt Nam. Tôi chợt nhận thấy đây là lần đầu tiên mình để ý đến năm con Ngựa ! Và có lẽ chưa bao giờ tôi đã bị bận bịu nhiều đến con ngựa như vào dịp Tết Nhâm Ngọ này !

Cuối cùng, lục hết sách vở, không tìm ra được một bức tranh nào đáng gọi là " tranh ngựa " cả, chỉ gặp toàn một loại " tranh khái niệm " về ngựa , nghĩa là được vẽ một cách đại khái, chung chung : con ngựa cũng có mắt, có mồm, có mũi, có bờm, có yên cương, nhưng hoàn toàn không " giống " một con ngựa cụ thể nào cả, ngay cả những chi tiết như tai, mắt mũi, cũng đều không giống ! Có lẽ cũng vì thế mà trông những con ngựa này thật là ngây ngô, như thể ngựa giấy !

Từ con ngựa trong tranh thờ đến con ngựa trong tranh Tết (tranh Tết Việt Nam thực ra không có tranh Ngựa, tôi cũng không hiểu tại sao ? Có lẽ vì ở nước ta ít ngựa chằng ? Con vật này quả là không quen thuộc gì với dân mình cho lắm, ngoại trừ ở những vùng thượng du miền bắc có những con ngựa thô, dáng thấp bé như con lừa, nhưng leo núi thì tài lắm, và ở miền Nam xưa kia hay dùng xe thổ mộ, xe bò chở khách do ngựa kéo). Kể cũng lạ, con ngựa đã không phải là một gia súc quen thuộc của người nông dân Việt Nam từ xưa đến nay, thế mà không hiểu tại sao các cụ ta vẫn cứ giữ mãi cái biểu tượng con ngựa để chỉ năm Ngọ ?

Tranh Tết có bóng dáng con ngựa, hoạ chằng chỉ có mấy bức như : " *Đám cưới chuột* ", " *Trạng vinh quy* ", " *Quang Trung cưới ngựa* ", " *Trưng vương sát Hân tướng* ", v.v. Trong cuốn *Imagerie populaire vietnamienne*, của Maurice Durand, tr. 43 và 44, có bốn bức tranh không có tựa, vẽ ngựa cho vua quan cưới, nét vẽ khá đẹp, có cờ, có long, có mã phu. Trong cuốn sách này, còn có tranh *Quan Công* (tr.441), *Triệu Tử Long* và *Nhạc Phi* (tr.239-240), những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử và trong văn học TrungQuốc đã được các nghệ nhân khắc thành tranh dân gian bán vào ngày Tết.

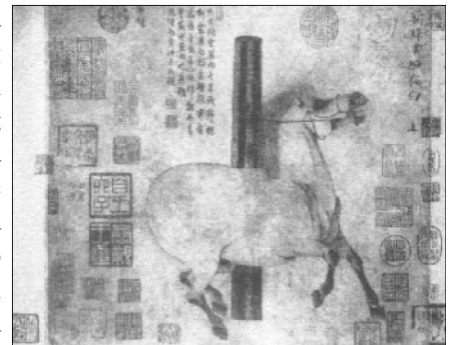
Trong tranh thờ Hàng Trống, có tranh *Ông Hoàng Ba cưới ngựa*, *Thánh Mẫu thượng ngàn*. Tại một số đền chùa Việt Nam

có những bức phù điêu, hoặc bích hoạ vẽ ngựa thờ, một bên là Ngựa Trắng (Bạch Mã), một bên là Ngựa Hồng (Hồng Mã), đôi khi cũng rất đẹp, nhưng trông vẫn ngây ngô làm sao ấy ! Trong tranh thờ của các dân tộc miền núi cũng có tranh ngựa, nét vẽ và nét khắc rất mỹ thuật, sắc sảo, nhưng cũng chỉ vẽ theo phong cách " khái quát " và " cách điệu hoá " mà thôi.

Tôi đang tìm hiểu về hiện tượng " người mình không có tranh ngựa đẹp " này, thì chợt gặp dịp đi lùng tìm tranh ngựa cổ của Trung Quốc, tiếp tay với mấy "fans" của Hàn Cán đang gọi nhau í ới ở trên mạng !

Cũng nhờ làm chuyện này, mà tôi chợt nhận thấy rằng, những tranh ngựa của Hàn Cán (mà niên đại được ước định vào khoảng 720-780, thời nhà Đường), hoặc của những hoạ sĩ cũng nổi tiếng không kém sau này, như Lý Công Lân (Li Gonglin, 1040-1106), thời nhà Tống, Triệu Mạnh Phủ (Zhao Mengfu, 1254-1322), Kong K'ai (cuối thế kỷ 13), Jen Jen-Fa (thế kỷ 14), thời nhà Nguyên, đều là những bức tranh hiện thực xuất sắc ! Những con ngựa vẽ trên tranh của họ rõ ràng là những con ngựa cụ thể, trong những tình huống cụ thể, và họ diễn đạt không chỉ cái hình dạng bên ngoài của chúng, mà còn lột tả được cả cái tâm trạng bên trong của chúng nữa !

Trên thực tế, khi Hàn Cán vẽ bức tranh " *Chiếu dạ bạch* " (Lumière éclairant la nuit - Con ngựa bị cột ở cọc), Triệu Mạnh Phủ vẽ " *Hai con ngựa đang ăn cỏ* ", hay " *Ngựa qua sông* ", Kong K'ai vẽ " *Con ngựa gầy* ", hoặc Jen Jen-Fa vẽ " *Ngựa chân thả* ", hoặc " *Ngựa và mã phu* ", thì họ đã vẽ những " con ngựa thật ", trong những " tư thế và hoàn cảnh thật ". Chúng là những con ngựa có cá tính, đặc điểm, và người ta không thể nào nhầm lẫn chúng với những con ngựa khác được. Đây đích thực là những



Hàn Cán, *Chiếu dạ bạch*, tranh lụa đời nhà Đường, thế kỷ 8.

bức chân dung ngựa ! Con ngựa của Hàn Cán bị cột vào cọc, đang hí vang, lồng lộn, tức tối : đó là một tình huống cổ điển, một tình huống gay cấn, căng thẳng, do một nguyên nhân khách quan tạo nên. Người hoạ sĩ quan sát phản ứng của con vật, nắm bắt được trạng thái nội tâm qua những động tác của nó, đồng thời nắm bắt được những nét tinh yếu, tức *nhịp điệu* chuyển động của nó, nên chỉ cần một nét bút chính xác cũng diễn đạt lên được tất cả sự căng thẳng ấy. Đó cũng chính là *cái ý* nằm ở bên trong sự cố, mà người hoạ sĩ diễn dịch qua



Triệu Mạnh Phủ, *Người và ngựa trong gió bão*, lụa thời Nguyên

nhận thức của mình. Bức tranh “ *Người và ngựa bước đi trong gió bão*” (tựa tiếng Pháp là “ *A l'unisson*”) của Triệu Mạnh Phủ, cũng là một thí dụ tương tự : trên đường đi, gió thổi đến nổi làm con ngựa hãi sợ, từ chối không đi nữa. Bức hoạ diễn đạt tác động của gió lên bờm, lên đuôi ngựa, cũng như lên vạt áo của người mã phu ; dáng điệu sợ hãi và tư thế đứng khựng lại của con ngựa, tất cả đều không thể nào thật hơn ! Và đó cũng là *cái ý* nằm ở bên trong sự kiện, chứ không phải *cái ý* của người hoạ sĩ.

Về mặt hình thức diễn đạt, vào những thời xa xưa như thế mà người hoạ sĩ đã biết thể hiện sự vật trong thế chuyển động bằng *nhịp điệu* của chúng. Lồng vào cái quan niệm nghệ thuật đó, còn có một quan niệm triết lý về sự vật, theo đó mọi vật trong vũ trụ đều ngang nhau trước tạo hoá (người, vật, hòn đá, cây cỏ, sông suối, v.v.). Trên một số tác phẩm hội hoạ Trung Quốc, để có một sự thống nhất về hình thể, đường nét và chất liệu, nhiều tác giả đã không phân biệt hình thức diễn đạt người, vật, với hòn đá, gốc cây, con suối, bằng cùng một nét bút, cùng một thủ pháp.

Điều đáng chú ý hơn nữa, đứng về mặt nghệ thuật, là người xưa đã nhận thức được rằng : phải có một sự thống nhất giữa hình thức diễn đạt và nội dung cái mình muốn diễn đạt. Một sự việc thật, không thể nào diễn đạt được bằng những chi tiết không thật (dáng điệu, cử chỉ, nét mặt, chi tiết v.v.). Một sự việc thật, muốn cho con mắt thấy được như một sự việc thật, thì không thể nào diễn đạt bằng những “ khái niệm ” mù mờ. Thế giới của “ khái niệm ”, của ngôn ngữ nói hay viết, là một thế giới mù mờ, hình tượng văn học là một hình tượng mà mỗi người hình dung ra một cách khác nhau. Nó có cái hay của nó (sự khác nhau giữa văn học và nghệ thuật cũng là ở đấy), nhưng nó không minh bạch, sáng sủa như hình tượng nghệ thuật tạo hình. Điều này, nhiều thế hệ hoạ sĩ sau này đã hoặc không quan tâm đến, hoặc không biết, thậm chí có những thời kỳ người ta muốn vẽ hiện thực, nhưng lại vẽ một cách bôi bác, đại khái, vì thiếu trình độ kỹ thuật cũng có, nhưng chủ yếu là vì không quán triệt được cái quan niệm đích thực về hiện thực trong nghệ thuật. Trong một thời gian dài, người ta đã từng có xu hướng chê một bức tranh là “ không hiện thực ”, không phải chỉ vì nét vẽ không hiện thực, không lột tả được một nhân vật, một trạng thái nội tâm, hay một sự kiện nào đó, mà trước hết là vì đề tài không “ hiện thực ”, theo cái nghĩa là nó không nằm trong số những đề tài mà người ta cho là “ hiện thực ”, hoặc vì bức tranh nói lên những điều mà người ta cho là không sát với cái hiện thực mà người ta muốn đề cao, v.v.

Nhưng ta hãy trở lại những con ngựa của Hàn Cán ! Quả thật Hàn Cán xứng đáng là một trong những hoạ sĩ đầu tiên vẽ ngựa và có nét vẽ hiện thực đến một mức điều luyện chưa từng thấy ở phương Đông cũng như ở phương Tây vào đầu thế kỷ 8. Con ngựa của ông có thể được coi như một cái mốc quan trọng của hội hoạ hiện thực, nói chung (Hàn Cán vẽ ngựa cũng giỏi, mà vẽ người cũng giỏi).

Đương nhiên, quan niệm về hiện thực trong nghệ thuật tạo hình, chủ yếu là trong hội hoạ và điêu khắc, đã có ngay từ những thời cổ đại trong nhiều nền văn hoá : Ai Cập, Mésopotamie, Hy Lạp, La Mã, Trung cận đông, Trung Á, Ấn Độ, v.v. Chỉ cần nghĩ đến những bức phù điêu, những bức tượng cổ Ai Cập, niên đại 2 500 năm trước C.N. ; những bức phù điêu của người Assyriens, thế kỷ 7 trước C.N. ; những bức

chân dung của người La Mã ở Pompéi ; những bức chân dung của người Ai Cập, dưới ách đô hộ của người La Mã, ở thế kỷ 1 ; nghệ thuật Ki-tô giáo thời Trung cổ , thời Phục Hưng, v.v.

Song, quan niệm hiện thực trong các nền nghệ thuật này chưa có lúc nào thật sự là “ triệt để ” (có lẽ chỉ trừ thời Phục Hưng), phần vì bị giới hạn bởi trình độ kỹ thuật, phần vì chú trọng đến khía cạnh hiện thực của sự việc, của tích truyện, hơn là khía cạnh hiện thực của chi tiết. Riêng con ngựa trong các nền nghệ thuật này không mấy khi được coi như một đối tượng quan trọng như trong nền hội hoạ truyền thống Trung Quốc.

Nghệ thuật của Hàn Cán nổi bật lên ở thế kỷ 8 như một hiện tượng hiếm hoi, do tính chất hiện thực sâu sắc của nó. Đương nhiên, hiện tượng đó không phải bỗng dưng mà có. Chắc hẳn ông đã kế thừa một truyền thống hội hoạ hiện thực có từ trước, mà người khởi đầu quan trọng nhất là Ku K'ai-chih (344-406), một danh hoạ thời Nam Bắc triều. Sau đó, đến đầu đời nhà Đường lại có hai anh em Yen Li-teh và Yen Li-pen (hành nghề khoảng những năm 627-683), rồi Li Sseu-hsun (651-716) và Li Chao-tao (670-730). Cùng thời với Hàn Cán còn có Tào Bá (Ts'ao Pa), một danh hoạ chuyên vẽ ngựa, đã được Đỗ Phủ khen trong bài *Dan Thanh dân*. Ngược lại, nhà đại thi hào chê Hàn Cán là “ *đã chỉ vẽ được da thịt con ngựa mà không vẽ được xương cốt của nó* ”. Đáng tiếc là những tác phẩm của Tào Bá nay đã thất truyền !

Hàn Cán chắc hẳn cũng đã tuân theo những qui ước có từ trước của truyền thống hội hoạ hiện thực Trung Quốc, song cách diễn đạt của ông đã đem đến một yếu tố mới : đó là cái kích thước nội tâm. Nghệ thuật của ông không chỉ nhằm sao chép cái hình thức bên ngoài của sự vật, mà còn nhằm thể hiện cái nội dung tiềm ẩn ở bên trong. Nó không chỉ nhằm mô tả hiện tượng, mà còn nhằm lột tả bản chất.

Tình cờ, con ngựa của Hàn Cán đã dẫn dắt tôi lên đến tận ngọn nguồn của một nền hội hoạ mà trong đó quan niệm hiện thực đã đóng một vai trò cốt yếu, thường trực, với tất cả những biến thể của nó trong suốt hơn hai mươi thế kỷ !

Quả thế, quan niệm hiện thực trong hội hoạ Trung Quốc đã xuất hiện từ rất sớm, ít ra là cùng một lúc với truyền thống tranh lụa, nếu không từ thời Chiến Quốc (476-221 tr.C.N.), thì cũng từ thời Tây Hán (206 tr. C.N. - 9 sau C.N.). Một số tác phẩm của những thời kỳ này đã tìm thấy trong những ngôi mộ Hán ở Hồ Nam, mà niên đại lên tới đầu thế kỷ 2 tr. C.N., đặc biệt có một bức tranh lụa diễn tả một buổi lễ, trong đó có cả một đội ngũ ngựa xe sắp thành nhiều hàng trước sau song song, nét vẽ rất tinh vi, sắc sảo. Vùng Hồ Nam - Hồ Bắc, nằm ở giữa hai châu thổ sông Hoàng Hà và sông Dương Tử , có thể đã là một trong những cái nôi của nền văn hoá cổ đại Trung Quốc : hình vẽ chim, cá và hoa văn hình học trên đồ gốm, có niên đại từ 4 đến 5 nghìn năm tr. C.N., bức tranh hổ mình đầy hoa văn phong cách đời nhà Thương (thế kỷ 13 tr. C.N.), chiếc trống bằng sơn mài trên có vẽ hình người, ngựa, cây cối (533 tr. C.N.), bức bích hoạ ở Xianyang vẽ bốn ngựa kéo xe (cuối thế kỷ 3 tr. C.N.), đều là những nghệ phẩm tìm thấy ở đây.

Ngay từ đầu, xu hướng hiện thực đã được coi là xu hướng chính thống. Tuy nhiên, cũng ngay từ đầu, quan niệm này đã được chia ra làm hai trường phái. Hai phong cách khác nhau : hiện thực “ triệt để ” và hiện thực “ cách điệu hoá ” đã tồn tại song song từ thời Hán, trải qua thời Nam Bắc triều, đến thời Tuỳ, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, v.v..

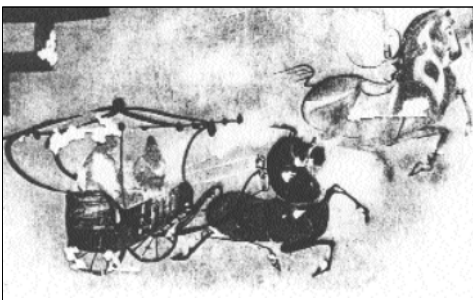
Trong một ngôi mộ Hán ở Mông Cổ, người ta tìm thấy một bức hoạ vẽ ngựa trong nhiều tư thế khác nhau ; có chỗ vẽ một con ngựa đang sải vó kéo một chiếc xe ngựa hai bánh có mái che, trên có hai người ngồi. Nét vẽ bay bổng, giàu nhịp điệu, con ngựa hơi được cách điệu hoá đôi chút, không khỏi làm cho người ta nghĩ đến những con ngựa trong các ngôi mộ Hán ở Trung Quốc.

Trường phái hiện thực triệt để coi sự “ *vẽ giống như hết hình dạng của đối tượng* ” như một mục tiêu, một thách thức đối với người hoạ sĩ.

Ngay từ thời Chiến Quốc, Han Fei (280-233 tr. C.N.) đã từng nói : “ *Dễ nhất là vẽ ma quỷ. Khó nhất là vẽ chó, vẽ ngựa, và những sự vật có thật* ”.

Xie He, một hoạ sĩ, kiêm nhà lý luận nghệ thuật dưới thời Nam Bắc triều (Nam Tề, 479-502) lấy việc “ *vẽ giống hết đối tượng* ” làm một trong 6 quy tắc của hội hoạ.

Đến khoảng cuối đời nhà Đường (thế kỷ 10), nhiều hoạ sĩ cho rằng : *trong hội hoạ cần nhất là sự thống nhất giữa*



Tranh ngựa trong mộ Hán ở Mông Cổ, thế kỷ 2 tr. C.N.

cái khách quan của hiện thực và cái chủ quan của người nghệ sĩ. Hình tượng biểu đạt phải vừa là hình tượng của đối tượng có thật trong thực tế, vừa phải là hình tượng được nhìn qua con mắt thẩm mỹ, và trí tưởng tượng của người hoạ sĩ.

Bắt đầu từ đó, xu hướng hiện thực phân ra làm hai trường phái rõ rệt :

- trường phái hiện thực triệt để, chủ trương thể hiện sự vật với từng chi tiết thật của chúng và với một kỹ thuật diễn đạt điêu luyện.

- trường phái thứ hai, phân biệt hai khía cạnh trong sự thể hiện sự vật : khía cạnh hiện thực khách quan (đối tượng) và khía cạnh diễn dịch chủ quan của người hoạ sĩ bằng óc tưởng tượng và ý chí của người đó.

Bắt đầu từ thời Bắc Tống (960-1127) trở đi, do ảnh hưởng của sự phát triển của thi ca và thư pháp, quan niệm về hội hoạ có những biến chuyển quan trọng về mặt chức năng. Người ta bắt đầu nghĩ rằng : “ *Tác phẩm chủ yếu là để nói lên cái ý của người hoạ sĩ* ”.

Đến thời nhà Nguyên, cái quan niệm về chức năng, mục đích của hội hoạ, được định nghĩa lại một cách rộng rãi hơn nữa. Ni Zan, một trong bốn bậc thầy về hội hoạ thời nhà Nguyên, chủ trương : “ *hội hoạ có chức năng thoả mãn nhu cầu giải trí hơn là đi tìm cái sự giống như thật* ”. Dong Qichang, một hoạ sĩ tài năng và là một nhà lý luận nghệ thuật thời nhà Minh, cũng bảo vệ quan niệm đó.

Về mặt qui luật, chúng ta thấy rằng, người xưa đã “ cách điệu hoá ”, thậm chí đã “ khái quát hoá ”, không những chỉ con ngựa không thôi, mà cả những sự kiện như “ ngựa kéo xe ” (bức hoạ trong ngôi mộ Hán ở Mông Cổ đã dẫn ở trên), “ ngựa bướng bỉnh và người mã phu ” (phù điêu khắc trên đá trong một ngôi mộ Hán ở Sơn Đông, Trung Quốc).

Hiện tượng các con ngựa thời Hán được cách điệu hoá theo

cùng một phong cách, khiến cho chúng có cùng một dáng dấp, dễ nhận biết - giống như hiện tượng “ con rồng thời Lý ”, hay “ con rồng thời Lê ” - nghĩa là cách thể hiện tuân theo một số qui ước nhất định về những nét đặc thù của đối tượng. “ Con ngựa thời Hán ” tuy được “ cách điệu hoá ” nhưng chưa đến nỗi bị “ khái quát hoá ” để trở thành một “ hình tượng khái niệm ”, cho nên nó vẫn có cá tính, tuy rằng không giống một con ngựa cụ thể nào.

Như vậy, phải chăng những hoạ sĩ như Hàn Cán (720-780), thời nhà Đường, Lý Công Lân (1040-1106), thời nhà Tống, Trần Mạnh Phủ (1254-1322), thời nhà Nguyên, v.v. đã giải thoát được nét vẽ ngựa khỏi những qui ước cũ ?

Đứng về mặt hiện thực, nét vẽ của Trần Mạnh Phủ, xuất hiện sau Hàn Cán đúng 500 năm, xem ra cũng điêu luyện không kém và còn tinh vi, sâu sắc, hơn cả các bậc tiền bối của mình. Sau Trần Mạnh Phủ, dòng tranh hiện thực này vẫn tiếp tục mạnh mẽ, với những hoạ sĩ tài năng như Kong K'ai, Jen Jen-Fa, v.v.

Vào thời kỳ cận đại, trong lãnh vực hội hoạ truyền thống, Từ Bi Hồng (Xu Beihong, 1895-1953), và nhất là môn đệ của ông, Jiang Zhaohe (1904-1986), đều là những hoạ sĩ hiện thực xuất sắc. Song Từ Bi Hồng vẽ ngựa với một phong cách diễn đạt khác hẳn với các vị tiền bối thời Đường, thời Tống, hay thời Nguyên. Ông vẽ ngựa bằng những nét bút lông lớn, và vẽ trên giấy nhiều hơn là trên lụa. Mặt khác, mặc dầu vẫn tuân theo cái qui tắc phổ biến của hội hoạ truyền thống, là : “ *một khi đã thuộc lòng đối tượng ở trong đầu, thẩm nhuần cái tinh túy của nó rồi, thì khi vẽ ra, không cần đến đối tượng cụ thể ở trước mắt để sao chép nữa* ”, song ông không vẽ chân dung ngựa, mà vẽ hình tượng con ngựa ở một góc độ nhất định, chủ yếu nhằm nắm bắt cái “ nhịp điệu ” của nó trong các trạng thái tĩnh, hoặc động. Tuy nhiên, người ta có thể nhận biết được những con ngựa của Từ Bi Hồng qua những đặc điểm về hình dạng của chúng và phong cách vẽ rất bay bổng của tác giả. Đó là những con ngựa đang độ xuân thì, dáng dấp mảnh mai, nhanh nhẹn và tràn đầy nhựa sống. Chúng thường có bờm và đuôi dài, khi cất vó, bờm và đuôi tung lên trong gió.

Hình ảnh sinh động của những con ngựa tung vó trên đồng cỏ, trong những bức hoạ của ông, đem đến cho người xem một cảm giác thanh bình, tươi mát. Mặt khác, nét bút bay bổng của ông nói lên một tinh thần tự do, phóng khoáng.

Song, cái giá phải trả cho sự tự do, phóng khoáng ấy, về mặt nghệ thuật, là những con ngựa của Từ Bi Hồng đã bị tước bỏ đi những nét hiện thực, và chỉ còn giữ lại được *nhịp điệu* của những con ngựa hồn nhiên, vô tư.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo :

- Maurice Durand, *Imagerie Populaire Vietnamienne*, EFEO, 1960.
- William Cohn, *Peinture chinoise*, Ed. Phaidon - Paris 1948.
- Yang Xin, Richard M. Barnhart, Nie Chongzheng, James Cahill, Lang Shaojun, Wu Hung, *Trois Mille Ans De Peinture Chinoise*, Ed. Philippe Picquier, 1997.



Tranh ngựa liên hoàn của người Tày

Năm Ngọ nói chuyện Ngựa

Đặng Tiến

Năm Ngọ nói chuyện Ngựa, câu chuyện đầu tiên là : chữ *Ngọ* tên một trong mười hai địa chi của âm lịch, có nguồn gốc từ lâu đời tại Trung Quốc, mang âm vang hao hao với chữ *Ngựa*, tên của động vật tượng trưng cho địa chi ấy. Vậy *Ngọ*, chữ Hán, và *Ngựa*, tiếng thuần Việt có họ hàng gì với nhau không ?

I. Ngọ và Ngựa

Hai chữ cận âm cận nghĩa, từ lâu ta vẫn cho là tình cờ. Như tên người *phát thơ* và chữ *facteur*, tên món *phở* và chữ *pot au feu* trong tiếng Pháp, *cải bắp* và *cabbage* trong tiếng Anh.

Nhưng sao nhiều trùng hợp quá : năm *Mão*, hay *Mẹo* gần với chữ *Mèo*, trong khi người Tàu gọi là năm *Thỏ* ?

Hai năm trước đây, nhân tôi viết về Năm Thìn và con Rồng, giáo sư ngữ học Nguyễn Tài Cẩn có góp ý : chữ Thìn có thể là tên gọi một loài rồng rắn trong ngôn ngữ Proto Việt Chứt, mà tiếng Việt Mường là một tiểu chi. “*Giới ngữ học quốc tế đang cố gắng tìm nguồn gốc tên gọi 12 năm ở những ngữ hệ, Austro Thái, họ Nam Á ... cố gắng tìm xem HỢI có gần với CÚI, SỬU có gần TRÁU, NGỌ có gần với NGỰA hay không*”
1. Nên ghi nhận thêm : người ta nói : năm Ngựa, tuổi Ngựa, mà không nói “*giờ Ngựa*” thay cho *giờ Ngọ*. Chữ *Ngọ Môn* không ai dịch thành “*Cửa Ngựa*”. Vậy giữa *Ngọ* và *Ngựa*, tương quan không phải chỉ là ngữ âm.

Dù sao, trước mắt, chúng ta vẫn có viễn tượng giải quyết một vấn đề văn hoá mà chúng ta ... không đặt ra.

II. Ngựa Hồ, Gió Bắc

Xưa nay, Việt Nam không có truyền thống sử dụng ngựa rộng rãi như Trung Quốc.

Ngay ở Trung Quốc thời xưa, cư dân lưu vực sông Hoàng Hà cũng không có ngựa hay, như các sắc tộc phía Tây hay phía Bắc, mà họ gọi là *rợ Nhung*, *rợ Hồ*.

Thời nhà Thương, 2000 năm trước tây lịch, người Hoa (tạm gọi như thế) đã biết sử dụng chiến xa do ngựa kéo. Nhưng chưa có kỵ binh và dường như cũng chưa biết chăn nuôi ngựa nòi. Họ phải mua, hay cướp ngựa các dân tộc phía Tây Bắc. Đến đời Tần-Hán, họ đã dùng chiến mã thuần thực, nên mới có câu nói của Hán Cao Tổ “*Ta ngồi trên lưng ngựa mà chiếm được thiên hạ, cần gì Thi Thư*”, và Lục Giả đã trả lời : “*ngồi trên lưng ngựa chiếm được thiên hạ, nhưng không trị được thiên hạ*” và Hạng Vũ, vào bước đường cùng ở bến Ô Giang mới làm thơ biệt Ngưu Cơ “*thời bất lợi hề, ngựa không đi*”.

Nhưng theo sử sách, ngựa nhà Hán vẫn không hay bằng ngựa của người Nhung, người Địch. Do đó mới có chuyện vua Hung Nô tiến cống cho Hán Vũ Đế con Thiên lý Mã, rất được

tôn quý và nuôi ở vườn Tượng Lâm. Nhưng đến mùa gió Bắc thì ngựa Hồ lại hý, như là nhớ quê phương Bắc, nhớ rầu rĩ đến chết. Và Mã Viện đã có câu *da ngựa bọc thây* để tỏ chí làm trai. Thời đó, nhà Hán cấm xuất khẩu đồ sắt và ngựa nòi sang phương Nam, hoặc chỉ xuất khẩu ngựa đực.

Trong di chỉ An Dương, mười thế kỷ trước Tây lịch, người ta đã thấy vết tích ngựa kéo xe. Trong phần mộ đời Tần, có nhiều tượng ngựa bằng đất nung và xương ngựa. Thời Đông Hán còn để lại những phù điêu tô màu, vẽ rõ nét cảnh đi săn, người cưỡi ngựa và đoàn xe ngựa kéo. Người Tàu ưa vẽ ngựa, càng ngày càng đẹp, như Hàn Cán đời Đường, tạo ra cả một trường phái qua bức tranh lụa Một Trăm con Ngựa (27 cm x 300 cm) mô tả mọi sinh hoạt : ngựa phi, ngựa đùa, ngựa tắm... Có khi họ diễn đạt tình cảnh, tâm trạng ngựa, như *Con Ngựa bị cột* của Hàn Cán (720-780) hay *Người và Ngựa trong Con Bão* của Triệu Mộng Phu (1254-1322). Gần đây Từ Bi Hồng vẫn còn vẽ rất nhiều tư thế, tâm trạng Ngựa.

Tranh ngựa của Trung Quốc là cả một thế giới riêng, có quy luật, có giá trị mỹ thuật, tâm lý và nhân văn riêng.

Còn con ngựa trong văn thơ của họ, là một đề tài vô cùng tận.

III. Ngựa Việt, Phương Nam

Người Việt đồng bằng ít dụng mã. Ngàn xưa đã vậy. Những khai quật các di chỉ Đông Sơn, cho thấy nhiều xương trâu, bò, heo, gà, mà không thấy xương ngựa. Chư vị sử gia đều nhất trí cho rằng thời Hùng Vương, tổ tiên ta chưa sử dụng ngựa.

Dù rằng truyền thuyết vẫn nhắc đến ngựa : Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc, thần Tản Viên cưỡi ngựa bạch, đi trên mây, An Dương Vương đeo công chúa Mỵ Châu trên lưng ngựa ... nhưng đây là chuyện truyền khẩu, không lấy gì làm bằng cứ, dù đã được đời sau ghi lại trong Lĩnh Nam Chích Quái.

Về sau, ngựa cũng không mấy khi được ghi công vào những cuộc chiến đấu của dân tộc như voi : Hưng Đạo Vương cưỡi voi qua sông Hoá, Bình Định Vương cưỡi voi đánh Đông Đô, Quang Trung cưỡi voi tấn công vào Hà Nội. Ngựa có chiến tích là con NGỰA ĐÁ thời Trần, qua câu thơ Nhân Tông : “*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã*” (*xã tắc hai lần bon ngựa đá*). Điều đó không có nghĩa là thời xưa, người Việt không biết đến ngựa. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư kể lại rằng : Năm 1134, có người dâng lên vua Lý Thần Tông con ngựa màu hoa đào, đầu xanh, có sáu cựa, chân trước một, chân sau hai cựa.

Văn học dân gian cũng ít có ngựa. Trong tục ngữ, thành ngữ, ngựa là một biểu tượng mâu thuẫn : *một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ*, ngựa là hình ảnh đoàn kết, tương thân tương ái ; nhưng nó lại tượng trưng cho lòng tham không đáy ở *câu cạ tàu ráo máng*. Khi nói : *lạc đường nắm đuôi chó, lạc ngõ nắm đuôi trâu* là ca ngợi lòng trung thành của loài vật ; nhưng nói *ngựa quen đường cũ* là chê thói hư tật xấu. *Thân trâu ngựa, trâu tìm trâu, ngựa tìm ngựa, ngựa non háu đá*, là những ẩn dụ miệt thị.

Thậm chí, những tính từ *ngựa, dĩ ngựa*, thường chỉ áp đặt

cho phụ nữ, chê bai lối sống tự do, phóng túng, là những từ kỳ thị nữ giới, bất công và lạc hậu. Người Huế khi nói “con ngựa Thượng Tứ” là phi báng nặng lời.

Trong ca dao, hình ảnh ngựa không nhiều và không rõ nét. Nguyễn Văn Ngọc, trong Tục Ngữ Phong Dao (1928) có sưu tập :

*Rập rình nước chảy qua đèo,
Bà già tập tễnh mua heo cưới chồng*

Ý muốn nói sự việc khó khăn, trái với tự nhiên. Trong bộ sưu tập Ca Dao của Nguyễn Xuân Kính (1995) có câu rập khuôn :

*Rung rinh nước chảy qua đèo
Ngựa đưa xuống biển, thuyền chèo lên non*

Có người giải thích là phản ánh thuyết vô thường của nhà Phật.

Ngựa thường là biểu tượng cho quyền thế, giàu sang :

*Năm con ngựa bạch sang sông
Năm gian nhà ngói đèn trong đèn ngoài...
Đèn thương nhớ ai ...*

Hoặc là :

*Ngựa ô yên khấu bằng vàng
Chân nam bằng bạc
Ba vương nhiều thắm
Một bộ áo gấm
Thiếp sắm cho chàng
Kính lại hồi kinh*

Những hình ảnh đó đã đi vào dân ca, qua điệu Lý Ngựa Ô :

*Ngựa Ô anh thắng kiệu vàng
Anh tra khốp bạc
Lục lạc đồng đen ...*

Văn học thành văn trước kia chịu ảnh hưởng Hán học, sau này chịu ảnh hưởng phương Tây, cho nên đều có nhiều hình ảnh ngựa, hàm súc và thi vị. Nhưng đây là đề tài quá rộng, cần một bài viết khác.

Chúng tôi muốn dừng lại ở bóng dáng con ngựa trong câu ca dao Phú Yên, gọi là hò Phú Ổn. Có lần, khoảng 1955, Nguyễn Tuấn tiễn bạn, một đêm mưa gió. Nửa khuya, quán nghèo. Nguyễn Tuấn cầm ống thổi lửa, cảm khái gõ ngón tay đánh nhịp và hò :

*Chiều chiều mượn ngựa ông Đồ
Mượn kiệu chú lính đưa cô tôi về
Ngựa ô đi đến quán Lau
Ngựa hồng dừng đỉnh đi sau gò Diên*

Chuyện do Tô Hoài kể, không phải trong *Chiều Chiều*, mà trong *Cát Bụi Chân Ai...*

Đặng Tiến

Tết Nhâm Ngọ, 2002

1 Nguyễn Tài Cẩn, Về tên con Rồng của Người Việt, báo Diễn Đàn, số 94, Paris. In lại trong *Một số Chứng Tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá*, tr. 27-28, nxb Đại Học Quốc Gia, Hà Nội, 2001

Một số nét về

đời tư và sức khỏe của Karl Marx

Nguyễn Văn Tuấn

Dù ngưỡng mộ hay thù ghét Karl Marx, nhiều thức giả đều công nhận ông là một trong những triết gia có ảnh hưởng lớn nhất đến thế giới trong thế kỷ 20 này. Tư tưởng của Marx đã từng được hàng trăm triệu người ngưỡng mộ, thậm chí được dùng làm nền tảng chính trị và kinh tế cho nhiều quốc gia trên thế giới, để chia thế giới thành hai phe phái dựa trên ý thức hệ. Cho đến nay, dù – “Chiến tranh lạnh” đã chấm dứt, nhưng tư tưởng của Marx vẫn còn được nhiều người trân trọng. Học thuyết của Marx vẫn còn được nghiên cứu trong các đại học. Nói tóm lại, ảnh hưởng của Marx vẫn còn hiện diện trên thế giới.

Đối với người Việt chúng ta, cái tên “Karl Marx” không còn xa lạ gì, và có thể nói là tiền đề của nhiều tranh luận chính trị, triết học không bao giờ chấm dứt. Tuy nhiên, dù trong người Việt hay trong các dân tộc khác trên thế giới, người ta biết nhiều đến Karl Marx như là cha đẻ của học thuyết Cộng sản và tác giả của quyển chính trị luận nổi tiếng, *Das Kapital* (tạm dịch là “*Tư bản luận*”), nhưng rất ít người biết được đời sống riêng tư và đặc biệt là sức khỏe của ông ra sao. Do một cơ duyên tình cờ, người viết bài này có dịp đọc một số tài liệu khảo cứu của một nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Trường Đại học RMIT (Úc). Qua các tài liệu này, tôi cảm thấy bị thu hút vào các tài liệu liên quan đến vấn đề sức khỏe của Marx mà có nghiên cứu sinh đã thu thập được trong quá trình viết luận án. Bài viết này chỉ nhằm tóm lược những tài liệu về sức khỏe của Marx với hi vọng sẽ đem lại cho độc giả một vài thông tin gần gũi hơn về con người phi thường này.

Karl Marx sinh vào ngày 5 tháng 5 năm 1818 tại thị trấn Trier, ngay bên cạnh dòng sông Rhine, mảnh đất chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp và Chủ nghĩa Tự do. Gia đình của Marx thuộc vào thành phần trung lưu gốc Do Thái (nhưng theo đạo Tin lành - Lutheran). Thân phụ là một luật sư, nhưng thân mẫu ông lại là người mù chữ, không đọc và viết được tiếng Đức. Thuở nhỏ, ông là một thanh niên có một cuộc sống cá nhân tương đối mất vệ sinh, thiếu trật tự, lúc nào cũng tỏ ra lộn xộn, không gọn gàng. Do đó, khi rời gia đình để vào học Luật tại Trường Đại học Bonn, Marx được thân mẫu căn dặn phải đặc biệt chăm sóc vệ sinh cá nhân, và phải cố gắng sống cho có thứ tự và ngăn nắp, vì theo bà, sức khỏe và sự phẫn chấn của con người tùy thuộc vào hai yếu tố đó. Bà còn cụ thể hơn, dặn dò Marx nên tắm rửa hàng tuần ; không nên uống rượu và cà phê quá liều lượng ; nên tập đi ngủ sớm và thức dậy sớm ; và không nên nhảy đầm khi trong người cảm thấy không được khỏe. Thân phụ Marx còn bổ sung thêm vài lời dặn dò khác như phải chăm lo thân thể, vì theo ông, nó có quan hệ mật thiết đến sự an lành của tinh thần. Ông viết : “*Không có gì thâm thương hơn là một học giả bệnh hoạn*”. Tuy nhiên, nếu hiểu “bất hiếu” theo nghĩa không vâng lời cha mẹ, thì Marx

quả đúng là một người như thế : một học giả bệnh hoạn.

Năm đầu vào đại học, Marx xài tiền bạc một cách phung phí, và có lúc bị phạt vì say rượu, những hành vi gây rối trật tự và thậm chí còn bị nghi ngờ mang vũ khí trong khuôn viên nhà trường. Năm 1836, sau khi nghe những “hung tin” này, thân phụ Marx bèn chuyển ông sang Trường Đại học Berlin, nơi mà sau này ông bỏ ngành Luật để theo học ngành Triết học. Tháng Tư, năm 1841 (tức khi mới 23 tuổi), Marx bảo vệ thành công luận án tiến sĩ nhan đề “*On the Differences between the Natural Philosophy of Democritus and Epicurus*” – *Về những khác biệt giữa triết lý tự nhiên của Democritus và Epicurus* [1] tại Trường Đại học Jena.

Đáng lẽ theo truyền thống thời đó, Marx đã theo con đường khoa bảng, một sự nghiệp mà cha mẹ ông từng mong muốn. Nhưng Marx là một người có tư tưởng cấp tiến, đã không ngần ngại tấn công vào triết lý tôn giáo, một điều tối kỵ thời đó. Trong lời nói đầu của luận án tiến sĩ, Marx viết một đoạn văn mang nội dung chất vấn triết lý tôn giáo. Chỉ một đoạn văn như thế đã làm cho con đường khoa bảng của ông đi vào bế tắc. Sau khi tốt nghiệp, không một trường đại học nào dám nhận Marx giảng dạy. (Ngay cả một người thầy cũ của ông, Giáo sư Bruno Bauer, cũng bị đuổi khỏi Trường Đại học Bonn vì có quan điểm chống lại tôn giáo !)

Thêm vào đó, Marx tỏ ra là một người quá hăng say với chính trị, không hợp với một sự nghiệp khoa bảng. Năm 1842, ông trở thành chủ bút tờ báo *Rheinische Zeitung*, một báo có tư tưởng tự do, cấp tiến ở Cologne. Trong một bài báo, ông kịch liệt đả kích chính phủ Nga đương thời, coi đó như là một bức tường cản trở tiến trình dân chủ ở Âu châu. Nga hoàng Nicholas đệ Nhất của Nga đã phàn nàn đến chính phủ Phổ về bài báo này. Nhà cầm quyền Phổ quyết định đóng cửa tờ báo. Tháng Năm năm 1843, sau một thời gian thất nghiệp, ông quyết định lập gia đình với người yêu cũ là Jenny von Westphalen, con gái của một gia đình rất giàu có trong vùng. Gia đình bên vợ ông vẫn xem ông thuộc thành phần hạ cấp, và có lẽ vì còn mang nặng tư tưởng “môn đăng hộ đối”, nên phản đối mạnh mẽ cuộc hôn nhân này. Sau một thời gian ngắn hưởng tuần trăng mật ở Bad Kreuznach, hai vợ chồng lưu lạc qua tận Bỉ và Pháp, rồi cuối cùng di chuyển sang London vào năm 1848, lúc ông vừa 31 tuổi. Ở London, ông sống cuộc đời của một học giả và nhà báo độc lập, lưu vong, cho tới ngày qua đời.

Trong thời gian ở London, nơi Marx viết phần lớn những công trình mà ông trở thành nổi tiếng và còn được nhớ tới cho đến ngày nay, ông sống trong nghèo nàn cùng cực, và bệnh hoạn. Gia đình thường hay bị quấy rầy vì ông trả tiền mượn phòng không đúng thời hạn, hay thiếu nợ chồng chất. Trong suốt thời gian ở London, ông chỉ đi xin việc một lần duy nhất (xin làm thư ký hỏa xa), nhưng bị từ chối, vì chữ viết tay của ông quá khó đọc! Không những sống trong nghèo nàn, ông còn bị nhiều chứng bệnh kinh niên hành hạ, mà có khi ngày nay người ta phải kinh ngạc tự hỏi bằng cách nào ông lại có một sáng tạo phi thường như thế ! Những người gần gũi nhất với ông như vợ ông và người bạn thân nhất (Friedrich Engels) cho rằng vì sự căng thẳng trong công việc, làm việc quá sức, hút thuốc lá, ăn uống không điều độ, và một cuộc sống thiếu vận động cơ thể là những nguyên nhân dẫn đến những căn bệnh kinh niên cho Marx.

Nhưng vấn đề thiếu kiến thức căn bản về y khoa, và tình trạng thiếu vệ sinh ở London thời đó cũng là hai nguyên nhân khác làm cho Marx phải đau khổ cả đời với bệnh tật. Thật vậy, suốt cuộc đời trưởng thành, Marx bị đau triền miên vì bệnh nhọt độc (carbuncles và furuncles) và vài bệnh khác. Bệnh nhọt là một bệnh nhiễm trùng da (thường do vi khuẩn staph gây ra). Thông thường, vấn đề thiếu dinh dưỡng cũng có thể làm cho hệ thống miễn nhiễm suy yếu, không chống trả nổi sự tấn công của vi khuẩn trong khi bị cảm. Marx gọi Anh Quốc một cách khôi hài là “*Vùng đất của bệnh nhọt*” (“*The land of carbuncles*”), vì theo ông, đó là một căn bệnh của giai cấp vô sản !

Marx tuy là người thông minh xuất chúng, nhưng lại là một người mù tịt khi đến với kiến thức căn bản về y tế. Vì thiếu kiến thức căn bản về y tế và sự tin tưởng gần như tuyệt đối vào các phương pháp trị liệu truyền thống, đã có lúc sức khỏe của Marx lâm vào tình trạng nguy kịch. Có lần, một nhọt khá to mọc trên lưng của Marx, dù rất đau đớn, ông nhất định yêu cầu người nhà phải trị bằng phương pháp cổ truyền của người Đức, tức là dùng một mảnh vải được thấm nước cao, hơi nóng lên, và đắp lên chỗ da bị sưng để hút mủ. Nhưng mụn nhọt không những không giảm, mà còn sưng lên nhanh chóng và to cỡ một nắm tay, làm cho lưng của ông biến dạng rõ rệt. Vợ ông cho gọi bác sĩ. Khi thấy bệnh tình khá nguy hiểm, ông bác sĩ hối hả kêu người nhà giữ tay chân Marx lại để ông có thể giải phẫu cắt bỏ mụn nhọt khổng lồ đó. Máu chảy ra lênh láng. Khi đề cập đến trường hợp này, trong một lá thư cho Engels, bà kể lại lúc đó Marx im lặng, tỏ ra rất điềm tĩnh, và không hề nao núng gì cả. Tuy nhiên, sau đó Marx lại yêu cầu người nhà dùng phương pháp cổ truyền (dùng cao) để trị mụn nhọt suốt hai tuần liên tục. Trước đó, Marx không uống bia và chỉ uống nước chanh. Nhưng sau này, qua lời khuyên của bác sĩ, ông chịu dùng khoảng nửa chai rượu đỏ Bordeaux mỗi ngày để hồi phục sức khỏe ông đã mất trong khi giải phẫu.

Khi thấy bệnh tình của Marx càng ngày càng trầm trọng hơn, vị bác sĩ quyết định cho ông dùng thuốc phiện (opium) để giảm đau. (Thực ra, trước đó Marx cũng từng dùng opium để điều trị nhiễm trùng trên đầu). Lúc đầu, thuốc phiện có vẻ có hiệu nghiệm, nhưng sau vài tuần, ông lại trở nên cáu kỉnh, và không chịu dùng nữa. Trong khi đó, vài mụn nhọt khác lại mọc ở búi tóc, nơi mà Engels từng nhận xét ví von rằng “*mọi vật đều hiện hữu theo thể lưỡng trị*” (“*in place that where, it is true, everything exists in pair*”). Khi khỏi bệnh, Marx nhịn ăn trong nhiều ngày liên tục, vì ông cho rằng cái nóng của mùa hè làm cho ông nôn mửa!

Tình trạng sức khỏe của những người thân chung quanh cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của chính ông. Năm 1850, sau khi đưa con thứ tư của ông, Fawkesy, qua đời một cách đột ngột, sức khỏe của ông càng ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Năm 1852, ông bị bệnh trĩ (hemorrhoid) khá trầm trọng, đến nỗi ông không đến được thư viện (British Museum Library) cả tháng trời. (Cần nói thêm là trong thời gian ở Anh Quốc, Marx bỏ ra cả 10 giờ hàng ngày trong thư viện, lúc đó hoàn toàn miễn phí, để nghiên cứu và viết hầu hết các tác phẩm triết học nổi tiếng của mình). Trong một thư riêng cho Engels, ông viết: “*Cái bệnh trĩ này nó làm cho tôi khổ sở còn hơn là cuộc cách mạng Pháp !*” Cần nói thêm là Marx đã từng bị chính quyền Pháp và Bỉ trục xuất vì những hoạt động cấp

tiền.

Tuy là một người cấp tiến trong xã hội, nhưng cá nhân Marx lại là một người tương đối thủ cựu. Ông nhất quyết không đồng ý cho đứa con gái út, Franziska, thành hôn với một người lính công xã Pháp lớn hơn cô 17 tuổi. Cũng một phần vì bị cha từ chối, Franziska trở nên tương tư và bị chứng biếng ăn (anorexia). Năm 1852, tức hai năm sau khi người con thứ tư [của Marx] qua đời, Franziska cũng qua đời vì bệnh viêm cuống phổi. Lúc đó, Marx nghèo đến nỗi không có tiền để làm đám tang cho con, và đành phải nhờ hàng xóm trả tiền mai táng. Trong một thư ông viết cho Engels khoảng 5 tháng sau đó, Marx kể lại tình trạng kinh tế gia đình rất thê thảm rằng vợ ông, con gái ông, và người đầy tớ trong nhà đều bị bệnh, nhưng ông không có tiền để cho họ đi khám bác sĩ hay mua thuốc men. Ông viết, “*Khoảng 8 đến 10 ngày qua, cả nhà tôi chỉ ăn bánh mì và khoai củ hầm nhừ. Ngay cả ngày hôm nay, tôi cũng không biết mình có gì để ăn hay không*”.

Năm 1855, đứa con trai 7 tuổi, rất thông minh nhưng thường hay bệnh hoạn, cũng qua đời sau một tháng bị bệnh loét dạ dày. Cái chết của đứa con trai còn quá nhỏ này làm cho ông rất đau đớn và sức khỏe của chính ông cũng suy nhược rất nhiều. Trong một thư viết cho Engels, ông cho biết: *Kể từ ngày đưa tang con tôi, tôi bị nhức đầu như búa bổ, đến nỗi tôi không còn suy nghĩ, nhìn thấy, hay nghe được nữa. Giữa lúc ray rứt này, tôi lại nghĩ đến anh. Tình bạn của chúng ta đã trở sức cho tôi rất nhiều, nó đem lại cho tôi một niềm hi vọng to lớn là chúng ta có thể cùng nhau làm vài việc hữu ích cho thế giới?*

Trong thời gian viết quyển *Tư bản luận* Marx bị bệnh gan. Ông rất lo sợ là sẽ chết trước khi hoàn thành tác phẩm lớn này, một tác phẩm mà ông ví như là tri ân và một món quà cho Đảng Cộng sản. (Thực ra, ông chỉ hoàn tất tập I; còn tập II và III đều do Engels viết nhưng dựa trên ý tưởng của Marx). Ngoài ra, ông còn có vấn đề về mắt, với thị lực kém, có lúc không đọc và viết thường xuyên được. Bác sĩ khuyên ông nên dành thời gian để đi đây đó và thay đổi không khí cho thoải mái, nhưng ông nói ông không có cái xa xỉ như thế!

Những năm cuối cuộc đời, Marx bị nhiều vấn đề về tâm thần như phiền muộn và tinh thần suy giảm trầm trọng. Ngoài ra, ông còn bị bệnh viêm cuống và màng phổi vào những năm cuối đời. Năm 1881, tức lúc ông tròn 63 tuổi, vợ ông mất vì bệnh ung thư gan. Vì bệnh tình của chính mình, ông không dự được đám tang của vợ, một người mà ông rất mực yêu quý. Sau khi bà Jenny mất, ông lưu lạc hết chỗ này đến chỗ khác với hi vọng tìm được một nơi yên tĩnh và dưỡng bệnh. Nhờ Engels giúp đỡ tài chính (lúc đó Engels đã khá giả), ông tìm được một nơi trú ngụ khá lành mạnh ở Ventnor, thuộc đảo Wight. Từ đó, ông thường đi du lịch ở Algiers, Monte-Carlo và Thụy Sĩ, và thường hay lưu lại Pháp với gia đình của người con gái đầu lòng (lúc đó lập gia đình với Jean Longuet, một lãnh tụ xã hội người Pháp). Sau đó ít lâu, chị này cũng qua đời vì bệnh ung thư, lúc mới 39 tuổi, sau khi sinh hạ được 6 người con.

Cái chết của người vợ và người con mà ông rất mực thương yêu này là một cú sốc mà ông không bao giờ hồi phục được. Ngày 14 tháng 3 năm 1883, lúc ông tròn 64 tuổi, Marx qua đời một cách âm thầm, ngay lúc ngồi trên chiếc ghế cũ kỹ trong phòng học của ông ở London. Công chúng London hầu như

không biết gì về cái chết của Marx. Trong đám tang, chỉ có 11 người bạn thân thiết đến đưa linh cữu ông về nghĩa trang Highgate.

Sức khỏe là một yếu tố quan trọng trong đời sống tinh thần, và có ít nhiều ảnh hưởng đến sự suy nghĩ, của một cá nhân. Đọc qua các tác phẩm của Marx, và đối chiếu lại với bối cảnh xã hội phân hóa, bất công, cùng hoàn cảnh sống chật vật của cá nhân ông thời đó, người ta chắc sẽ không tìm được câu hỏi về sự quan hệ ba chiều này. Thực vậy, người ta có lý do để đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa quan điểm xóa bỏ tư hữu và đấu tranh giai cấp mà Marx kêu gọi cùng với môi trường sống nghèo nàn và tuyệt vọng mà ông đã kinh qua. Cũng là một giả thiết đáng chú ý nhưng chắc không dễ gì chứng minh được.

Chú thích:

[1] Democritus (460 – 370 trước Công nguyên), một triết gia cổ Hy Lạp, người được thế giới biết đến qua lý thuyết nguyên tử (atomic theory), nhưng cũng là một nhà hình học có hạng. Epicurus (341 – 271 trước Công nguyên) cũng là một triết gia cổ Hy Lạp phát triển một lý thuyết nguyên tử để giải thích các hiện tượng tự nhiên trong thế giới. Epicurus bác bỏ vai trò của thượng đế trong đời sống hàng ngày.

Một số thông tin về quá trình học vấn của Karl Marx trong bài viết này được trích dịch từ cuốn sách “*Masters of sociological thought : ideas in historical and social context*” (trang 59-61), của soạn giả Lewis A. Coser, Xuất bản lần thứ hai, Nhà xuất bản Harcourt Brace Jovanovich Inc. (Fort Worth), năm 1977. Các thông tin về sức khỏe của Marx được lấy từ tài liệu trong luận án tiến sĩ của Anita Nelson, Phân khoa Tài chính, Đại học RMIT, Melbourne, Úc.

Mahabharata đến Việt Nam

25.1 Tối 28-1, tại Nhà hát Lớn Hà Nội, đoàn múa Kathakali (Ấn Độ) sẽ trình diễn vở kịch múa Duryodhanavandham. Vở kịch múa này dựa trên trích đoạn của sử thi kinh điển Ấn Độ Mahabharata về Puru - một trong những triều đại hùng mạnh nhất trong lịch sử Ấn Độ. Hai vị hoàng tử : Dhritrashtra có một trăm con trai, Pandu có năm con trai, sau này chia thành dòng tộc Kauravas và Panvadas đã gây chiến tranh với nhau. Cuối cùng, dòng tộc Panvadas là biểu tượng của vẻ đẹp và cái thiện đã chiến thắng.

Kathali là thể loại kịch múa cổ điển của vùng Kerala, Tây Nam Ấn Độ, có nguồn gốc từ hình thức giải trí dân gian và kịch nghệ cổ điển, truyền đạt cảm hứng từ nghệ thuật thượng võ cổ truyền. Tất cả các nghệ sĩ múa đều là nam giới, họ biểu diễn bằng hình thể và đôi mắt, với những bộ áo rất rộng, sặc sỡ, hóa trang phân định rõ anh hùng và phản diện. Các khổ thơ được kết hợp với nhạc và điệu múa thể hiện phần sôi nổi trong truyền thuyết và thần thoại, biến Kathali thành một trong những điệu múa cổ điển nhất của xứ sở sông Hằng.

đứa trẻ và người đàn ông mặt ồm

Căn phòng thốt nhiên im bật. Cửa ra vào bật mở kéo theo luồng gió gờn gợn hơi nước. Một người đàn ông xuất hiện. Chiếc áo choàng màu xám, nhàu nát, trong lúc bối rối đã mắc vào con xoay cửa khiến cho ông ta thiếu nước ngã chống kênh. Chiếc mũ len với nhúm lông lợn phơ trên chòm đầu chạy thụt xuống tận chóp miệng.

– Xin... tôi... xin... tôi... lỗi...

Đám người trong phòng tỏ ra khó chịu. Họ kiên trì đợi cho tới lúc cái tay nắm cửa được giải phóng và nhúm bông kịch cỡm yên vị trên đỉnh đầu của người khách lạ.

Bây giờ thì mọi người đều nhận thấy sự ồm yếu, bệnh tật hằn trên khuôn mặt của ông ta : Một nửa khuôn mặt co dúm lại và giật giật liên hồi như phải bỏng. Quảng mắt vàng ệch, mỗi một. Những hơi thở khọt khẹt thoát ra từ sống mũi đỏ bầm vì lạnh.

– Tôi muốn hỏi... hỏi phòng... phòng...

– Khám bệnh thì đi thẳng, rẽ trái. Lại bệnh nhân bị dịch, mấy ngày hôm nay khiếp quá ! Cái dãy nhà bốn tầng màu vàng ấy. Đây là phòng tổng hợp bác nhé ! Phải nhìn kỹ trước khi vào chứ !

– Nhưng tôi... tôi... là... tôi...

Ánh mắt vàng vọt chạy một vòng quanh nhìn nhích những máy móc, tủ kệ, giấy tờ. Điện thoại trên bàn giống giả đồ chuông. Sự quan tâm của mọi người đổ dồn cả vào đấy cho tới lúc một người rặng rỡ chồm hẳn người dậy qua bàn làm việc và nhận ống nghe.

Người đàn ông tần ngần đứng trước cửa phòng nhưng hình như không ai còn để ý đến sự có mặt không đứng chỗ ấy. Người khách mặt ồm thần thờ đi ra, không quên cúi đầu chào một cách biết lỗi. Cái vạt áo tội nghiệp đã được túm lại hơi thái quá.



Người đàn ông đã vòng vèo khá lâu trong khu nhà rộng mênh mông hun hút những dãy hành lang nhờ nhợt sáng. Tịnh không một bóng người. Yên lặng đến nghẹt thở. Lũ chuột thò thẩn chạy trên nền gạch đỏ màu xin xỉn, ngửi ngửi những mẩu rác vụn vãi dọc chân tường. Kề ngay đấy là dãy ghế dài một cách kỳ quặc với bề tay nhọn hoắt. Người mặt ồm quyết định đi tới một chiếc ghế dài nhất, ngồi xuống, chờ đợi. Hình như một lúc nào đó ông ta đã ngủ quên.

– Này bác, bác canh cho cháu một lát nhé ?

Một đứa trẻ – một thằng ranh con nhỏ thó như một con chuột đồng – đột ngột mọc lên ở ngay cạnh tay áo ông ta, ướt nhoẹt. Người đàn ông rút đầu ra khỏi cái cổ áo lờm xờm :

– Mày ở đâu ra vậy, thằng oắt con ?

Đứa trẻ nháy mắt tinh quái :

– Bí mật ! ở sau chiếc áo khoác của bác ấy, bác không biết à ?

– Cậu nhóc tưởng tao là trẻ con phỏng ? – Người mặt ồm bật cười ô ô – Chứ không phải từ trong túi áo chui ra đấy chứ ? Làm gì ở đây hả ông lõi con ?

– Lại phải bí mật bác ạ ! – Đứa trẻ thích thú nhìn những vết dãn dúm bên má người đàn ông đang giật giật – Thôi bác trông cho cháu một lát nhé ? Cháu sẽ vào căn phòng ở giữa kia kìa, bác đã thấy chưa ? Việc cực kỳ quan trọng đấy bác ạ. Bây giờ thì chưa có ai đi qua đâu, nhưng đề phòng vẫn hơn. Thế bác nhé !

Đứa trẻ thoăn thoắt bước đi, không hề phát ra một tiếng động.

– Ô này, ông mãnh ! – Người đàn ông cuống quýt gọi – Mày làm cái gì vậy ? Định thó cái gì ở đấy hả ?

– Giời ơi ! Chán bác quá ! Bác chỉ cần ho lên một tiếng là được. Bác nhớ nhé ! Chỉ mỗi việc ho thôi.

Đứa bé biến nhanh như một làn hơi mỏng khiến người mặt ồm không kịp đứng lên để tóm nó lại. Vừa bực bội, vừa hiếu kỳ, người đàn ông pháp phồng ngồng thu lu như một con mèo già và cẩn trọng nghiêng ngó xung quanh, rồi lại rút hẳn đầu vào cổ áo.

Phải khá lâu, xuất hiện một chiếc băng ca xiết bánh kèn kẹt ở cuối hành lang, và hùng hục lao tới. Người đàn ông rút đầu khỏi đồng áo, he hé nhìn, toàn thân chột nóng hầm hập như lên cơn sốt. Tiếng giấy dếp của đám người dội dọc dãy hành lang như một đoàn quân đang vào trận. Người đàn ông cuống quýt thu ánh mắt về phía căn phòng “ bí mật ” rồi cứ trần trối nhìn vào đó. Đứa trẻ lạ lùng kia có thể đang lục lọi một ngăn kéo để tìm vài đồng bạc vụn, hoặc cũng có thể nhặt nhanh mấy lọ thuốc lẻ, dăm tập giấy loại, nhét đầy vào cái cặp quần bùng nhùng. “ *Biết thế cứ cho nó vài ngàn đi cho xong* ” – người đàn ông tự nhủ.

Thời gian ngưng lại đến lạnh cứng.

Đám người dừng lại. Có ai đó lên tiếng bằng một giọng câu kinh. Người ta lôi đứa trẻ nhàu nhĩ ra khỏi căn phòng đã bị lục tung đến từng centimet và quảng trước mặt ông ta. Một ai khác tức tối cầm ngược cổ áo của người mặt ồm lên, rồi thít lại rất chặt.

– Tôi... tôi... không biết... Không phải tôi... không...

Thằng lõi con mặt nhơn nhơn, chìa những ngón tay lem luốc vào người đàn ông khốn khổ :

– Ông ấy bắt cháu vào còn ông ấy thì canh gác. Ông ấy bảo cháu phải lấy tiền hoặc lấy thuốc cũng được. Có gì thì ông ấy sẽ ho lên một tiếng. Cháu không có tội. Cháu...

Người đàn ông đỡ đầu trước mớ kể lẽ điều toa đến phát xấu hổ của thằng lõi con. Từ cuối hành lang thun thút gió một tốp người nhộn nhạo ủa tới, đầy phần nộ. Người mặt ồm bàng hoàng nhận ra những người “ chỉ đường ” trong căn phòng ban nãy.

– Chính là ông ta đấy ! Giả bộ nhầm phòng nữa chứ ! Chắc phòng nào mà chẳng nhầm cho dăm lần. Đồ gian trá, đồ trộm cắp, đồ bệnh dịch !

Người đàn ông gầy gục xuống như một thân chuối ủng. Chiếc mũ len rơi bệt xuống nền đá hoa lạnh toát, lờm lờm mùi thuốc kháng sinh. Đám người giậm giữ hăm hở xiết chặt hai

cánh tay ông ta và lời đi xềnh xệch.

– Làm ơn tha cho tôi ! – Ông ta cố vùng vẫy đến đau nhừ.

Bất thành linh một ai đó đập thốc vào mạng sườn của kẻ đáng thương...

...Cú đập “ hữu nghị ” trong lúc mê ngủ của “ con chuột đồng ” đã đánh thức được người Mặt ố. Hoá ra trong lúc ông ta vẫn ngồi vẹo vọ trên ghế và tranh thủ được một giấc, thằng lỏi con cũng rúc hai cái chân hôi rình vào vạt áo bùng nhùng của người lạ mặt, say sưa ngủ. Sau cú đập chân phồng phồng, đứa trẻ trở mình, mặt xoay nghiêng ra phía lối đi, phì phò ngủ tiếp.

Như một phản xạ sau cơn mơ dữ dội, người Mặt ố vội vã và tò mò khám xét các túi quần, túi áo trên người đứa trẻ. Tuy nhiên chưa đầy năm phút sau, người đàn ông bắt đầu cảm thấy xấu hổ. Trên tay ông ta lúc này là đồng hai trăm rách bươm và mấy cái nắp chai méo mó. Người Mặt ố len lét nhìn xuống gương mặt gầy hóp, bết lại trong mớ tóc hoe đỏ của đứa trẻ. Tự nhiên ông ta thở dài và cũng chẳng hiểu nổi mình đang nghĩ về điều gì.



– Ui giờ ơi, cháu bảo bác canh cho cháu mà bác...! Chán bác quá đi mất ! Thôi bác canh cho cháu tạo nĩa rồi bác cháu mình cùng về luôn thể – “ Chuột đồng ” bừng tỉnh sau một cú đập bất thần nữa vào người Mặt ố, mồm nói liến thoắng và nhảy phóc xuống đất.

Người Mặt ố đứng phát dậy :

– Ông ranh con, rốt cuộc là có chuyện gì trong căn phòng ấy hả ?

Nhưng đứa trẻ đã vùng chạy, không quên ngoái đầu lại dặn dò :

– Bác nhớ phải ho lên đấy nhé !

Cửa phòng đóng sập ngay sau khi cái bóng loắt choắt của thằng nhỏ vừa kịp chui lọt. Người đàn ông dẫn đo nhìn quanh rồi nhấp từng bước chân đến trước căn phòng.

Thời gian ịch bò qua khu nhà vắng lặng. ánh sáng trong dãy hành lang dần sẫm lại và gần như bị tê liệt. Các chớp cửa đột nhiên đóng sập. Một chao đèn nhảy dựng lên như ma ám. Lũ chuột biến sạch.

Người Mặt ố nín thở cầm vào con xoay cửa. Hơi lạnh đột ngột, nặng nề âm khí từ khe cửa vừa hé xộc ra, khiến ông ta thấy vắng vất.

Căn phòng khá rộng với những chiếc bàn dài trống trơn chụp lồng sắt. Đứa trẻ đang ngồi cạnh một chiếc bàn phủ vải trắng toát nằm khuất trong góc và rì rầm như trò chuyện. Cố gắng nhìn, người Mặt ố sững sờ nhận ra khuôn mặt trắng phếch của một đứa trẻ khác, lấp ló sau lớp vải phủ.

– Trời bắt đầu lạnh nên bán bánh mì được lắm. Hôm nay tớ nhờ cái Ti “ toét ” bán hộ. À, cái áo hôm nọ cậu để lại, thằng Bình “ boong ” mặc vừa sít sít nhé. Tớ bực mình quá, chuyện thằng Tùng “ xoắn ” làm mất hộp đánh giấy của cậu ấy. Tớ đã ạch cho nó một trận, ai dè nó khoẻ thế. Nó dẫn tớ ngã biêu cả đầu rồi bỏ ra xó, ngồi khóc. Tớ ức không thể chịu được...

Tiếng kẹt cửa khá mạnh khiến đứa trẻ hốt hoảng quay phắt đầu lại. Ngạc nhiên nhận ra người Mặt ố, nó thở phào :

– Bác làm cháu hết cả hồn. Bác ra ngoài đi, có gì bác ho cho

cháu một tiếng – nhìn về mặt căng thẳng của người đàn ông nó đành hạ giọng – Thôi được, đây là bạn cháu, cháu chỉ vào nói chuyện với nó một tí thôi chứ trong này thì lạnh lắm. Nhưng bác phải bí mật đấy nhé ! Cháu cũng sẽ giữ bí mật cho bác !

– Nói chuyện với người chết à ? Tại sao không đem đi...

– Nó bị ốm dịch. Chúng cháu không có tiền chữa bệnh cho nó. Ngày xưa nó cứ ước “ *giá một lần được nằm trong bệnh viện thì thích biết mấy* ”, thế là bọn cháu đưa nó vào đây. Vào tối qua thì sáng nay nó đã chết mất rồi. Không thấy nó kêu ca gì. Chắc khoá chí lắm vì lần đầu tiên được nằm viện mà.

– Không ai quản lý nơi này hay sao mà các cháu vào được ?

– Bác không biết à ? Bọn cháu gì gì gì cái gì cũng biết nhé. Ở đây có hai nhân viên coi nhà xác nhưng một ông mới bị tâm thần nên về quê, một ông thì chuyển đi nơi khác. Nghe nói bệnh viện đã nhận người mới nhưng chưa thấy tới nên cũng chẳng ai thèm lượn đến cái phòng này. Bao giờ họ tới thì bọn cháu sẽ đưa nó đi, việc gì phải vội, bác nhỉ ! Thực ra cũng có một ông bảo vệ già cóc để trực chung cả khu nhà nhưng hôm trước bị bọn cháu dọa ma cho sợ bằng chết. Lại còn lấy được cả chìa khoá nữa chứ !

Thằng bé vừa cười ngật nghèo vừa quay sang đứa bạn như muốn chia sẻ câu chuyện thú vị.

– Phải ra ngay thôi không sắp có người đến đấy bác ạ !

“ Con chuột đồng ” kéo chân phủ lại cho bạn, tắt điện và đẩy người đàn ông ra ngoài để khoá cửa. Ông ta chưa kịp định thần thì nó đã biến mất tăm.

“ *Bác không được phản bội chúng cháu đâu đấy nhé !* ”.



Hôm sau bệnh viện chính thức tiếp nhận nhân viên coi nhà xác mới. Một vài người nhận ra ông ta đã đến bệnh viện từ hôm trước. Ông ta mặc chiếc áo khoác cũ kĩ màu bộ đội, chụp chiếc mũ len với nhúm bông phơ phất trên đỉnh đầu, một bên mặt luôn giật giật rất kỳ quái.

Ngay trong ngày làm việc đầu tiên, người đàn ông này đã tự đứng ra tổ chức một đám tang lạ lùng. Đám tang của một trẻ lang thang không biết ai đã đưa vào phòng lạnh...

Người ta có bàn tán vào ra nhưng rồi ai cũng bận rộn cả...

Phong Diệp

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA

Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước*

♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện

15 place Souham, F-75013 PARIS

Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Phong Cách Phong Điệp

Nguyễn Văn Thọ

Tôi là người duyên muộn nên không được đọc Phong Điệp (PD) nhiều trước khi đọc tập truyện ngắn thứ tư : **Phòng trọ** *. Xuân 2001, **Phòng trọ** theo tôi đến Châu Âu, rồi lại hai truyện ngắn gần đây. Tự nhiên tôi tin rằng, loại trừ những thay đổi có tính thao tác kỹ thuật, với những truyện chị viết trước đó, ắt hẳn tác giả này đã sẵn một phong cách : **Phong cách Phong Điệp** !

Sao có niềm tin như vậy ? Bấy nay, tôi vẫn nghĩ, văn chương là cánh rừng rất đẹp nhưng lối vào đầy gai. Phong cách là nét riêng của mỗi cánh rừng ấy, thể hiện cái tôi, khuôn dáng và tư cách văn chương của từng tác giả. Có người viết mòn bút không tạo nên phong cách. Có người mới xuất hiện chỉ dăm tác phẩm đã có một khuôn mặt văn chương. Phong cách còn thể hiện bản lĩnh nhà văn. Và, ở từng nhà văn, nó là tư chất chống lại dòng chảy đua thời thượng, sự nổi danh giả dối tiềm chứa trong mỗi người ! Nếu loại bỏ một vài nhược điểm nhỏ (ít nhiều phụ thuộc vào kinh nghiệm đời văn) truyện ngắn Phong Điệp **Phòng trọ**, thực sự làm tôi ngạc nhiên. Một con suối chảy khác dòng, lượn trên thảm rừng văn chương, tạo nên cõi chơi, không lẫn vào bất kỳ tác giả nào trước và sau làn gió mầu Điệp.

Đây 258 trang với 25 truyện ngắn, đa số những truyện trong **Phòng trọ** ngắn. Nhưng điều ấy cũng không là căn cứ để chú ý, đánh giá nét riêng Phong Điệp. Sự dài ngắn, có cốt chuyện hay không, chỉ là phương pháp riêng, mà phương pháp riêng thì chưa đủ để nói lên phong cách của một tác giả. Hai nữa là, ở mỗi tập truyện ngắn, bản thân mỗi truyện là một phần tử độc lập. Chỉ mỗi phần tử cũng chưa đủ nói lên phong cách, nhưng khi xâu chuỗi những phần tử ấy lại, nhận ra một giải màu nhiều sắc trùng lặp thì lập tức nó phản ánh một khuôn mặt có nét. Người đọc nhận ra một chút ánh sáng nào đó, ngoa ngôn thì gọi là xu hướng văn chương, có khả năng là xu hướng của một thế hệ. Phong cách không chỉ đề tài hay luận đề, sự dụng công mà là sự tổng hợp rung cảm, cung độ rung cảm với kỹ thuật viết và tư duy nghệ thuật.

Đối tượng của **Phòng trọ** là những con người và sự việc vụn vặt, rất tầm thường của đời sống hôm nay. Phong Điệp là người có tài, chọn, lấy nên thành chuyện. Lại không đi theo dòng chảy cũ, chị viết, tái hiện những mảng sống, những cảm nhận bằng ngôn ngữ văn chương tạo ra nhiều bức hình liên tục. Khi thì cảm nín, khi thì đầy đối thoại, màu sắc, âm thanh. Và, khi những tấm hình kia đặt cạnh nhau, hình thành sự chuyển động, động thái cuộc sống, mang lại ý nghĩa cho truyện. Truyện ngắn Phong Điệp không thể nhận rõ ngay chủ đề mà tác giả trao gửi ; hiếm mâu thuẫn

kịch tính và điểm rơi bất ngờ, đa số ý nghĩa của câu chuyện thường được tác giả kín đáo, e ấp giấu đi, nó chỉ bật ra giữa những chi tiết, hình ảnh, cảm xúc được tác giả dựng lên. Lối viết này, làm tôi liên hệ với ngôn ngữ điện ảnh, cấu trúc nói bằng hình của điện ảnh và thơ hiện đại. Nhiều hình tượng và những chi tiết đời sống cảm nín, nhưng khi đứng cạnh nhau, thoát trở thành biểu tượng gợi mở vấn đề. Sự cấu kết ấy có ưu điểm là tạo nên sự tò mò cho bạn đọc, nếu nhà văn tài hoa, biết bí mật những diễn biến sau đó, nhất là phần kết cục, mang hiệu ứng hấp dẫn. Sự hấp dẫn, gây tò mò bao giờ cũng là điều cần thiết hàng đầu của nghệ thuật. Như vậy, Phong Điệp thường làm người đọc bất ngờ. Nhưng nếu xâu chuỗi vụn vặt, chọn hình, chi tiết liên kết thiếu tinh tế, ít đa thịt cuộc sống, thì làm người đọc mệt mỏi, chán nản bỏ cuộc. Khác với lối viết logic truyền thống dây cà dây muống, cà kê, Phong Điệp tỏ là người quan sát tinh tế và như con chim chọn hạt, lại có văn chất làm nên duyên ở mỗi trang văn. Ở đây cần chú ý đặc biệt tới cách chấm phá nhân vật, cá tính, tình tiết rất ngắn mà vẫn nêu bật ý đồ định chuyển tải của tác giả khi muốn, tạo nên điểm sắc nhọn của nhân vật và tình tiết bằng lối tả hết sức cô đọng, cặn cặn. Lại xử lý tốc độ thành thực, bỏ qua cả logic về thời gian, sự dẫn chuyện hiện đại. Truyện PD ngắn đi và vẫn giữ được không khí. Chất liệu xine, kể bằng hình, thoại và tả sinh động, lúc toàn cảnh, khi cận cảnh, bỏ qua những vùng đệm dẫn truyện là cách dẫn hiện đại, tránh được điều hay mắc phải của người kể chuyện, nặng về câu chuyện xảy ra như thế nào. Trong **Phòng trọ**, các giai phẩm như : *Lãng kinh*, *Cửa sổ sáng đèn*, *Không tình yêu*, *Ngôi nhà ngập ánh sáng...* là những truyện rất rõ về hình thức kết cấu định dạng Phong Điệp. *Ma mèo* là một truyện pha trộn giữa lối nói bằng hình của điện ảnh và kết hợp với lối dựng truyện cổ điển. Ý tưởng trong *Ma mèo* không lạ, nhưng người đọc vẫn bị cuốn hút, bất ngờ là do cách kể của Phong Điệp, có thể chính vì cái không khí mong manh, ảo và thực trong nhân vật mà cụ thể ở đây là sự đối nghịch giữa người đàn bà đau khổ và tâm hồn thơ ngây của bầy trẻ.

Theo tôi, mọi nhà văn đều là người kể chuyện cho đời. Nhưng lối kể của nhà văn thực sự là *viết truyện* khi bút pháp mang lại linh hồn cho từng dòng chữ và tạo được những mạch chảy với các tốc độ khác nhau, dụng ngôn có ý thức, có văn mà vẫn tự nhiên. Trong thực tế, có những tác phẩm văn học hình thành nhờ vốn sống của tác giả. Người viết cứ việc bung cuộc sống lên trang viết ít nhiều mang lại thành công nào đó về mặt văn học. Nhưng vốn sống không phải là cái kho vô tận. Và lại, nếu thiếu trí tưởng tượng thì dẫu có nhiều chuyện của đời sống, dù có viết nhiều cũng chỉ tạo nên những đứa con na ná như nhau. Lối gảy truyện của Phong Điệp, do có hình như tôi nói trên, cách thay chuyển tốc độ và giọng kể đổi thay ở mỗi góc **Phòng trọ**, chứng tỏ tác giả bút lực sung mãn, tài hoa. Đấy có thể là cái mầm tài để Phong Điệp, nếu năng hàm dưỡng, còn vươn xa hơn nữa. Cũng từ lối dựng, mang tính xi nê nói trên, đã tạo một cảm giác khách quan cho người đọc, dường như tác giả đứng ngoài những sự kiện. Vì thế một vài nhà văn nhận xét văn

chị lạnh lùng, quan sát lạnh lùng. Theo tôi đây là nhận xét ở tầng nghe thấy, ngửi thấy trên văn bản. Sau những tấm hình kia, trong hơi văn, người đọc thấy rõ mối quan tâm, hay nói đúng hơn là xu hướng của tác giả trong tổng thể. Và, cái thế giới bình thường hàng ngày diễn ra quanh ta, đã được Phong Diệp khu lập chỉ ra những điều yêu và ghét của một thế hệ. Bút pháp thay đổi, tạo nên sự đa thanh, tự đổi mới trong tập. Nếu đặt hai truyện như *Thảo nguyên* và *Tuần có sáu ngày* cạnh nhau, sẽ bật lên những tương phản. *Thảo nguyên* mềm tính trữ tình trong tâm hồn Phong Diệp. *Thảo nguyên* là thước phim giàu chất thơ, nhiều đoạn rất gọi, đậm thắm. Nhân vấn đề thay đổi giọng kể tôi nhớ đến cụ Tô Hoài có lần nói với tôi : “ *Ông có nhiều nhà văn, nhà thơ một truyện một bài.*” Một nhận xét tinh quái ! Tôi còn cho rằng, ngay cả những người thành danh, nếu không tự nhận ra điều ấy, nắm bắt được những khoảnh khắc đột phá mới của tâm hồn, thời đại sẽ vẫn sinh ra những bản sao mới của chính họ.

Thực ra, lối dựng truyện như Phong Diệp là khó thành công. Rất dễ sa vào giống như một văn bản phân cảnh của phim. Làm chủ được những trang viết, Phong Diệp tránh được vấn đề này chính ở nhiều đoạn văn mô tả có hồn, chính xác, dù rất ngắn, cái hồn văn tràn chất thơ hiện đại. Trong *Phòng trọ* nhiều câu rất Phong Diệp. Tôi thực sự thú vị khi đọc những câu như :

Một người đàn bà đứng căng thẳng giữa nhà (Ma mềo)

Mùa thu đã đi đến ngã tư rồi còn gì (Lăng Kính)

Tiếng vọng ngoài sân vang tới chỗ tôi nằm. Tôi lặng đi, thấp thỏm chờ đợi một lần nữa cái giọng như hát ấy cất lên. không gian bỗng ủa về lao xao... (Thảo nguyên)

Ngôi nhà vừa như được vớt lên khỏi bề nước đầy rêu và dương xỉ (Ngôi nhà tràn ngập ánh sáng)

“ *Thành phố rộng lớn quá khiến con người bỗng bị lọt thỏm trong đó.*” Câu này thì bình thường. Nhưng khi tác giả viết tiếp : “ *Những ước mơ cũng trở nên tẻ mồm và hết sức tội nghiệp*” (Cửa sổ sáng đèn) thì tôi bật cười. Chỉ có chị viết vậy !

Đã nhiều nhà văn tên tuổi, như Vũ Bảo, Nguyễn Quang Thiều, Trần Đăng Khoa, Trần Mạnh Hảo phát biểu về những ưu điểm của văn chương Phong Diệp. Tôi không muốn lặp lại những nhận xét đã được công bố. Chỉ muốn nói thêm một điều cảm nhận hiện tượng các nhà văn nữ xuất hiện trong vòng hơn mười năm trở lại đây.

Trong số các cây viết nữ, có người xuất hiện như tiếng đập cánh xao xác xuống văn đàn vốn đôi khi bình yên. Tiếng đập lạ, có ma lực, nhưng từ những quan niệm văn chương không thuần hoà mang màu sắc cá nhân cực đoan, văn bỗng mang bóng đen của cánh bay phù thủy. Hiện tượng khác thì như mạ non mùa xuân. Đám mạ cố vươn lên sắc mầu trần trở và man mác. Trong xu hướng trọng thị kỹ thuật, nó như vụn lúa ngăn ngày chêm vào hai mùa chính chưa thay đổi được diện mạo đã đậm chân của văn đàn.

Phong Diệp xuất hiện không ồn ào náo nhiệt. Kiên trì và từng bước chị vươn tới vị trí của người viết trẻ làm nhiều đàn anh thán phục. Thôi đừng nói với những điều chưa tới,

nhưng *Phòng trọ* chứng tỏ một văn hồn trong sáng và quyết liệt của một thế hệ. Dường như, với chị, thế hệ chị, cuộc sống vốn như thế và chị nhìn nó, chiếu một lăng kính cho người đọc bình thần nhìn rõ thêm, chấp nhận nó, dù chẳng thiếu cay nghiệt. Cho vậy, tôi không hề có cảm giác buồn khi đọc Phong Diệp. Trái lại tôi khám phá ra rằng, trong cuộc sống hiện thời, chưa thể cầu toàn được ; người ta giống như những con người ở đồng bằng sông Cửu Long, có khi còn phải biết *sống chung với lũ* ! Điều quan trọng là không tự giết chết những khát vọng. Mà khát vọng thì mỗi thế hệ luôn biểu hiện khác nhau, đó cũng là sự bội sinh cần và đẹp.

Nói như vậy không có nghĩa *Phòng trọ* với ngòi bút của nữ sĩ Phong Diệp là tròn trịa. Ngay trong nét tươi trẻ, sắc sảo của văn phong Phong Diệp đã bộc lộ nhược điểm của không chỉ riêng Phong Diệp, mà dường như của nhiều người trong giới cầm bút hôm nay. Người đọc nhận ra chân dung lớp lứa của tác giả. Tất nhiên không nhất thiết phải giấu đi điều ấy, nhưng đã là văn chương, ngòi bút phải vượt lên chính cái lớp lứa của thế hệ mình, cũng như vượt ra những sự thấp hèn của cuộc sống. Làm được điều ấy các tác phẩm không chỉ có giá trị nhất thời. Nam Cao viết khi còn rất trẻ. Mozart viết nhạc khi còn ấu thơ. Nhưng ai nhận ra dấu ấn tuổi thơ của họ ? Những trang viết trong những tác phẩm lớn không có tuổi !

Dẫu như Vũ Bảo nhận xét, Phong Diệp từ bỏ con đường quen chân rẽ sang một chặng đường mới **, nhưng trong *Phòng trọ* vẫn đôi khi rớt xuống một câu văn làm điệu, đoạn phô diễn công lực trong kỹ thuật chấm câu, thả phẩy, vài câu triết lý thơ ngây. Thậm chí, có thể do lệ thuộc với ý tưởng Ngán, chị viết dễ dãi : “ *Chú rể to vạm vỡ. Cô dâu xinh như mộng.* (!)” (Búp Bê Đồng Trinh)

Nhưng những nhược điểm ấy trước sau Phong Diệp khác phục được, bởi nó không thuộc về văn chất mà thuộc về thao tác kỹ thuật.

Như nhiều tác phẩm hiếm hoi được bè bạn từ Việt Nam chọn gửi cho tôi đọc trên xứ người, *Phòng trọ* - Phong Diệp dặt tôi về với cơn mơ ảo huyền của một người bạn viết khác dòng. Đôi khi đọc lại cuốn sách này, bất giác nghĩ, thế hệ chúng tôi đã đi qua nhiều khúc quanh của cuộc sống, còn họ, những người trẻ ? Tôi hy vọng, chẳng mấy chốc lại nhìn thấy một khúc quanh mới trên lộ trình văn chương. Nơi đó hiện lên một cánh đồng hoa lạ chín rộ, trong ấy có văn chương Phong Diệp.

Tôi vốn là người lãng du. Tôi yêu những đóa tulip, loài hoa vốn chẳng đợi hết tháng ba, chẳng sợ lạnh giá, xuyên qua băng tuyết, vút lên kiêu hãnh thấp màu lửa lung linh, đỏ sậm...

Nước Đức- Xuân 2002

Nguyễn Văn Thọ

* Tập truyện ngắn *Phòng trọ*, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2001

** Lời bạt trong *Phòng trọ*, Vũ Bảo

Trang Thơ

Đập vào vách đá

*Có quá nhiều buổi chiều nắng không rơi
Có quá nhiều người sống không mở mắt
Có quá nhiều trái tim đập vào vách đá
Có quá nhiều gian dối mượn sách thánh hiền*

*Ở nơi thổng khổ không tiếng kêu
Mượn giọng rên khoái lạc của người nói nhức
nhối của mình*

*Em ạ
Lời của mình chỉ là cái đinh
Xoáy vào bất hạnh của cô bé rời quê lên thành
phố đứng đường*

*Thằng nhà thơ chênh vênh bên cửa sổ
Trầm ngâm giữa nhảy xuống và leo lên
Thiên hạ nói cười chỉ vào đũng quần
Thằng ngớ ngẩn đang mặc quần đùi
Em ạ
Hắn quên lệ bộ trước khi trình diễn*

Hà Nội 21/1/2001

Thi Êm

Khi không còn thiên cổ

*Mưa bụi cuối hồ rất xa rất vắng
Lăn lộn hành trình giữa đến và đi
Anh chạy mấy vòng cứ gặp bóng mình
Nghỉ ngút hương lòng nửa đêm vẫn lạnh*

*Ở nơi tuyệt cùng của đất
Nước vỗ nghìn thu vời vợi
Ở nơi thăm thẳm của người
Người mất tính người xa hun hút*

*Có chăng một bình minh
Khi không còn thiên cổ
Còn chăng người giống người
Khi soi mình đáy Nước*

Hồ Hoàn Kiếm.
Cuối năm âm lịch.
Xong rồi một thiên niên kỷ.

Thi Êm

Gió

*Có những ngày
em rức rĩ một mình
tựa vai nắng buổi chiều ngày khác
sa lầy kỷ niệm
mặt trời lặn vu vơ*

*buồn rất trong
lắm tấm mồ hôi gương mặt hoài niệm
bệnh cúm mùa thu đông đánh
em cốm mềm ủ lá sen khô*

*Người say về bến sông
đưa nàng gió hồi xuân tìm chồng
chắc buồn
rót một câu vào hang đế
trí như hình chiếc kim khâu giấy
lũ đế ngộ độc than thơ*

*Người xén cỏ
nhặt lên chiếc khuy ngà
không ngăn được gió
từ ngực hoàng hôn ủa ra*

Phan Huyền Thư

Hà Nội 12-11-01

Trích thi phẩm *Năm Nghiêng*

Cô Bán Hoa Ơi

*Tôi ở bên này quá xa xôi
Muốn mua hoa tết, gửi giùm tôi
Bên này chỉ có toàn hoa tuyết
Xin gửi những hoa thật tuyệt vời*

*Hoa hồng, hoa huệ, hoa hướng dương
Hoa nào mang đến sự yêu thương
Thì cô bán hết, đừng nên tiếc
Tôi sẵn sàng mua cảm khắp vườn*

*Riêng tôi thích nhất những cành Mai
Tết ở bên này chẳng có ai
Xin chọn cành Mai nào đẹp nhất
Mai Vàng, Mai Ngọc, nhớ đừng sai*

*Và gửi cho tôi một cành Đào
Nhìn hoa tôi thấy dạ xôn xao
Thấy hoa, chẳng thấy người đâu cả
Đợi gặp người hoa đến kiếp nào ?*

*Nhà tôi ngay phố Mộng Lê An *
Cách núi Royal một dặm đường
Có một vườn thơ, chim riu rít
Nếu giao hoa được mời cô sang*

*Xin đừng từ chối, ngại đường xa
Nếu tối, mời cô ở lại nhà
Có sẵn giường đôi, hai chiếc gối
Đêm nằm mơ mộng chuyện trăng hoa*

Tân Văn

(*) Montreal, Canada

Hoàng Tiến

Tiết Cương phá thiết khâu phần

Tặng nghệ sĩ nhiếp ảnh K. C.

1 Tiết Cương là con Tiết Nhân Quý và Phần Lê Hoa. Bố mẹ bị vu oan. Triều đình hành quyết. Phần mộ để trên một cái gò, còn bị chằng dây xích sắt, nên gọi thiết khâu phần. Tiết Cương nhỏ tuổi được vú mẩu bế chạy. Sau lên núi, tìm thầy học đạo. Lúc hạ sơn, quyết chí báo thù. Tiết Cương tìm đến phần mộ làm lễ tế bố mẹ, phá dây xích vây quanh, thề giết hết bọn quyền thần xảo quyệt.

2 Quan thượng thư bộ Công là Đào Tấn đi đi lại lại. Bóng ông chập chờn trên vách. Đài nến cháy gần tàn. Những giọt nến đọng lại quanh chân nến sần sùi như bộ mặt người hủi được nặn bằng sáp trắng. Nghiên mực đen như cửa ngục thất nổi xác vài con thiêu thân vào ăn đèn rớt xuống. Vở kịch *Tiết Cương phá thiết khâu phần* để mở trên án thư.

Ngoài kia trời đã tối mịt. Hàng đàn đom đóm lập loè ánh lửa ma trời trên dòng Hương Giang. Rồi chúng bốc lên cao, theo luồng gió thổi, giạt vào bãi tha ma cạnh thôn Vĩ Dạ. Vẳng lên từ bãi phần mộ một tiếng cú kêu dài như sợi chỉ giăng suốt không gian. Oan hồn những người chết như thức dậy trong đêm khuya hoang vắng. Đào Tấn rùng mình, khi nghe tiếng cánh cửa gỗ lim bị gió thổi, xoay trên bản lề, ken két giống tiếng một người nghiêng răng tức giận. Ông thở dài.

Thời nào cũng có những người chết oan. *Công bằng viễn lộ hà thị xứ ?* (Con đường công bằng xa lắc biết ở đâu đây ?) Bọn gian thần thời nào cũng lộng hành. Chúng đâu có sợ luật pháp. Vì luật pháp do chúng làm ra. Chúng lại bẻ queo luật pháp để che giấu những âm mưu đen tối. Ông bước vào hoạn lộ đã lâu. Ông hiểu rõ hơn ai hết. Những đàn cảnh hậu trường của việc kiện tụng. Nỗi oan khiến dâng sớ tâu trình viết bằng máu và nước mắt, bị vứt vào sọt rác không chút tiếc thương. Những mảnh lối tình vì để được lòng vua, được lòng quan trên, bố trí kỳ công như một chiến dịch công đồn.

Ông ngán ngẩm việc làm quan của cái thời “*đạo dĩ chính, tề dĩ hình*” (dùng sức mạnh để trị nước, dùng hình phạt để yên dân) ; ông thêm khát cái trật tự của thời “*đạo dĩ đức, tề dĩ lễ*” (dùng đạo đức để trị nước, dùng lễ nghĩa để yên dân) ; cái thời đêm ngủ không phải đóng cửa ngõ, đồ để quên không ai lấy đi, con người cư xử đầy tình nhân ái với nhau. Ông muốn noi gương Đào Tiềm lui về trồng cúc vàng sống cùng bầu rượu túi thơ, để đêm đêm được mơ giấc mơ của Từ Thức lên động Hoa Vàng ngủ say cùng trời cùng đất. Nhưng đâu có được. Ai cho phép ông treo ấn từ quan ? Vì làm thế là lộ rõ sự trái quấy của nhà vua, là nhổ vào mặt hàng ngũ đám quan lại tham quyền cố vị, là tỏ ý chế họ rặt phường ô trọc giá áo túi cơm, chỉ riêng mình là thanh cao mây ngàn gió nội. Những thế lực hắc ám ấy được vây bủa bằng những hàng rào định chế chằng chịt, đã trói buộc ông trong vòng cương toả. Đã đen thì cùng đen cả, mèo

nào chẳng ăn thịt chuột, chứ ai cho anh nhò cái đầu trắng anh lên hoà đồng dị biệt.

Ông đã tìm cách nhò cái đầu trắng lên chứ không chịu cá mè một lứa. Ông làm quan mà lập gánh tuồng, tự viết lấy vở và chỉ đạo diễn xuất, nổi tiếng là một ông thầy tuồng trong quan giới. Người thích ông, người ngại ông. Người yêu quý ông, người thù ghét ông. Mặc, ông không tạo dựng được sự nghiệp trong kinh bang tế thế, thì bộc lộ chí khí mình trong nghệ thuật thơ văn. Vở *Tiết Cương phá thiết khâu phần* được nhiều người tán thưởng. Quan đại thần phụ trách Cơ Mật Viện là Trương Như Cương, người hoàng tộc, cậu ruột vua Thành Thái, có tật giật mình, cho là viên thầy tuồng họ Đào muốn xỏ hấn. Và để hại viên quan ương ngạnh Đào Tấn, hấn đã mật tâu vua Thành Thái.

Lệnh vua triệu đoàn tuồng vào diễn tại cung đình để vua thưởng lãm.

Tin ấy truyền đến đoàn tuồng. Mọi người run sợ. Họ đề nghị ông sửa lại câu nói chết tiệt ấy đi. Cái câu nói biểu diễn ở mọi nơi, đều được quần chúng hò reo tán thưởng, đã thành cái gai chọc nhói tim Trương Như Cương. Sớ là vở tuồng có một đoạn diễn lính hầu vào báo quan :

LÍNH HẦU : *Cấp báo !... Cấp báo !... Tên Cương về phá thiết khâu phần.*

QUAN LỚN (đập bàn quát) : *Tên Cương nào ?*

LÍNH HẦU : *Dạ ! Dạ !... Một tên Cương mọi người đã khổ quá rồi, quan lớn còn muốn có mấy tên Cương nữa ạ ?*

QUAN LỚN : *Cha chả ... là nguy !... Quân bay đâu ?!...*

...

Trương Như Cương biết là Đào Tấn chửi xỏ hấn. Và mọi người vui cười hả hê, chính vì cái câu nói đã vạch rõ chân tướng hấn. Là quan đầu triều, hấn thường thì thọt ra vào dinh khâm sứ Pháp đóng bên kia sông ; lại kinh định với cánh Tôn Thất Thuyết kiên định chống Pháp. Hấn được phụ trách một cơ quan quan trọng nhất của triều Nguyễn là Cơ Mật Viện, liền kéo bè kết cánh, thăng trật những quan lại thân tín, chuyển dịch những quan lại cứng đầu có ý kháng Pháp đi xa. Mọi người sợ hấn như sợ cọp. Ai cũng muốn lấy lòng hấn. Cúi rạp chào nhác trông hấn từ xa. Toe toét cười khi thấy hấn đến gần. Và xanh xám mặt mày đến ngất xỉu lúc hấn nhân mũi nhú mày. Ấy vậy mà cái lão thượng thư bộ Công dám vuốt râu hùm, dám chửi vỗ vào mặt hấn trước bàn dân thiên hạ. Không trị được tên quan gần gũi này thì còn gì là thể thống quan đại thần Cơ Mật Viện. Tất cả sẽ được định đoạt ở buổi diễn tối mai.

Đào Tấn suy nghĩ lao lung. Ông gấp vở kịch lại, ra trước song cửa nhìn về bãi tha ma mộ địa tối om trong cảnh đêm đầy như địa ngục. Lần này đàn đom đóm lại từ bãi tha ma bay về sà xuống dòng sông Hương lượn khúc qua cửa nhà ông. Tiếng xào xạc lá cây nghe như lời thở than của những vong linh không nơi nương tựa. Ông trở lại án thư, tiếp ngọn nến khác, lật vở kịch ra, cầm chiếc bút lông, chấm vào nghiên mực, xoe xoe cho đầu bút tròn trịa, và gạch một vết đen thẫm lên trang giấy muốn chôn vùi những hàng chữ nguy hiểm ấy đi. Chiếc bút bỗng khựng lại như có một bàn tay giữ chặt. Một tiếng nói ngay đằng sau gáy :

- Tiên sinh bẻ queo ngòi bút vì sợ mất chức ư ?

Ông quay đầu lại xem ai, chỉ thấy cái khoảng trống vắng lặng sau lưng, và trên bức vách bóng hình ông to tướng rung rung. Ông lại đặt bút lên trang giấy. Chiếc bút lại bị giữ chặt, và một tiếng nói lại vang lên lần này ngay bên tai ông :

- Tiên sinh bề queo ngồi bút vì sợ chết ư ?

Ai đấy ? Ông đứng bật dậy quay nhìn xung quanh. Ai nói đấy? Vẫn không thấy gì ngoài bóng hình ông trên vách. Ông hoảng hốt ngó ngang một lúc, và bất chợt nhận ra xác mấy con thiêu thân nằm giữa nghiền mực đen như những cánh hoa cau trắng phớt. Ông thở dài, gác bút lên giá, rồi ngả người trên ghế ngắm nhìn ngọn nến đang tiêu huỷ chính cơ thể mình để đốt lên ngọn lửa làm sáng gian phòng. Ông cứ nhìn trân trân như thế.

Sáng ra, lúc người hầu vào thư phòng, thấy quan thượng thư đang ngủ vùi trên chiếc ghế mây. Vở kịch vẫn để mở trên án thư. Chiếc bút lông vẫn cắm trên giá bút.

3 Buổi trình diễn bắt đầu.

Vua Thành Thái ngồi chiếc ghế chạm rồng trước sân diễn, tay cầm dùi trống giữ nhịp khen chê. Bên cạnh là Trương Như Cương, thỉnh thoảng lại ghé vào tai vua thì thào. Quan thượng thư kiêm thầy tuồng Đào Tấn ngồi lùi phía sau, vừa quan sát thái độ nhà vua vừa theo dõi tích trò. Các viên quan khác có mặt trong thành nội đều cho phép đến dự. Sau nữa là các cung tần mỹ nữ, cùng đám thái giám phục dịch trong cung.

Trước khi diễn Đào Tấn đã gặp gỡ các nghệ sĩ của mình. Họ vẫn xin ông bỏ câu ấy đi. Có người quỳ dưới chân ông, vãi lạy mà nói : “ Bẩm quan lớn, chúng con còn mẹ già con dại. Quan lớn thương cho, chúng con xin kết cỏ ngậm vành ”. Ông đã nâng người diễn viên ấy lên, nghiêm khắc nói : “ Nếu bỏ đi, nhà vua truy hỏi, mắc tội đối vua, thì bị chém ngang lưng chứ chẳng chơi đâu ”. Rồi ông dịu giọng : “ Tôi cũng nặng gánh không kém gì các ông. Có làm sao tôi xin chịu. Các ông cứ đổ hết lên đầu tôi ”.

Và bây giờ trống đã giục, đàn đã dạo, những ngọn bạch lập được thấp sáng choang sân diễn. Và những nghệ sĩ của ông oai phong lẫm liệt trong những bộ giáp trụ, mắt sáng lung linh, da mặt bùng bùng tiết tháo, đang vung chân múa tay theo nhịp trống đàn. Họ như quên bồng cả cảnh vật chung quanh.

Tới đoạn lính hầu vào báo quan. Nhiều tiếng cười trong đám cung nữ rộ lên. Bỗng các ! các ! dùi trống nhà vua gõ mạnh vào tang trống. Buổi diễn ngừng lại. Mọi người thót tim. Đào Tấn cũng vã mồ hôi hột. Rồi ngài ngự truyền : “ Diễn lại đoạn vừa rồi ! ”.

Các diễn viên lo quá. Nguy to rồi ! Phen này thì không còn cái gạo để về lễ tổ tiên. Họ sợ đến mức nói nhủ cả lưỡi.

LÍNH HẦU : *Cấp báo !... Cấp báo !... Tên... tên... tên Cương... Cương... Cương... về phá... phá... thiết... thiết... khâu... âu... âu... phần... ăn... ăn...*

QUAN LỚN (đập bàn quát) : *Tên Cương... Cương... Cương... nào... ào... ào ?*

LÍNH HẦU : *Dạ ! Dạ... a... a ! Một tên Cương... Cương... Cương, mọi người đã... khổ... khổ... khổ quá rồi, quan lớn còn muốn có mấy tên Cương... Cương... Cương... nữa... a... a... ?*

QUAN LỚN : *Cha chả... là... nguy...uy ! Quân...uân... bay... ay... đầu... âu ?!*

Diễn xuất tâm trạng hốt hoảng như thế là tuyệt đỉnh.

Một hồi trống khen thưởng rung lên. Rồi ngự truyền : “ Diễn tiếp ! ”. Đám người xem bỗng reo to : “ Thánh thượng vạn tuế ! Vạn vạn tuế ! ”.

Tan buổi diễn, Trương Như Cương theo sát vua Thành Thái đi vào cung. Hắn ghé tai nhà vua :

- Tàu bệ hạ, tên Đào Tấn đã dám ám chỉ người bề tôi trung thành của bệ hạ, cũng có nghĩa là ám chỉ bệ hạ. Sao bệ hạ lại tha cho nó ?

Vua Thành Thái quay lại và nói :

- Một Đào Tấn chứ mười Đào Tấn ta cũng chém cả. Nhưng ngặt vì đằng sau nó còn có hàng vạn người hâm mộ tuồng của nó. Ta không đại gì mà đương đầu với bọn họ. Người cầm quyền thì phải biết điều đó, chứ không phải muốn giết ai là giết đâu.

Rồi ngài nhìn ông cậu từ đầu xuống chân, phán tiếp : “ Còn cậu cũng vừa vừa chứ. Nếu không, cháu cũng chẳng bênh nổi cậu đâu ”. Ngài phẩy tay, quay lưng, đi vào cung.

Trương Như Cương đứng như trời trồng.

4 Đào Tấn ngồi bên án thư, ngắm nhìn những diễn viên tuồng đang ôm nhau ngủ say trên sân nhà. Nhiều người còn chưa kịp rửa phấn son trên mặt. Nom họ lúc này thật đáng yêu như những đứa trẻ thơ. Họ vừa trải qua cái chết trở về. Đào Tấn mỉm một nụ cười. Ông mở rộng trang giấy, cầm chiếc bút lông, chấm vào nghiền mực, xoe xoe cho đầu bút tròn trịa, vén tay áo thảo một bài thơ :

*Ta sĩ rách hẻ, sinh buổi nhiễu nhương
Mượn cây bút hẻ, tỏ chí can trường
Đường chống gai hẻ, ta không lùi bước
Đời đen bạc hẻ, lòng ta bi thương.*

*Ngẫm thế sự hẻ, dầu ta sớm bạc
Nghĩ nhân tình hẻ, miệng ta cười vang
Múa cây bút hẻ, ta thay đao kiếm
Phá đối lừa hẻ, thông thoáng thế gian.*

Xuân Nhâm Ngọ 2002

HOÀNG TIẾN

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 5 €

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thẻ lệ mua báo : xin coi trang 2.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)